



BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ GIỮA KỲ CÓ SỰ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH, VIỆT NAM



Thực Hiện Bởi:

Nhóm Tư Vấn Độc Lập- Tp. Hồ Chí Minh

- TS. Trương Thị Tuyết Nương
- Ths. Nguyễn Thị Tuyết Lê

Lời Cảm Ơn

Nhóm tư vấn lượng giá giữa kỳ dự án AAV chân thành cảm ơn sự nhiệt tình giúp đỡ của các cơ quan/ tổ chức/ nhóm và cá nhân sau đây:

ActionAid Việt Nam – Văn Phòng Chương trình Phía Nam: Ông Lê Tiên Phong, Trưởng văn phòng, ông Phạm Phi Anh, cán bộ vùng, cô Chi, cán bộ phụ trách tài vụ và ông Cần, điều phối viên chủ đề giáo dục, đã thống nhất đề cương đợt lượng giá giữa kỳ có sự tham gia, bố trí khoa học lịch lượng giá và tập huấn, cung cấp đầy đủ tài chánh, phương tiện để thực hiện đợt lượng giá với kết quả rất cao đồng thời góp ý điều chỉnh bản báo cáo này để thuận tiện sử dụng cho sự phát triển của dự án AAV trong giai đoạn sắp tới;

Ban Quản Lý dự án AAV cấp huyện: Ông Phó Chủ Tịch phụ trách kinh tế UBND Huyện Cầu Ngang, bà Chủ Tịch Hội Phụ Nữ, ông Trưởng Phòng Giáo Dục, ông Phó Phòng Y Tế, ông Trưởng Phòng Nông Nghiệp và các cán bộ phối hợp trong dự án AAV đã đón tiếp chu đáo và chia sẻ nhiều kinh nghiệm về công tác chỉ đạo dự án AAV và phản ảnh chân thật việc thực hiện dự án này;

Văn Phòng BQL Chương trình Phát Triển huyện Cầu Ngang: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy, Phó Ban Quản Lý dự án huyện, ông Phạm Hùng Cường, cán bộ chương trình, Bà Phan Thị Ngọc Tú, cán bộ phụ trách hành chánh, ông Nguyễn Huy Cường, kế toán, đã sốt sắng điều phối và tham gia tích cực đợt lượng giá giữa kỳ này;

Các Ban Quản Lý dự án cấp xã: Ông Nguyễn Thanh Hùng, Chủ Tịch xã Hiệp Mỹ Tây, ông Trương Văn Mên, Bí Thư Đảng Ủy xã Mỹ Hòa, ông Trần Văn Ngọc, Phó Chủ Tịch Xã Hiệp Mỹ Đông, ông Lê Minh Luân, Chánh Văn Phòng UBND xã Thuận Hòa, và Ông Trần Long Hòa, Chủ Tịch UBND xã Thuận Hòa đã chủ trì các buổi họp BQLDA xã và thẳng thắn trao đổi thông tin phong phú và có giá trị;

Các Ban Phát Triển ấp đã dự họp rất đầy đủ và phản ảnh trung thực việc thực hiện dự án AAV ở cấp cơ sở;

Bà con, cô bác, anh chị em, và nhất là các cháu học sinh đã tỏ ra rất vui vẻ và có bản lĩnh khi tham gia tích cực vào đợt lượng giá này;

Nhóm đánh giá: các cán bộ vùng Sóc Trăng, Ninh Thuận, CB-NV VP. CTPT huyện Cầu Ngang, các điều phối viên và cộng tác viên của dự án AAV đã cùng tham gia với 2 tư vấn viên rất nhiệt tình và cầu tiến để hoàn thành tốt nhiệm vụ được ủy thác.

Chúng tôi cũng thành thật xin lỗi vì không thể liệt kê hết nhiều người khác đã đóng góp công sức quý giá vào đợt lượng giá này.

Chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

Bảng	v
Hình	v
Tranh vẽ	v
Phụ Lục	v
Hình Ảnh	vi
Chữ Viết Tắt.....	vi
Tóm Tắt Nội Dung Báo Cáo	vii
CHƯƠNG	Trang
I. CƠ SỞ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ	1
Giới Thiệu	1
Mục Tiêu của Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia.....	1
Khung Khái Niệm của Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia.....	2
II. PHƯƠNG PHÁP LUẬN	4
Cơ Cấu Đợt Đánh Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia	4
Kỹ Thuật, Công Cụ Thu Thập, Phân Tích Thông Tin	5
Cơ Quan/ Nhóm Đối Tác được Phỏng Vấn hoặc Thảo Luận.....	5
Mẫu Đánh Giá	5
Nơi Đánh Giá.....	6
Phân Tích, Xử Lý Dữ Liệu	6
III. KẾT QUẢ LƯỢNG GIÁ GIỮA KỲ DA6/AAV CÓ SỰ THAM GIA.....	7
A. Các nhóm tham gia lượng giá giữa kỳ DA6/AAV	7
A.1. Các Nhóm Hưởng Lợi Từ DA6/AAV.....	7
A.2. Nhóm Đánh Giá	7
A.3. Tự Lượng Giá Đợt Tập Huấn Công Cụ PRA.....	8
B. Nguồn Lực Đầu Tư Vào DA6/AAV	9
B.1. Nguồn Nhân Lực	9
B.2. Tâm Nhìn Của Cộng Đồng.....	14
B.3. Chi Tiêu Của DA6/AAV Trong Bốn năm Qua.....	15
C. Tiến Trình/ Các Mảng Hoạt Động Của DA6/AAV.....	19
C.1. Phương Pháp & Kỹ Thuật/ Các Tiến Trình Và Chiến Lược	22
C.1.1 Các Tiến Trình Phát Triển Và Tham Gia Của Người Dân	22
C.1.2. Các Tiến Trình Nhóm Nhỏ và Xây Dựng Năng Lực	24
C.1.3. Phương Pháp Tiếp Cận Dựa Trên Quyền	25
C.2. Các Mảng Hoạt Động của DA6/AAV.....	27
C.2.1 Mảng Reflect/ CLB- PTCD	27
C.2.2 Mảng Hoạt Động An Ninh Lương Thực	27
C.2.3 Mảng Hoạt Động Quyền Giáo Dục	29
C.2.4 Mảng Hoạt Động Quyền Phụ Nữ	31
C.2.5 Mảng Hoạt Động Y Tế- HIV/AIDS	32
C.2.6 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực	33
C.3. Mặt Mạnh - Yếu Của Các Mảng Hoạt Động	34

C.4. Khuyến Cáo.....	35
1. Lựa Chọn Mang Tính Chiến Lược Cho Kế Hoạch 2008- 2013...	35
2. Đổi Mới Cơ Chế, Hệ Thống Tổ Chức DA6/AAV.....	35
3. Những Đề Nghị Dựa Vào việc Chi Tiêu của DA6 Bốn Năm qua	36
4. Hỗ Trợ Xây Dựng Tâm Nhìn của Cộng Đồng.....	37
5. Phát Hiện Tiềm Năng của Phụ Nữ Tham Gia CLB- PTCĐ.	38
D. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DA6/AAV.....	38
D.1. Sự Tăng Quyền Lực Của Người Dân Nghèo, Thiệt Thời	38
D.2. Năng Lực Của Đối Tác Được Nâng Cao	45
D.3. Những Mong Muốn Của Người Dân về Kế Hoạch 2008-2013	50
D.4. Tăng Trưởng Kinh Tế Được Nâng Lên Và Hộ Nghèo Giảm đi	50
D.5. Sự Cải Thiện Điều Kiện Kinh Tế Xã Hội của Người Dân.....	51
D.6. Sự Cải Thiện Môi Trường Xã Hội Và Vật Chất	52
D.6.1. Môi Trường Xã Hội Được Cải Thiện	52
D.6.2. Môi Trường Vật Chất Được Cải Thiện	53
IV. KẾT LUẬN – BÀI HỌC KINH NGHIỆM	53
Phụ Lục	55
Hình Ảnh	84

BẢNG

Bảng	Trang
1. Các Nhóm Đối Tác Và Chủ Đề Trọng Tâm	5
2. Lược Người Tham Gia Phỏng Vấn Và Thảo Luận Theo Nhóm Mục Tiêu	7
3. Tự Lượng Giá Khóa Tập Huấn.....	8
4. Kinh Phí Thực Hiện các Mảng Hoạt Động Thuộc DA6/AAV	17
5. Nhóm Hương Lợi Từ DA6/AAV	18
6. Câu Chuyện Thành Công Trong Cộng Đồng	20
7. Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động Theo Ích Lợi Và Không Bất Lợi	24
8. Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động Theo Hiệu Quả	27
9. Xếp Hạng Các Hoạt Động Giáo Dục Theo Hiệu Quả	30
10. Phân Loại Ý kiến của Người Dân về các Mạnh - Yếu CTPT-H.CN.....	35
11. Ước Mơ Của Học Sinh Tham Gia Hoạt Động BTT	38
12. Tự Nhận Thức Những Giá Trị / Phẩm Chất Của Học Sinh BTT	39
13. Sự Thừa Nhận Hành Vi Không Thích Hợp Của Trẻ Em	40
14. Năng Lực Giải Quyết Vấn Đề “Bảo Giá” Của Gia Đình	41
15. Năng Lực Ra Quyết Định Trong Gia Đình	42
16. Niềm Vui- Nỗi Buồn Trong Tuần Của Em	43
17. Hạnh Phúc Và Buồn Khổ Của Phụ Nữ	44
18. Năng Lực Của Đối Tác Theo Bốn Cấp Độ Được Nâng Cao.....	45
19. Tự Đánh Giá Năng Lực Lãnh Đạo Theo Các Chức Năng.....	48
20. Tự Đánh Giá Thái Độ Làm Việc Của Các BQLDA Trong DA/AAV	49
21. Xếp Hạng Kinh Tế- Xã Hội	50
22. Cuộc Sống Vươn Lên Của Cộng Đồng Người Hương Lợi	51
23. Thu Nhập Bình Quân Đầu Người.....	51

HÌNH

Hình	Trang
1. Khung Khái Niệm Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia	3
2. Cơ Cấu Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia.....	4
3. Hệ Thống Tổ Chức Của DA6/AAV	10
4. Đổi Mới Cơ Chế Của DA6/AAV Trong Năm Năm Tới	83

TRANH VẼ

Tranh Vẽ.....	Trang
1. Làng Quê Của Em	15

PHỤ LỤC

Phụ Lục	Trang
1. Lịch Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia.....	55
2. Lịch Tập Huấn Công Cụ PRA	56
3. Công Cụ Sử Dụng.....	57

4. Danh Sách Cán Bộ DA6/ AAV Tham Gia Phỏng Vấn	67
5. Mặt Mạnh - Yếu – Thời Cơ – Không Thuận Lợi của Từng Mảng Hoạt Động	68
6. Mong Đợi Của Người Dân	75
7. Những Lựa Chọn Mang Tính Chiến Lược Cho Kế Hoạch 2008- 2013	76
8. Đổi Mới (Cơ Chế, Tiến Trình, Giám Sát) DA/AAV Trong 5 Năm Tới.....	83

HÌNH ẢNH

Hình Ảnh.....	Trang
1. Gia Đình Hạnh Phúc	84
2. Ước Mơ và Hy Vọng	84
3. Phụ Nữ và Tăng Gia Sản Xuất Nông Nghiệp	85
4. Phụ Nữ và Gia Tăng Sản Xuất Phi Nông Nghiệp.....	85
5. Phụ Nữ và Vị Thế Được Nâng Cao Trong Cộng Đồng.....	86
6. Phụ Nữ Được Tăng Quyền Lực	86
7. Nhóm Đánh Giá Thăm Gia Đình Người Dân, có Sử Dụng Công Cụ PRA....	87
8. Ban Quản Lý Dự Án Cấp Xã “Động Não” Khi Lên Kế Hoạch Dự Án.....	87
9. Bộ Phận Lãnh Đạo Trong Tương Lai Với Số Lượng Nam- Nữ Bằng Nhau..	88
10. Chuẩn Bị Hôm Nay Cho Quyền Phụ Nữ Và Bình Đẳng Giới Của Ngày Mai	88

VIẾT TẮT

AAV	: Actionaid Việt Nam, tổ chức hỗ trợ DA6/AAV
ANLT	: Mảng hoạt động an ninh lương thực, thuộc DA6/AAV
BGH-TTH	: Ban Giám Hiệu các Trường Tiểu Học đã tham gia DA6/AAV
BNDA	: Ban Nhân Dân ấp
BQLDA	: Ban Quản Lý dự án
BQLDA.X	: Ban Quản Lý dự án (AAV) tại Xã
BQLDA.H	: Ban Quản Lý chương trình phát triển tại huyện Cầu Ngang
BTT	: Bảo trợ trẻ
CB-NV-CTV	: Cán bộ, nhân viên, cộng tác viên
CBV	: Cán bộ vùng
CLB-PTCĐ	: Câu lạc bộ phát triển cộng đồng
CTPT-H. CN	: Chương trình Phát Triển Huyện Cầu Ngang
DA6/AAV	: Dự án phát triển vùng 6 của AAV, viết tắt của chương trình phát triển tại huyện Cầu Ngang
INGOs	: Các tổ chức phi chính phủ quốc tế
LGGK-TG	: Lượng giá giữa kỳ có sự tham gia của người dân
PRA	: Phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân
PTA	: Ban Phát Triển ở ấp
TTHTCĐ	: Trung Tâm Học Tập Cộng Đồng
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
VP.CTPT	: Văn phòng Chương trình Phát Triển huyện Cầu Ngang
VP.XĐGN	: Văn phòng Xóa Đói Giảm Nghèo huyện, tên gọi khác của văn phòng CTPT huyện Cầu Ngang

TÓM TẮT NỘI DUNG BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ GIỮA KỲ

1/ Giới Thiệu

Chương trình phát triển tại Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là dự án DA6/AAV) được tổ chức ActionAid Việt Nam triển khai từ tháng 6 năm 2003 và dự kiến đến năm 2010 sẽ chuyển dần vai trò tài trợ của AAV thành vai trò cố vấn kỹ thuật để cho đối tác địa phương tự điều hành, gây quỹ tài trợ.

Tháng 5- 2008, hai tư vấn có năng lực thực hành phát triển cộng đồng tại Việt Nam đồng thời chuyên sâu về nghiên cứu có sự tham gia đã tiến hành lượng giá giữa kỳ dự án này.

Mục tiêu của đợt lượng giá

- Đánh giá hiệu quả và tác động của dự án trong đó nhấn mạnh những mặt mạnh và yếu, đã tác động quá trình phát triển dự án,
- Đưa ra những khuyến cáo; và
- Tóm tắt các bài học kinh nghiệm.

Khung khái niệm đợt lượng giá giữa kỳ này là sự nối kết giữa sáng kiến của nhóm tư vấn, khung khái niệm phát triển năng lực của Bolger¹, và mô hình hệ thống cơ bản Snyder².

2/ Phương Pháp Luận

Phương pháp đánh giá có sự tham gia với 20 công cụ đã được sử dụng linh hoạt và hợp lý cho việc thu thập, phân tích, và xử lý dữ liệu. Có 22 người làm việc trong nhóm đánh giá; trong đó, 16 người từ cộng đồng xã, huyện và 6 người bên ngoài. Số lượt người cung cấp thông tin gốc là 512; trong đó phụ nữ là 53,2% và dân tộc Khmer là 23,05%. Đợt lượng giá tiến hành chủ yếu tại bốn xã Mỹ Hòa, Thuận Hòa, Hiệp Mỹ Đông, và Hiệp Mỹ Tây.

3/ Các Nguồn Lực

Các nguồn lực được sử dụng để triển khai DA6/AAV bao gồm nhân, tài và vật lực.

Nguồn nhân lực lớn lao nhất là người nghèo và thiệt thòi ở bốn cộng đồng xã Mỹ Hòa, Thuận Hòa, Hiệp Mỹ Tây và Hiệp Mỹ Đông. Đa số họ là phụ nữ từng trải nghiệm cuộc sống nhóm. Những nhóm nam nông dân cũng đóng góp nhiều sáng kiến trong việc sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, khoảng hơn 700 em học sinh các Trường Tiểu Học và Trung Học Phổ Thông rất tích cực tham gia hoạt động Bảo Trợ Trẻ để gây quỹ cho vùng phát triển 6. Trong những nhóm này, có khoảng 30% là người dân tộc Khmer. Cùng với người Kinh họ nỗ lực đều đặn để phát triển nền văn hóa Việt. Ngoài ra, đã có những nỗ lực to lớn để thiết lập một hệ thống tổ chức riêng của DA6/AAV cho dù vẫn có phần lớn các CB nòng cốt của hệ thống tổ chức hành chính Nhà nước từ cấp xã đến cấp huyện.

Tầm nhìn của AAV được sự ủng hộ của các đối tác Việt Nam vì nó phù hợp với chủ trương tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của Việt nam. Tuy vậy, chưa đối tác nào tỏ ra quan tâm xây dựng một tầm nhìn của cộng đồng người dân nghèo, thiệt thòi nhân cơ hội họ tham gia vào một dự án qui mô như DA6/AAV.

¹ Bolger, Joe. Capacity Development: Why, What, and How. Vol.1, No 1, May 2000. Occasional Series. Canada: CIDA Policy Branch, 2000

² Dick, Bob. Snyder Evaluation Process. bdick@scu.edu.au or bd@uq.net.au: 1997- 2000

Số tiền 6.882.527.000VNĐ đã được sử dụng chi tiêu vào DA6/AAV kể từ năm 2004 đến cuối năm 2007. Đa số các nhóm dân cho rằng số tiền được sử dụng vào các đợt tuyên truyền về bình đẳng giới và phòng chống HIV/ AIDS trong những năm qua đem lại ít hiệu quả. Tương tự, việc chi tiêu vì lợi ích của hai nhóm mục tiêu của DA6/AAV, phụ nữ và trẻ em, cũng chưa hợp lý. Trong khi đó, các nhóm nam nông dân và cả những hộ không nghèo lại được hưởng lợi từ DA6/AAV.

4/ Các Mảng Hoạt Động Của DA6/AAV

Cả người dân và cán bộ nhân viên (CB-NV) DA6/AAV đều chưa gọi chính xác tên của các mảng hoạt động thuộc DA6/AAV. Họ cũng chưa phân biệt rạch ròi giới hạn giữa chúng. Dù sao vẫn có thể kể tên các mảng hoạt động của DA6/AAV theo việc xếp hạng hiệu quả hay ích lợi của chúng từ nhiều đến ít như sau: 1/ Mảng hoạt động REFLECT /Câu lạc bộ Phát triển cộng đồng (CLB-PTCĐ); 2/ Mảng hoạt động an ninh lương thực; 3/ Mảng hoạt động quyền giáo dục; 4/ Mảng hoạt động quyền phụ nữ; 5/ Mảng hoạt động y tế- HIV /AIDS; và 6/ Mảng hoạt động nâng cao năng lực.

5/ Các Mặt Mạnh- Yếu Tác Động sự Phát Triển của DA/ AAV

Hầu hết các mặt mạnh nội bộ đều tập trung vào trí tuệ / lý tưởng và tinh thần / giá trị của người nghèo, người thiệt thòi. Số ít mặt mạnh khác cho thấy tiềm năng cộng đồng có thể được sử dụng để giải quyết những vấn đề/ khó khăn của họ trong thời gian tới như thuận lợi về đất đai, cơ sở hạ tầng, lực lượng lao động khỏe mạnh và khả năng áp dụng thành công một số kỹ thuật khoa học mới. Cũng có vài sáng kiến về lao động sản xuất và góp ý đối với sự quản lý tài chính của chính quyền địa phương (xem BC: 34- 36).

Về các mặt yếu nội bộ, đa số là tự hạ mình của người nghèo, người thiệt thòi như thường lệ: nghèo, không vốn, trình độ hiểu biết thấp, v.v... Số ít mặt yếu hơn trình bày về cơ sở hạ tầng và phương tiện thiếu thốn, phụ nữ không ưu tiên việc học cũng không ưu tiên việc nâng cao năng lực bản thân. Cũng có vài ý kiến về những vấn đề của thanh niên địa phương: “thanh niên rời làng mưu sinh”, “lấy chồng nước ngoài”, và ‘gã con-gán nợ’.

6/ Xây Dựng Năng Lực Cho Việc Tổ Chức Thành Công³

Đa số những phụ nữ hoàn tất lớp học xóa mù/ reflect đều tham gia CLB- PTCĐ và đã khởi sự vài dự án nhỏ. Chúng chưa mang lại thành công đáng kể cũng chưa tạo điều kiện để các thành viên học tập về nền tảng xã hội của những vấn đề của họ. Tuy vậy, nhờ gắn bó với nhóm, hầu hết các chị đã thể hiện mức độ tự tin và hình ảnh bề ngoài cao hơn.

Về phần trẻ em, tuy mới hoàn thành tập huấn về kỹ năng sống và phong trào “đôi bạn cùng tiến” nhưng hầu hết các em đều thể hiện tốt năng lực cá nhân.

7/ Sự Cải Thiện Các Môi Trường Xã Hội Và Vật Chất.

Hầu hết cá nhân tham gia vào DA6/AAV đều phát huy thêm kỹ năng và kiến thức xã hội tiếp thu được từ các chuyên gia và tư vấn chuyên nghiệp. Ngoài ra, nhờ thực hành một số phương pháp và kỹ thuật khoa học mà họ đã cải thiện cuộc sống kinh tế của họ và tham gia nhiều hơn vào các sinh hoạt cộng đồng để tự chủ hơn. Phụ nữ và người dân tộc Khmer thực hiện tốt hơn vai trò sản xuất của họ và nâng cao vị thế của họ trong cộng đồng.

³ Rubin, Herbert J. And Rubin, Irene S. Community Organizing and Development. 2nd Ed. USA: Macmillan Publishing Co, A Division of Macmillan, Inc: 1992.

Các CLB-PTCĐ được nâng cấp từ các lớp học REFLECT đã tạo được môi trường nhóm, trước hết thuận lợi cho việc học tập của các thành viên. Hành động tập thể giữa các thành viên CLB-PTCĐ sẽ thể hiện trách nhiệm với cộng đồng của họ nhiều hơn.

Tranh thủ cơ hội học tập và làm việc chung trong DA6/AAV, các dân tộc Kinh, Kh'mer đã nâng cao hơn nhận thức của họ và thực hành tốt hơn hội nhập và bình đẳng dân tộc với người dân trong và ngoài nước.

Các công trình xây dựng giếng nước ở một số bãi đất khô cằn và nhà vệ sinh ở các trường tiểu học đã tác động tích cực nhận thức và hành động bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm của người dân, đặc biệt của các em lứa tuổi vị thành niên rất nhạy cảm với môi trường bên ngoài.

8/ Khuyến Cáo

Có năm (05) khuyến cáo được đưa ra (xem chi tiết BC: 35-38)

1/ Lựa chọn mang tính chiến lược cho kế hoạch năm năm tới của DA6/AAV nên chú ý các chiến lược Mạnh-Thời cơ, các vấn đề nhạy cảm giới, dân tộc và môi trường của người dân;

2/ Đổi mới cơ chế, hệ thống tổ chức nhiều cấp bậc của DA6/AAV để vận hành hiệu quả khi làm phát triển với người dân, trong đó nhiều giải pháp cụ thể được đề nghị như: đẩy mạnh truyền thông hai chiều, phân quyền cụ thể cho bộ phận điều phối, đầu tư nguồn lực mới...;

3/ Những đề nghị dựa vào một số phát hiện tình cờ liên quan đến việc chi tiêu của DA6/AAV trong hơn bốn năm qua, mặc dù phân tích tài chánh không thuộc phạm vi nhiệm vụ của đợt lượng giá giữa kỳ này. Chẳng hạn, tập huấn hỗ trợ phương pháp năng động nhóm cho các ban chủ nhiệm CLB-PTCĐ và PTA, cập nhật thường xuyên thông tin về cá nhân hay nhóm mục tiêu...;

4/ Hỗ trợ xây dựng tầm nhìn cho từng cộng đồng người dân nghèo và thiết thời để có thể *“khơi dậy nguồn cảm hứng, mong muốn, và sáng kiến sẵn có trong mỗi người dân”*⁴, và

5/ Cần phát huy tích cực tiềm năng phong phú của những thành viên, đặc biệt là phụ nữ tham gia trong các CLB- PTCĐ.

9/ Kết Luận- Bài Học Kinh Nghiệm

Kết luận

Nguồn lực đầu tư phong phú - đặc biệt là nhân lực, đã và sẽ giúp duy trì, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của DA6/AAV mấy năm qua và giai đoạn mới 2008- 2013 sắp tới; trong đó, những thực hành quản lý có sự tham gia và phát triển tổ chức dân sự có thể giúp phát triển bền vững người dân, đặc biệt, người nghèo và thiết thời.

Bài Học Kinh Nghiệm

1. Để một hệ thống tổ chức trở nên hiệu lực cho sự phát triển con người, trước hết cần thực hành truyền thông hai chiều đều đặn và đúng lúc trong toàn hệ thống đó. Vì vậy, cần tuyển dụng một đội ngũ nhân sự chuyên trách, chính thức ủy thác trách nhiệm và quyền hạn điều phối của họ trong phạm vi một số bộ phận có liên quan

⁴ Lê Thọ Bình. Tất Cả Quyền Bính Trong Nước Là Của Toàn Thể Nhân Dân. Số ra ngày 19-5-2003. Tp. HCM: Tòa Soạn Báo Pháp Luật

trực tiếp việc quản lý dự án và ưu tiên phát triển năng lực của họ. Làm được như vậy, những CB- NV này mới có khả năng hoàn thành nhiệm vụ của họ;

2. Việc xây dựng một tầm nhìn của cộng đồng, của nhóm xã hội, của cá nhân đang tham gia một chương trình phát triển cộng đồng qui mô là rất quan trọng. Tác động tích cực vào hai khía cạnh khác tinh thần hay giá trị và thể chất hay tổ chức, tầm nhìn vừa dẫn dắt cộng đồng, nhóm xã hội, cá nhân theo những tiến trình phát triển ưu việt nhất vừa khơi dậy niềm hy vọng và tự chủ trong họ để ứng phó hiệu quả với mọi thách thức cuộc sống;
3. Ý tưởng về các hoạt động phát triển cộng đồng dựa trên nền tảng lấy dân làm chủ không phải là điều mới lạ tại Việt Nam và đã được các tổ chức chính phủ cũng như phi chính phủ phổ biến cả về thực hành cũng như lý thuyết có gắn với thực tiễn tại Việt Nam từ những thập niên 90 của thế kỷ 20. Nghiên cứu và thực hành thích hợp những gì đã được phổ biến, đúc rút kinh nghiệm về các tiến trình phát triển, tăng quyền lực, và tham gia của người dân sẽ giúp các chương trình phát triển cộng đồng nhằm tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo dễ dàng thành công một cách thuận lợi. Ngoài ra, cũng cần loại ra một số tập quán gây bất lợi cho những tiến trình này;
4. Sử dụng một cách ý thức hai tiến trình tham gia và tăng quyền lực không thể tách rời nhau trong những dự án/ chương trình phát triển, người nghèo và người thiệt thòi sẽ có khả năng thực hiện tốt nhất chức năng xã hội của họ;
5. Quản lý có sự tham gia là phương pháp mang tính quyết định cho sự bền vững của bất kỳ chương trình phát triển nào. Trong bối cảnh Việt Nam, quản lý có sự tham gia là điều kiện tối ưu để chuyển tải hiệu lực nhất Nghị Định Dân Chủ Cơ Sở và chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của Chính Phủ.

BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ GIỮA KỲ CÓ SỰ THAM GIA

I. CƠ SỞ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

Giới Thiệu

Chương trình phát triển tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là DA6/AAV hay chương trình DA6/AAV) là một trong những chương trình phát triển chiến lược mà ActionAid Việt Nam đã khởi xướng theo các phương pháp tiếp cận đổi mới và dựa trên quyền. Với sự cộng tác của chính quyền địa phương và một số cơ quan, đoàn thể các cấp thuộc Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh, DA6/AAV được thực hiện ở bốn (04) xã Mỹ Hòa, Thuận Hòa, Hiệp Mỹ Đông và Hiệp Mỹ Tây từ tháng 6 năm 2003 đến 2010. Mục tiêu tổng quát của DA6/AAV là *cải thiện chất lượng cuộc sống của người nghèo và những người bị thiệt thòi, bao gồm việc giảm thiểu số hộ nghèo một cách hợp lý, công khai và minh bạch*, và nâng cao năng lực của người dân và cán bộ đoàn thể địa phương để họ phát triển cộng đồng của họ, *đặc biệt những người nghèo và những người bị thiệt thòi thực thi được các quyền và quyền lợi của chính họ*. DA6/AAV gồm có năm (05) hợp phần 1/ An ninh lương thực, 2/ Y tế- HIV&AIDS, 3/ Quyền giáo dục, 4/ Xây dựng năng lực và 5/ Quyền phụ nữ đang hoạt động với nguồn ngân sách từ ngân sách Bảo trợ trẻ của AAV.

Theo qui định, việc đánh giá phản hồi (PRRP) các hoạt động của vùng dự án phát triển (DA) đều được AAV tổ chức hàng năm để kịp thời điều chỉnh và phát triển DA cho phù hợp với tình hình thực tế - các đợt đánh giá như vậy cũng đã được tiến hành ở DA6/AAV trong hai năm đầu của chương trình, sau đó tạm ngưng vì sự thay đổi nhân sự phụ trách vùng DA6 và sự chuyển đổi phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (Right - based approach) trong chiến lược quốc gia của tổ chức AAV. Ngoài ra, năm 2008 cũng là thời điểm hợp lý để tiến hành một đợt đánh giá giữa kỳ (Midterm Review) DA6/AAV nhằm lượng giá những gì đã làm được trong 4 năm qua và định hướng hoạt động hiệu quả hơn cho hai (02) năm sắp tới.

Vì vậy, AAV đã tuyển dụng nhóm tư vấn viên (TVV) độc lập gồm 1/ Thạc sĩ Nguyễn Thị Tuyết Lê và 2/ Tiến sĩ Trương Thị Tuyết Nhung. Cả hai TVV đều có năng lực và kinh nghiệm nhiều năm đánh giá nhu cầu và lượng giá chương trình/ dự án phát triển có sự tham gia do một số tổ chức phi chính phủ quốc tế khởi xướng. Lực lượng cán bộ vùng của AAV và của địa phương huyện, xã cũng đã tham gia vào một số hoạt động của đợt đánh giá này sau khi được các tư vấn viên tập huấn một (01) ngày về “phương pháp và công cụ đánh giá có sự tham gia” và “Lên kế hoạch thăm thực địa và lấy thông tin”.

Đợt đánh giá giữa kỳ DA6/AAV đã được tiến hành từ 10/06/2008 đến 15/6/2008 không kể trên 10 ngày chuẩn bị, viết và hoàn chỉnh báo cáo.

Mục Tiêu Của Đợt Đánh Giá

- Đánh giá hiệu quả và tác động của dự án đối với đời sống người dân và cộng đồng sau bốn năm thực hiện dự án, đặc biệt nhận ra những chuyển biến gì trong chính sách, năng lực, thái độ, hành vi và việc thực hiện của các đối tác AAV (chính quyền địa phương) đối với người nghèo và người yếu thế, nhất là phụ nữ và trẻ em;
- Xác định những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai dự án;
- đúc kết kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch và triển khai dự án trong những năm tới.
- Đưa ra những khuyến cáo cần thiết để AAV và BQL DA6/AAV triển khai chương trình hiệu quả hơn về các mặt cơ chế quản lý phối hợp, năng lực cán bộ, cách tiếp cận, nội dung hoạt động ... trong tương lai.

Khung Khái Niệm Của Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia

Đợt lượng giá giữa kỳ DA6/AAV sử dụng khung khái niệm tổng hợp bên dưới đây; đó là sự nối kết giữa sáng kiến của các tư vấn, khung phát triển năng lực của Bolger¹, và mô hình hệ thống cơ bản Snyder².

Khung khái niệm này cho thấy một cách giả thuyết rằng *tầm nhìn của AAV* có ảnh hưởng đối với DA6/AAV. *Chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của Việt nam và các phương pháp tiếp cận mang tính chiến lược của AAV*, trong đó phương pháp đổi mới đã từng được sử dụng trong một thời gian dài, và phương pháp dựa trên quyền vừa được định hướng từ năm 2007, là môi trường thuận lợi để khởi xướng và thực hiện DA6/AAV. Để một dự án phát triển được xúc tiến một cách hiệu lực, khi lên kế hoạch, cả hai thành phần *giáo dục nhận thức và tổ chức hành động* với người dân, đặc biệt người nghèo và người thiệt thòi là không thể bỏ sót. Tổ chức hành động bao gồm những *mảng hoạt động chính* và *các mục tiêu cụ thể*. Giáo dục nhận thức và tổ chức hành động cần được thông qua *những tiến trình như phát triển, tăng quyền lực, tham gia, và nhóm* để bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án. Với một kế hoạch phát triển hợp lý như thế, những đối tác tham gia tại DA6/AAV có thể hy vọng *người dân tham gia DA6/AAV – gồm quan trọng một là bộ phận người dân, đặc biệt là người nghèo, người thiệt thòi và hai là bộ phận những cán bộ đoàn thể* – sẽ hưởng lợi không những từ những thành quả được dự đoán trong kế hoạch nói trên của DA6/AAV mà còn từ những tác động của nó nữa, đặc biệt những tác động đối với *bốn cấp độ phát triển năng lực* của cán bộ các đoàn thể. Được như thế, các cộng đồng người dân sẽ từng bước vươn tới *tầm nhìn của chính họ*. Khung khái niệm cũng đề nghị một cách giả thuyết rằng, đợt lượng giá giữa kỳ DA6/AAV này là cơ hội để những bên liên quan *xem xét lại* những gì liên quan đến kế hoạch DA6/AAV bao gồm các tiến trình hay các phương pháp tiếp cận mang tính chiến lược của AAV, tổ chức hành động, giáo dục nhận thức và ngay cả chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.

Khung Phát Triển Năng Lực của Bolger

Khung này đưa ra bốn mức độ phát triển năng lực: 1/ Mức độ *môi trường thuận lợi* tương trưng bối cảnh rộng lớn hơn, trong đó những tiến trình phát triển đang xảy ra; 2/ Mức độ *phối kết hợp/ mạng lưới* phản ảnh nhận thức của các bên tham gia DA đối với những chính sách, chiến lược, cơ cấu của DA6 đang tiến hành; 3/ Mức độ *tổ chức* chú trọng đến cấu trúc, tiến trình, nguồn lực và việc quản lý DA; 4/ Mức độ *cá nhân* đề cập đến cá nhân cán bộ, nhân viên làm việc trong DA, bao gồm cách thức họ củng cố năng lực, phẩm chất để đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển.

Mô Hình Hệ Thống Cơ Bản Snyder

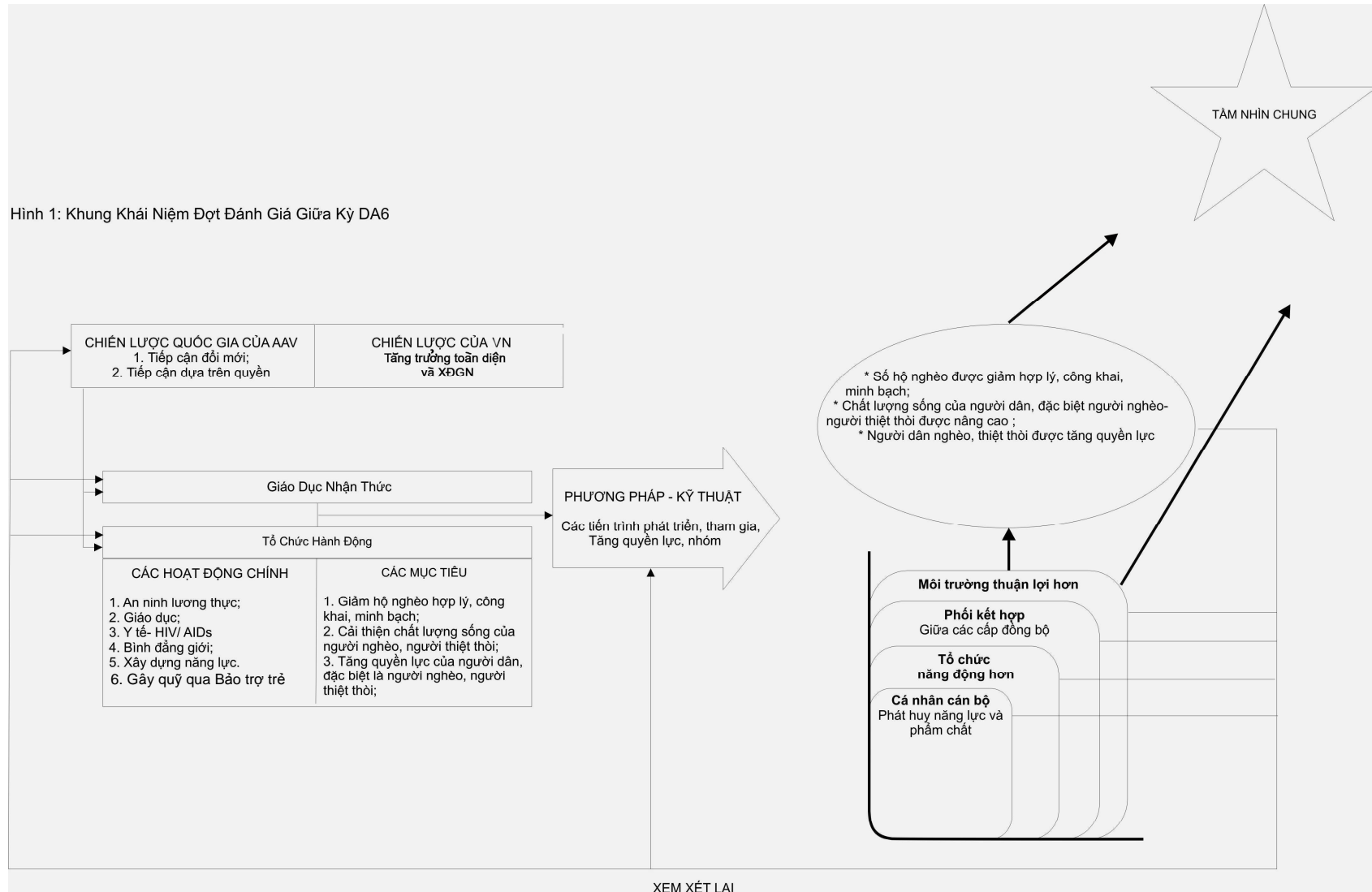
Mô hình hệ thống cơ bản Snyder bao gồm những hiểu biết về cách thức DA6/AAV đã vận hành. Chúng được trình bày tóm tắt như sau:

Nguồn Lực → *Hoạt Động* → *Hiệu Quả* → *Mục Tiêu* → *Tầm nhìn*

¹ Bolger, Joe. Capacity Development: Why, What, and How. Vol.1, No 1, May 2000. Occasional Series. Canada: CIDA Policy Branch, 2000

² Dick, Bob. Snyder Evaluation Process. bdick@scu.edu.au or bd@uq.net.au: 1997- 2000

Hình 1: Khung Khái Niệm Đợt Đánh Giá Giữa Kỳ DA6



II. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Phương pháp đánh giá có sự tham gia đã được áp dụng linh hoạt, hợp lý cho đợt lượng giá giữa kỳ này. Phương pháp ấn tượng này không những tạo cơ hội để người nghèo, thiết thời tham gia hữu hiệu vào việc quản lý dự án phát triển của họ nhưng còn tạo bầu khí lượng giá an toàn. Vì vậy, họ đã phản ánh và đóng góp một cách trách nhiệm và trung thực những ý kiến về tiến trình thực hiện dự án của họ. Quả thật, những dữ liệu nhạy cảm và phức tạp đã được thu thập một cách dễ dàng và chính xác để chúng thật sự giúp ích cho việc đánh giá đồng thời rút kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch tương lai. Nhóm đánh giá có hai mươi hai (22) người gồm hai (02) tư vấn viên có năng lực, kinh nghiệm và thiện chí từ bên ngoài, bốn (04) cán bộ vùng từ AAV, tám (08) cán bộ từ BQLDA huyện và xã, bốn (04) điều phối viên xã, và bốn (04) cán bộ đoàn thể Huyện có tham gia quản lý DA6/AAV⁶. Nhóm đánh giá đã được các tư vấn viên tập huấn một ngày (01) về phương pháp tham gia và làm thế nào để sử dụng và thay đổi công cụ tham gia. Nhóm cũng điều chỉnh kế hoạch thăm thực địa và lấy thông tin đã được chuẩn bị sẵn.

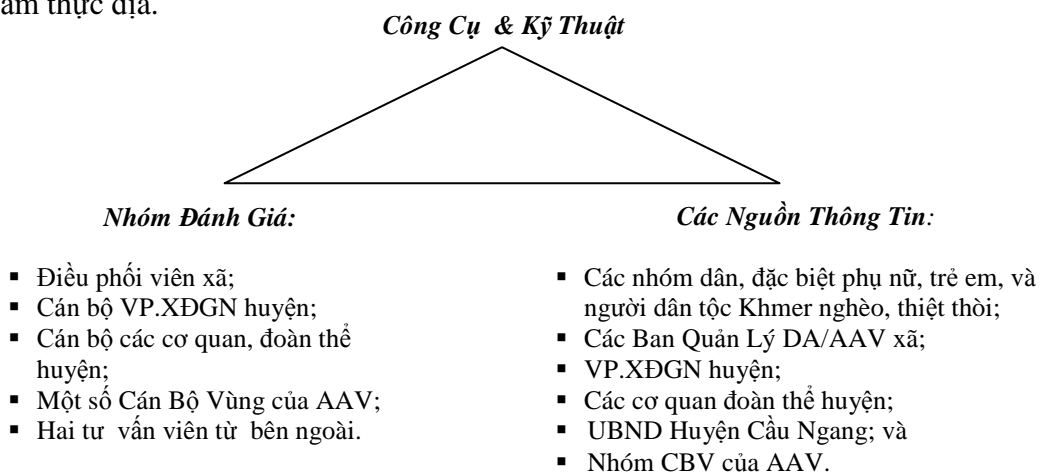
Cơ Cấu Đợt Đánh Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia

Dựa vào đặc trưng của phương pháp đánh giá có sự tham gia, cơ cấu của đợt đánh giá giữa kỳ này đã được ứng dụng nghiêm túc theo hình tam giác dưới đây (Hình 2, tr. 4).

Góc 1 : Ngoài các tư vấn viên từ bên ngoài, nhóm đánh giá bao gồm đại diện BQL DA6/AAV Huyện, Xã, Ấp; đại diện tác viên cộng đồng từ AAV; đại diện cộng đồng;

Góc 2 : Những kỹ thuật, công cụ được lựa chọn phù hợp và sử dụng linh hoạt khi thăm thực địa. Chúng cũng được điều chỉnh thêm bớt cho phù hợp tình hình thực tế và năng lực của nhóm đánh giá trong suốt tiến trình thăm thực địa;

Góc 3 : Để việc thu thập thông tin chính xác, góc nguồn thông tin yêu cầu nhóm phải trực tiếp gặp gỡ những cơ quan, đoàn thể, cá nhân nắm giữ thông tin gốc của DA6/AAV và trách nhiệm về chúng như BQL DA6/AAV, các nhóm dân ở Ấp, một số hộ nghèo, thiết thời, các đoàn thể tham gia DA6/AAV cấp Xã, nhóm tác viên cộng đồng từ AAV; UBND Huyện Cầu Ngang và một số đoàn thể có thật sự tham gia DA6/AAV. Thông tin từ các nguồn này được nhóm đánh giá cùng nhau kiểm chứng, phân tích và phản ánh mỗi cuối ngày thăm thực địa.



Hình 2: Cơ Cấu Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ Có Sự Tham Gia

⁶ Do khả năng, thời gian tổ chức có mức độ và tình hình thực địa ở địa phương, nhóm đánh giá này được điều chỉnh khác với phác thảo ban đầu của tư vấn dự tính đưa vào 08 người dân ở Ấp có tham gia DA.

Kỹ Thuật, Công Cụ Thu Thập, Phân Tích Thông Tin

Tùy theo giới tính, lứa tuổi của đối tượng được phỏng vấn, có hai mươi kỹ thuật & công cụ đặc trưng của PRA đã được lựa chọn và chuẩn bị cẩn thận trước khi được sử dụng một cách hiệu quả : 1/ cho điểm/ xếp hạng các hoạt động theo hiệu quả , 2/ cho điểm/ xếp hạng các hoạt động theo ích lợi vs bất lợi, 3/ đường sống thẳng trâm, 4/ quan sát trực tiếp, 5/ buồn khổ- hạnh phúc của phụ nữ, 6/ biểu đồ thu nhập- gia súc nuôi- tiện nghi, 7/ phỏng vấn cá nhân, 8/ biểu đồ lấy quyết định trong hộ, 9/ sơ đồ tổ chức, 10/ câu chuyện thành công trong các mảng hoạt động, 11/ biểu đồ nhóm hưởng lợi, 12/ xếp loại ABC/ kinh tế gia đình, 13/ người quý mến tôi, 14/ thảo luận chức năng xã hội của gia đình thời “ bão giá”, 15/ phân tích SWOT (Mạnh-Yếu-Thời cơ- Đe dọa), 16/ kim cương- bông hoa- hạt sạn, 17/ vui buồn của em, 18/ nguồn tư liệu về DA6/AAV - kế hoạch hành động của DA6/AAV, 19/ tự đánh giá năng lực lãnh đạo nhóm nhỏ, và 20/ tự đánh giá thái độ làm việc với người dân (xem Phụ Lục 3: 60)

Cơ Quan/ Nhóm Đối Tác Được Phỏng Vấn hoặc Thảo Luận

Bảng 1. Các Nhóm Đối Tác Và Chủ Đề Trọng Tâm

	Xóa mù chữ/CLB	HIV	Giáo dục	Giới	Nâng cao NL	An ninh lương thực		Xếp loại nghèo	Tổng cộng
						Mô hình	Vốn vay		
Nhóm đại diện hộ hưởng lợi (nam & nữ)	v (+)							v (+)	2 (+)
Nhóm nam nông dân	v (-)	v (-)	v (-)	v (+)	v (-)	v (+)	v (+)		3 (+)
Nhóm phụ nữ hưởng lợi	v (-)	v (-)	v (+)	v (+)	v (-)	v (-)	v (+)		3 (+)
Nhóm trẻ em hưởng lợi			v (+)	v (+)					2 (+)
Nhóm Cán bộ Ấp/Xã /Huyện	v (+)	v (+)	v (+)	v (+)	v (+)	v (+)	v (+)		7 (+)
Nhóm viên hưởng lợi	v (+)		v (+)	v (+)		v (+)	v (+)		5 (+)
Học viên Reflect/Câu Lạc Bộ	v (+)		v (+)	v (-)		v (+)	v (+)		4 (+)
Hướng dẫn – Giám Sát viên	v (+)		v (+)		v(+)				3 (+)
Phòng Giáo dục	v (+)		v (+)		v (+)				3 (+)
Phòng Y tế		v (+)			v (+)				2 (+)
Hội LHPN huyện				v (+)	v (+)				2 (+)
Phòng NN					v (+)	v (+)			2 (+)
Chủ tịch Huyện Cầu Ngang					v (+)				1 (+)

Ghi chú: (+) thể hiện nội dung được chú ý hơn trong quá trình lấy ý kiến

Mẫu Đánh Giá

Đợt lượng giá giữa kỳ có sự tham gia này không chú trọng vào kích thước mẫu hay số lượng người tham gia cung cấp thông tin nhưng quan trọng hơn là nguồn thông tin bao gồm các nhóm mục tiêu như đã liệt kê ở Bảng 1, đặc biệt là các nhóm phụ nữ, trẻ em, và nhất là trẻ gái. Do vậy, với sự điều phối của AAV, BQL DA6/AAV, chính quyền các cấp Huyện, Xã, Ấp, cộng đồng DA và các BGH đã tổ chức các cuộc tiếp xúc để đa số các nhóm dân hưởng lợi từ DA6/AAV được phỏng vấn và thảo luận tại từng Ấp hoặc tại nhà riêng hoặc tại các Trường Tiểu Học.

Nơi Đánh Giá

Đợt lượng giá được tiến hành tại môi trường sống của người dân, nhất là người nghèo, người thiệt thòi tại các Ấp thuộc bốn Xã dự án. Cũng là những điểm tiếp xúc cần thiết của nhóm đánh giá là các văn phòng làm việc của lãnh đạo UBND, Phòng Giáo Dục, Nông Nghiệp, Y tế, và Hội phụ nữ Huyện; và của BQLDA và BGH-TH đóng tại địa bàn Xã.

Phân Tích, Xử Lý Dữ Liệu

Phân tích dữ liệu để thấu đáo hơn tinh thần và nội dung lượng giá, nắm vững thông tin thu thập được từ thực địa, và phát hiện mối tương quan giữa những nội dung được phân tích. Đối với những thông tin về giá trị/ phẩm chất của trẻ em, các mức độ phát triển giá trị⁷ được sử dụng để đối chiếu. Những thông tin về năng lực lãnh đạo nhóm được xử lý theo đúng ba (3) mức độ cao, trung bình, và thấp có giá trị tương đương với các số điểm 41 điểm, 16- 40 điểm, và dưới 15 điểm⁸. Những thông tin cho thấy thái độ làm việc của CB-NV được tính điểm theo các cấp bậc như sau: 5 điểm là “luôn luôn”, 4 điểm là “thường xuyên”, 3 điểm là “thỉnh thoảng”, 2 điểm là “rất ít khi”, và 1 điểm là “không bao giờ”. Để xác định giá trị bằng số của thái độ làm việc của CB-NV, điểm tính trung bình được ứng dụng theo công thức sau:

$$WM = \frac{F1(W1) + F2(W2) + F3(W3) + F4(W4) + F5(W5)}{n}$$

trong đó, WM : điểm trung bình;

W1 : điểm tự đánh giá ở mức độ 1;

F1 : số lần điểm tự đánh giá lặp lại ở mức độ 1;

W2 : điểm tự đánh giá ở mức độ 2;

F2 : số lần điểm tự đánh giá lặp lại ở mức độ 2; tương tự như thế với F4, F5...;

n : tổng số các câu phát biểu.

Sau đó, WM được đối chiếu với những giá trị được xếp theo thứ bậc như sau:

4,50 – 5 = xuất sắc;

3,50 – 4,49 = tốt;

2,50 – 3,49 = trung bình;

1,50 – 2,49 = chưa tốt; và

dưới 1,5 = không tốt chút nào.

Phân tích này được thực hiện ở cả huyện Cầu Ngang và thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ tiến trình phân tích này, những khuyến nghị được các tư vấn viên đưa ra sau đó có khả năng thuyết phục và có ý nghĩa, đặc biệt khi chúng được các BQLDA sắp xếp thực hiện hợp lý cho DA6/AAV trong thời gian tới.

⁷ Hall, Brian. Leadership Through Values.

⁸ Ortigas, Carmela D. Group Process and Inductive Method. Philippine : Ateneo de Manila University Press

III. KẾT QUẢ LƯỢNG GIÁ GIỮA KỲ DA6/AAV CÓ SỰ THAM GIA

A. Các Nhóm Tham Gia Lượng Giá Giữa Kỳ DA6/AAV

A1. Các Nhóm Hưởng Lợi Từ DA6/AAV

Theo Bảng 2, có 512 lượt người tham gia cung cấp thông tin cho các nhóm đánh giá, trong đó, số lượt của người dân là cao nhất (66,79%). Nhóm phụ nữ chiếm tỷ lệ 53,12% lượt và người dân tộc Khmer là 23,05%.

Bảng 2. Số Lượt Người Tham Gia Phỏng Vấn

Nhóm Cung Cấp Thông Tin	Lượt Người Cung Cấp Thông Tin		
	Tổng Số Lượt Người	Lượt Phụ Nữ	Lượt Người Khmer
Nhóm Đại Diện Hộ Tại bốn Ấp của bốn Xã	50	23	20
Nhóm Phụ Nữ Tại bốn Ấp của bốn Xã	49	49	17
Nhóm Nam Nông Dân Tại bốn Ấp của bốn Xã	34	0	3
Nhóm Câu Lạc Bộ/ Reflect của bốn Xã	62	47	33
Nhóm Trẻ Em Tại Trường Tiểu Học trên Địa Bàn của bốn Xã	71	57	17
Nhóm Thanh Niên Tại bốn Ấp của bốn Xã	35	6	11
Thăm gia Đình Tại bốn Ấp của bốn Xã	41	31	9
Tổng cộng A :	342	213	110
Tỉ Lệ A:	66,79%	62,28%	32,16%
Ban Nhân Dân Bốn Ấp của bốn Xã	25	4	1
Nhóm BQL và Đại Diện Đoàn Thể Xã	22	4	1
Nhóm Hướng Dẫn Viên Câu Lạc Bộ/ Reflect	8	4	0
Nhóm Giám Sát viên Câu Lạc Bộ/ Reflect	4	2	1
Nhóm cộng tác viên/ điều phối viên	4	2	0
Nhóm cán bộ VP.XĐGN CTPT-Huyện Cầu Ngang	4	2	0
Lãnh Đạo Đầu Ngành của Cấp Huyện	5	1	0
Nhóm Đánh Giá (5 lần họp)	98	40	5
Tổng Cộng B :	170	59	8
Tỉ Lệ B :	33,21%	34,70%	4,70%
Tổng Cộng Chung :	512	272	118
Tỉ Lệ :	100%	53,12%	23,05%

Mẫu nghiên cứu trên đây cho thấy, đợt lượng giá giữa kỳ DA6/AAV có sự tham gia đã có chú trọng đến nguồn thông tin được cung cấp. Đó chính là giới nữ - bao gồm cả trẻ em gái, và trẻ em, hai nhóm mục tiêu chủ yếu của DA6/AAV. Chắc chắn, tiếng nói của hai nhóm mục tiêu này sẽ được lãnh đạo các cơ quan/ tổ chức đối tác trong DA6/AAV tôn trọng và tác động cải thiện nó trong thời gian tới. Ngoài ra, số lượt người Khmer tham gia đợt lượng giá tuy chỉ đạt tỉ lệ 23,05% nhưng những phát biểu của họ cũng được nhóm đánh giá ưu tiên ghi nhận.

A.2. Nhóm Đánh Giá

Ngoài hai (02) tư vấn viên và bốn (4) cán bộ vùng của AAV từ bên ngoài, có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và thiện chí đã được xác nhận, còn có thêm mười sáu người bên trong cộng đồng cùng tham gia nhóm đánh giá. Những người này thuộc các nhóm hướng dẫn viên, giám sát viên, điều phối viên, CB-NV VP.XĐGN, cán bộ các phòng giáo dục, nông nghiệp, y tế và hội phụ nữ huyện, và cán bộ TTHTCD xã.

Được biết, các cán bộ này đã được tập huấn về phương pháp cũng như có kinh nghiệm sử dụng một số công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia (PRA). Tuy vậy, họ vẫn được bồi

dưỡng một (1) ngày, chủ yếu để phát huy giá trị và kỹ năng PRA khi làm việc với người dân trong suốt thời gian thực địa. Vào ngày tập huấn đó, nhóm đánh giá cũng đưa ra ý kiến rồi biểu quyết nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

Sau ngày đầu tiên lấy thông tin, có thành viên nhóm đánh giá đã phản ứng bức xúc về thời gian bồi dưỡng ngắn ngủi. Do đó, các tham dự viên chưa thực hành hết các công cụ PRA tại phòng học. Cũng theo người này, một số tham dự viên chưa phản hồi đầy đủ đối với kế hoạch lấy thông tin khi họ nhận ra thời gian tập huấn đã vượt quá thời gian làm việc hàng ngày của họ như thường lệ. Vì vậy, ngay trong phiên họp của nhóm đánh giá vào ngày hôm sau như đã lên kế hoạch, một cuộc đối thoại cởi mở đã diễn ra. Điều này đã giúp giải quyết vài sự kiện thuộc vấn đề truyền thông. Sau đó, các tiến trình lấy thông tin và thực hành công cụ PRA và họp nhóm đánh giá đã được xúc tiến bình thường và thuận lợi.

Đối với nhóm CB-NV-CTV DA6/AAV, họ tham gia đông vào đợt lượng giá giữa kỳ vì ý định của nhóm tổ chức muốn lồng ghép đợt lượng giá giữa kỳ này vào lĩnh vực nâng cao năng lực của DA6/AAV để cán bộ địa phương có cơ hội làm quen với quá trình đánh giá phản hồi có sự tham gia (PRRP) của dự án hàng năm. Để đạt được cả hai mục tiêu riêng biệt và kết quả khác nhau của hai lĩnh vực hoạt động này cùng một lúc, các nguồn lực được chuẩn bị cho đợt lượng giá giữa kỳ này đã có mở rộng so với kế hoạch và mong đợi về một nhóm đánh giá tập trung hơn của tư vấn viên⁹. Ngoài ra, tiếng nói của những CB-NV-CTV này, nhất là khi chính họ được ở vị thế hướng dẫn các cuộc phỏng vấn và thảo luận, đã có lúc áp đảo các nhóm dân dù chủ ý hay không. Điều này có thể làm giảm tính khách quan của đợt lượng giá giữa kỳ này.

Tuy nhiên, đây cũng chính là đặc điểm thách thức về mặt thành phần nhân sự tham gia nhóm đánh giá theo PRA và được nhắc tới cũng chỉ để rút kinh nghiệm về mặt tổ chức, một trong những cạnh khía rất quan trọng trong bất cứ một tiến trình phát triển nào.

A.3. Tự Lượng Giá Đợt Tập Huấn Công Cụ PRA

Khóa tập huấn PRA đã được theo dõi trong năm ngày sau đó. Để lượng giá khóa học PRA, nhóm đánh giá đã đánh giá khả năng và động cơ của chính họ trong suốt thời gian làm việc thực địa. Theo Bảng 3, chỉ có 18/ 22 thành viên (không bao gồm hai tư vấn) trong nhóm đánh giá tham gia lượng giá khóa tập huấn này. Phân tích các số điểm tự cho của họ 1 là thấp nhất và 5 là cao nhất, theo bốn (4) mục tiêu của ngày tập huấn cho thấy rằng toàn nhóm đã đạt được mức độ khá. Trong các mục tiêu của khóa học, “hoàn thành nhiệm vụ” có mức điểm cao nhất (4,44). Mục tiêu “phát huy những giá trị bản thân trong tiến trình lấy thông tin” thì đạt mức điểm thấp nhất (4,05).

Bảng 3. Tự Lượng Giá Khóa Tập Huấn Sử Dụng Công Cụ PRA

Mục Tiêu Tập Huấn/ Bồi Dưỡng	Số Tham Dự Viên	Tổng số điểm	Điểm Trung Bình
1. Phát huy giá trị bản thân;	18	73	4,05
2. Nắm vững các khái niệm tham gia, nâng cao năng lực cán bộ, tăng quyền lực của người dân;	18	75	4,16
3. Sử dụng khá thành thạo các công cụ được phân công;	18	77	4,27
4. Hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch đã quyết định	18	80	4,44

Với mức điểm “hoàn thành nhiệm vụ” xấp xỉ xuất sắc là 4,50, đa số tham dự viên nhóm đánh giá đã thể hiện khái niệm bản thân của họ rất cao. Rõ nét nhất, cảm giác tự tin của họ được nâng lên rất nhiều. Thật vậy, chỉ sau năm (5) ngày làm việc với người dân và với cả

⁹ AAV. Thỏa Thuận Hợp Đồng Tư Vấn. Tp. HCM: Văn Phòng Vùng Phía Nam. 2008

cán bộ đầu ngành những thành viên nhóm đánh giá đã tỏ ra rất thành thạo việc sử dụng 11 công cụ PRA đã được phân công. Một số thành viên đã được tuyên dương vì những nỗ lực to lớn của họ đối với sự rèn luyện kỹ năng xã hội của họ và sự đóng góp của họ cho đợt lượng giá giữa kỳ này.

Về số điểm thấp nhất mà nhóm đánh giá đạt được ở mục tiêu “phát huy giá trị bản thân trong tiến trình lấy thông tin”, giả thuyết rằng một phân nhóm nào đó của nhóm đánh giá đã không tạo cơ hội cho thành viên thực hành công cụ PRA trong suốt thời gian làm việc thực địa. Lý do, người này đã thể hiện kỹ năng ghi chép biên bản phân nhóm rất tốt. Do đó, các thành viên của phân nhóm này đã giao hẳn nhiệm vụ này cho một mình người đó.

Tóm lại, tham gia vào bất cứ một tiến trình phát triển nào con người cũng phải trả giá hoặc đối phó với những thách thức, trở ngại. Tuy nhiên, thách thức và trở ngại không phải là vấn đề nhưng cách ứng phó của con người đối với những thách thức và trở ngại đó mới quan trọng hơn. Nói cách khác, con người cần tự tăng quyền lực, bao gồm việc phát huy niềm hy vọng, tự trọng và tự chủ¹⁰ của họ để thực hiện tốt chức năng xã hội. Đối với tiến trình phát triển cá nhân trong nhóm nhỏ, không thể xem là chuyện đùa vui khi một cá nhân nào đó của nhóm đã không được đáp ứng nhu cầu. Khi thời gian dần trôi qua, người này này bị đẩy ra ngoài những tiến trình phát triển từng bước một. Ngoài ra, bài học kinh nghiệm từ tiến trình tập huấn nói trên là người trưởng thành không học hết những gì mà người dạy áp đặt; họ chỉ học và học rất hiệu quả những gì mà họ muốn học.

Dù sao, vẫn luôn có “lời ra” để các tiến trình phát triển vẫn mãi tiếp diễn vì đơn giản, đó là định luật khách quan.

B. Nguồn Lực Đầu Tư Vào DA6/AAV

B.1. Nguồn Nhân Lực

Hình 3 ở trang sau cho thấy nguồn nhân lực trong DA6/AAV bao gồm nhiều cấp, nhiều thành phần xã hội khác nhau.

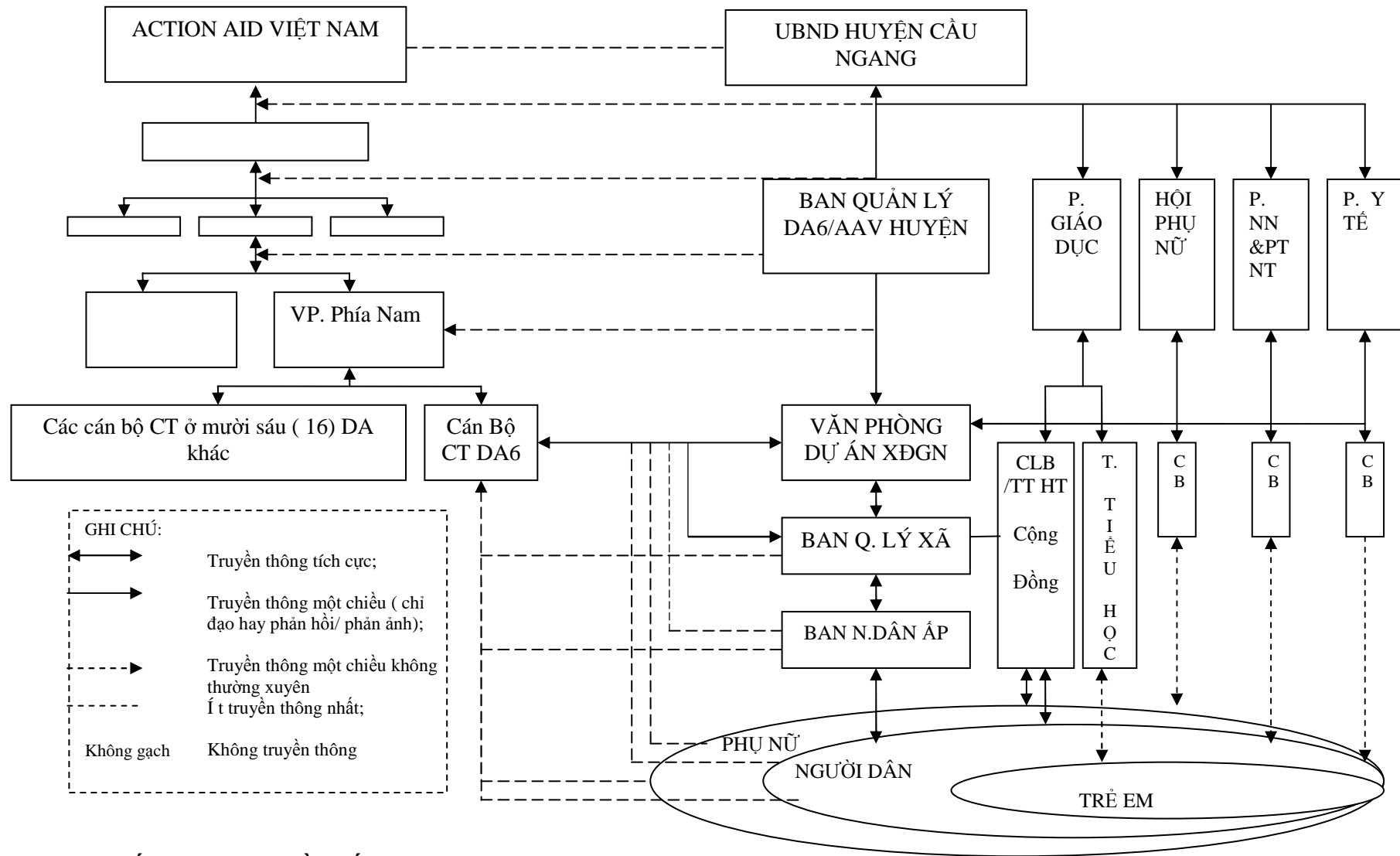
B.1.1. Người Dân Bốn Xã Tham Gia DA6/AAV

Nguồn nhân sự nổi bật nhất là các nhóm phụ nữ, trẻ em và nam nông dân - bao gồm cả hai dân tộc Kinh và Khmer.

Bắt nguồn từ những lớp học xóa mù chữ, reflect được AAV hỗ trợ từ năm 2003, hiện nay đa số những lớp học này được tiếp tục nâng cấp thành hai loại hình câu lạc bộ, một là CLB nuôi con/ cháu khỏe, dạy con/ cháu ngoan và hai là CLB các nhóm nông dân theo sở thích nuôi trồng. Thành viên các CLB này đa số là phụ nữ. Hầu hết, họ xuất thân từ Tổ Hội Phụ Nữ ấp.

Cho đến nay đã có khoảng năm trăm em học sinh hưởng lợi từ hoạt động hướng về trẻ thuộc mảng hoạt động giáo dục trong DA6/AAV. Đa số các em này hiện ở độ tuổi từ 12 đến 15 và vẫn tiếp tục tham gia hoạt động Bảo Trợ Trẻ. Cơ bản, đây là biện pháp gây quỹ để chi tiêu cho toàn bộ DA6/AAV mà AAV đã thỏa thuận với UBND huyện Cầu Ngang. Nhờ hoạt động gây quỹ này, nguồn tài chính đến từ một hay hai quốc gia trên thế giới đã hỗ trợ từng cộng đồng dân cư nghèo, thiệt thòi thuộc DA6/AAV phát triển. Về sự tham gia của trẻ em trong hoạt động gây quỹ này, các em học sinh kể trên thực hiện đều đặn những bức tranh thông điệp, những lá thư, và những câu trả lời theo bảng câu hỏi vào mỗi sáu tháng. Đây là đóng góp cụ thể và ích lợi nhất của các em vào DA6/AAV.

¹⁰ Breton, Margot “Relating Competence-Promotion and Empowerment”, The Haworth Press, Inc. Journal of Progressive Human Services. Volume 5, Number1. 1994



Hình 3: Cơ Cấu Nhân Sự Nhiều Cấp Tham Gia DA6/AAV

Những nông dân nam nghèo từng sinh hoạt trong các Hội Nông Dân ấp cũng tham gia DA6/AAV. Đa số họ có kinh nghiệm và tỏ ra rất năng động trong nhiều lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, trùn), cây màu, cây lúa. Ngoài ra, sáng kiến về mô hình ‘mượn đất trồng màu để tăng thêm vụ vào mùa khô’ của họ cũng được các cộng đồng người dân thừa nhận và đang nhân rộng từng bước. Theo ý kiến của đa số nông dân, những kết quả mà họ đạt được trong DA6/AAV không những tác động tích cực đối với gia đình nghèo của họ mà còn đóng góp cho sự phát triển kinh tế của cộng đồng, xã hội.

Hầu hết các nhóm dân này đều thực hiện truyền thông hai chiều với các PTA cho dù họ không biết cụ thể bằng cách nào kế hoạch từ xã được đưa về triển khai thực hiện tại ấp. Một thành viên trong PTA cũng xác nhận điều này :

« Thường mọi công việc liên quan đến người dân, các Hội/ đoàn thể cấp xã trực tiếp thông báo hoặc lấy ý kiến của chi bộ Ấp, người dân không biết¹¹ »

B.1.2. Các PTA

Các PTA của DA6/ AAV cũng chính là các BNDA. Đây là bộ phận chân rết trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà Nước. Ngoài người Trưởng ban thường được người dân bầu chọn và được phụ cấp của chính quyền địa phương, những thành viên khác của các ban này đều làm việc tự nguyện. Họ cũng là hội viên của các đoàn thể như Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Thanh niên ở cấp ấp.

Trong hệ thống DA6/AAV, PTA là cầu nối cơ bản giữa một số nhóm dân mục tiêu trong ấp với các cấp quản lý khác cao hơn. PTA cũng truyền thông hai chiều với BQLDA xã, nhất là trong cuộc họp chính thức hàng tháng. Nhờ vậy, PTA thường tích lũy nhiều sáng kiến như cải thiện năng suất nuôi trồng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, huy động nguồn lực có sẵn trong dân, cộng đồng. . v.. v. .

Tuy nhiên, khi làm việc cho DA6/AAV, số ít người trong các PTA đã không đủ bản lĩnh để tạo điều kiện người dân tham gia vào tiến trình lấy quyết định nhóm theo phương pháp PRA. Hậu quả là nhóm dân này khi bình chọn đối tượng vay vốn lại sử dụng biện pháp bắt thăm để dựa vào ‘may- rủi’.

Vì vậy, các BQLDA xã cần sinh hoạt nhóm nhỏ với các PTA và chuyển giao dần các kỹ thuật làm việc mới sao cho công việc phân công cho họ thật sự có ích cho người dân.

B.1.3. Các BQLDA Xã

Bốn xã của huyện Cầu Ngang tham gia DA6/ AAV là Mỹ Hòa, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, và Thuận Hòa. Chính quyền UBND bốn xã này đều cử một cán bộ lãnh đạo cốt cán tham gia DA6/AAV trong vai trò Trưởng BQLDA xã. Hầu hết các vị này đang đảm đương chức vụ Chủ Tịch UBND xã. Chỉ có một vị Chánh văn phòng UBND của một xã, trước là điều phối viên của DA6/AAV trong cùng xã này, đảm đương vai trò Trưởng BQLDA.X. Với sự chỉ đạo của những vị Trưởng BQLDA này, một số cán bộ thuộc cấp của UBND xã và Khối vận xã cũng tham gia thực hiện một số kế hoạch của DA6/AAV mà cũng là một phần kế hoạch toàn bộ của UBND và Khối vận xã. Ngoài ra, còn có các điều phối viên làm việc trực tiếp với các BQLDA và người dân toàn thời gian và được AAV trả lương.

Trong những tháng gần đây, một hệ thống tổ chức mới được bổ sung bên cạnh hệ thống tổ chức hành chính xã. Đó là Trung Tâm Học Tập Cộng Đồng xã. Các TT này đã được UBND huyện cho thành lập ngay sau khi có Quyết Định và Quy chế hướng dẫn cụ thể của

¹¹ Nhóm đánh giá. Báo Cáo Phỏng Vấn Ban Nhân Dân Ấp: Tư Liệu Lượng Giá CTPT-H.CN. Huyện Cầu Ngang; Nhóm Tư Vấn. 2008

ngành chủ quản, ngành Giáo dục¹². Căn cứ vào các văn bản pháp lý này, TTHTCD vừa được UBND cấp xã quản lý vừa chịu sự chỉ đạo về chuyên môn của Phòng Giáo Dục. Trước mắt, phòng giáo dục huyện Cầu Ngang đã biệt phái các giáo viên hệ giáo dục thường xuyên về nhận nhiệm vụ Phó giám đốc các TTHTCD này. Ngoài ra, hội viên các CLB/ Reflect vẫn vừa giữ liên lạc vừa phát triển mối quan hệ tốt hơn với cán bộ, giáo viên thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên. Bước đầu các TT còn nhiều khó khăn, nhất là về ngân sách hoạt động để có thể điều hành tốt TT.

Trong khi đó, bộ Lao Động-Thương Binh-Xã hội cũng đang triển khai đề án « Xây dựng mã số nghề công tác xã hội », trong đó, có chủ trương đào tạo cán sự xã hội chuyên nghiệp và bổ nhiệm họ làm việc thực địa với người dân. Điều này cho thấy rõ ràng hơn vai trò sắp tới của TTHTCD, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển cộng đồng.

Với môi trường thuận lợi và hệ thống tổ chức khá phóng khoáng như thế, các TTHTCD này vừa dễ dàng tiếp cận vừa làm việc phát triển với người dân trong cả lĩnh vực giáo dục cũng như xã hội. Do đó, sau việc hỗ trợ VP.XĐGN huyện, AAV nên ưu tiên đầu tư các TTHTCD để những trung tâm này có khả năng tự phát triển. Bên cạnh đó, việc phát triển nhân sự chuyên nghiệp về số lượng cũng như chất lượng là rất quan trọng. Vì vậy, AAV và các cơ quan đối tác nên tạo điều kiện học tập đại học công tác xã hội hay phát triển cộng đồng cho một số người dân, đặc biệt cho thanh thiếu niên đang tham gia hoạt động BTT. Kế tiếp, cần xem xét lại và đổi mới cơ cấu của DA6/AAV cấp xã; chẳng hạn, có thể thiết lập quan hệ đối tác mới với các TTHTCD này thay vì quan hệ « dưới – lên và trên – xuống » như trước đây. Có như thế, DA6/AAV mới bền vững sau khi được AAV chuyển giao và tồn tại ngang hàng với những dự án phát triển của những tổ chức hay nhóm xã hội khác đã được triển khai từng bước.

B.1.4. BQLDA huyện

Tương tự việc bố trí cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm cho DA6/AAV ở cấp xã, UBND huyện đã phân công vị Chủ Tịch UBND huyện tham gia BQLDA huyện. Trong vai trò Trưởng ban, vị này chỉ đạo trực tiếp và toàn diện DA6/AAV đồng thời có trách nhiệm giải trình việc sử dụng các nguồn vốn với chính phủ, AAV, nhà tài trợ và nhân dân. Ngoài ra, còn có một số cán bộ trưởng cơ quan ngành dọc cấp huyện- trưởng các phòng giáo dục, nông nghiệp, y tế và hội phụ nữ. Các cơ quan này cũng cử cán bộ phối hợp thực hiện kế hoạch của DA6/AAV mà cũng là một phần kế hoạch của cơ quan họ. Tuy nhiên, sự thay đổi cơ cấu tổ chức của phòng y tế trong thời gian gần đây, TT Y Tế Dự Phòng được tách khỏi sự chủ quản của phòng y tế, có thể làm trì trệ mảng hoạt động y tế thuộc DA6/AAV.

Trong việc thành lập VP.XĐGN¹³, một cán bộ công chức huyện trước đây đã được biệt phái tạm thời và bổ nhiệm chức vụ Phó BQLDA huyện để theo dõi và quản lý DA huyện¹⁴. Vị này cùng ba CB-NV khác làm việc toàn thời gian đã được tuyển dụng bốn năm trước và nhận lương của AAV qua kinh phí quản lý của DA6/AAV.

B.1.5. CBV DA6 Của AAV

Về phía hệ thống tổ chức của AAV, một CBV đã được bổ nhiệm phụ trách vùng phát triển 6. Người này đảm đương trách nhiệm phối hợp với BQLDA huyện và các đơn vị thực hiện DA6/AAV, giám sát và đánh giá định kỳ về quản lý tài chánh các hoạt động¹⁵. Vị này vốn

¹²Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Quyết Định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hà Nội: Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. 2008

¹³ AAV và UBND Huyện Cầu Ngang. Văn Bản Ghi Nhớ. 2008

¹⁴ nt

¹⁵ nt

là một chuyên viên ngành công tác xã hội có năng lực và động cơ làm việc. Thật vậy, ông đã nhiều năm trải nghiệm việc quản lý dự án phát triển cộng đồng có sự tham gia của người nghèo, người thiệt thòi vùng nông thôn thuộc mạng lưới các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Ông vừa chuyển công tác về DA6/AAV từ tháng 10/ 2007. Mấy tháng qua chưa đủ để ông vừa hòa nhập với nền văn hóa địa phương lại vừa sắp xếp và điều chỉnh những công việc quan trọng còn bỏ dở suốt một thời gian dài. Ngoài ra, ông còn đang từng bước dò dẫm thực hành việc chuyển đổi từ cách tiếp cận đối mới sang định hướng dựa trên quyền. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền để phát triển này được AAV đưa vào sử dụng cho giai đoạn 2006-2010 nhưng chỉ vừa triển khai cho hệ thống và công bố với các đối tác trong những tháng gần đây.

B.1.6. Trưởng Vùng Chương Trình Phía Nam

Ông là cấp trên của các CBV phía Nam và là người đại diện AAV để ký Bản Ghi Nhớ với UBND huyện Cầu Ngang về Chương Trình Phát Triển huyện giai đoạn 2008- 2010. Thái độ vui vẻ, hòa đồng của ông được các cán bộ- nhân viên VP. XĐGN và cộng tác viên cảm mến và dễ dàng bộc lộ. Được biết, ông thường sâu sát và hỗ trợ kịp thời CBV phía Nam.

B.1.7. Các Chuyên Gia

AAV cũng đào tạo và bố trí các chuyên gia về giáo dục, HIV, giới . v. .v để hỗ trợ kiến thức, phương pháp và kỹ thuật chuyên ngành cho DA6/AAV. Các chuyên gia thường xuyên hoặc định kỳ tư vấn và cũng trực tiếp đến hộ gia đình người dân trong vùng DA6/AAV để giám sát.

Các chuyên gia của AAV là những người thật sự có ý nghĩa đối với các CBV. Họ cũng được cán bộ, nhân viên, cộng tác viên VP.XĐGN và một số nhóm dân biết đến như những « *cán bộ từ Hà Nội* » nên tỏ ra tôn trọng.

Với một hệ thống tổ chức nhiều cấp như thế, AAV đã tổ chức thành công nguồn nhân lực đa dạng nhằm hỗ trợ tối đa cho các chương trình vùng phát triển. Phân quyền cũng đã được đặc biệt chú trọng. Ngoài ra, nhờ sử dụng nghiêm túc phương pháp quản lý có tham gia ứng dụng truyền thông hai chiều, các cấp trên luôn trong tư thế sẵn sàng để bất cứ một đối tác nào cũng dễ dàng tiếp cận và phản ảnh. Về phần cán bộ của AAV cũng như các tư vấn trong và ngoài nước thì được UBND huyện tạo điều kiện tiếp xúc trực tiếp tới các hộ gia đình trong vùng DA và nhận sự hợp tác ở các cấp¹⁶.

Về phía nội bộ các BQLDA huyện, xã, và PTA, việc phân cấp rất nghiêm ngặt. Khi chỉ đạo phải thông qua từng cấp xuống và khi nhận phản ảnh hay phản hồi từ người dân cũng thường thông qua từ cấp cộng đồng trở lên. Phải chăng, hệ thống tổ chức hành chính đã chi phối hệ thống phát triển cộng đồng hay đã có tập quán lồng ghép hai hệ thống này với nhau khi làm việc với người dân (?!). Dù sao, truyền thông hai chiều trong hệ thống DA6/AAV thường bị gián đoạn và để xảy ra những vấn đề truyền thông. Điều này có thể ảnh hưởng không tốt đến tiến trình phát triển của DA6/AAV, trong đó bao gồm cả tiến trình tham gia và tăng năng lực của người dân.

Áp dụng máy móc việc phân cấp của hệ thống tổ chức hành chính cho DA6/AAV cũng làm giảm hiệu quả công tác phát triển của CBV, nhân viên VP.XĐGN, và điều phối viên xã. Cứ mỗi lần đi thăm các BQLDA xã, CBV phải đi cùng với nhân viên VP. XĐGN và cứ mỗi lần thăm cộng đồng dân cư, người này lại phải đi cùng với nhân viên VP. XĐGN, điều phối viên xã và cả PTA. Điều kiện làm việc như vậy đã gây phiền nhiễu không ít cho nhân viên VP. XĐGN, điều phối viên xã và cả PTA khi họ buộc phải làm thêm công việc

¹⁶ nt

đón tiếp và hướng dẫn CBV về áp, xã giám sát thường xuyên. Ngoài ra, trong các chuyến thăm thực địa như thế, CBV cũng phải kìm nén những trao đổi mang tính ‘tư vấn’ với các BQLDA xã, PTA, và cả người dân. Nếu không, có thể gây ra hiểu lầm là CBV ‘chỉ đạo vượt cấp !!’. Cuối cùng, CBV, kể cả CB-NV VP. XĐGN và điều phối viên xã tự roi mình vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, hoặc họ nên tiếp tục làm việc phát triển đích thật để hoàn thành nhiệm vụ đối với người dân hay ép mình tuân theo cơ chế máy móc như thế để bảo vệ quyền lợi của chính họ.

Tóm lại, để tạo điều kiện người dân tham gia thật sự vào bất kỳ tiến trình phát triển, trước hết cần đổi mới cơ chế, hệ thống tổ chức cho phóng khoáng. Làm được như thế, nhân viên, cộng tác viên làm phát triển không những dễ dàng đi đến người dân hơn nhưng quan trọng hơn, họ phải xem đó là trọng trách của họ đối với người dân. Chẳng phải thuở sinh thời, Bác Hồ đã nhiều lần nhắc nhở cán bộ, nhất là cán bộ dân vận rằng « *Dân là gốc của đất nước bởi vì đất nước là của mọi người dân*¹⁷ » đó sao ?

B.2. Tầm Nhìn Của Cộng đồng

Tầm nhìn/ lý tưởng của cộng đồng người dân tham gia DA6/AAV chưa được đổi tác nào đề cập. Một cán bộ lãnh đạo đề cập đến một phần tầm nhìn của AAV : « Một thế giới không nghèo » mà theo bà rất phù hợp với chủ trương xóa đói giảm nghèo và pháp luật của Đảng và Nhà nước về quyền của người dân, quyền của trẻ em. Cán bộ khác thì đề cập về tầm nhìn của chính cơ quan họ :

« Chúng tôi có chung tầm nhìn của đất nước, đó là một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh¹⁸ ».

Trong khi đó, một lãnh đạo cơ quan đã thảo luận sứ mạng/ nhiệm vụ của CTPT-H. Cầu Ngang: « Đề phát triển kinh tế xã hội ».

Về phần hai nhóm học sinh ở độ tuổi từ 12 đến 14, đã tham gia hoạt động BTT của AAV suốt những năm qua, các em đã mô tả ước mơ thông qua mười tám bức tranh. Trong đó, có 30% tranh vẽ mô tả quang cảnh các làng quê trù phú, một môi trường sạch đẹp, hay tổ quốc chiến thắng trong đó mọi người sống hạnh phúc và mạnh khỏe. Tranh vẽ “quê hương em” dưới đây là một trong những tranh vẽ này được một bé trai cận thị nhưng không đeo kính, thực hiện.

Thật ngạc nhiên, ở lứa tuổi thiếu niên mà các em lại cảm nhận được, hy vọng, và phát biểu chân thật về một tầm nhìn chuẩn xác như thế. Điều này chứng tỏ sự thành công tuyệt vời của mạng hoạt động giáo dục thuộc DA6/AAV trong việc khơi dậy cảm hứng mỹ thuật và tạo điều kiện rèn luyện kỹ năng tưởng tượng của học sinh. Những điều này là vài khía cạnh tăng quyền lực của người thụ hưởng. Vì vậy, những người có trách nhiệm giáo dục các em, cần nghiên cứu rồi giúp các em kiên trì nuôi dưỡng chính những tầm nhìn/ ước mơ của các em.

¹⁷ Lê Thọ Bình. Tất Cả Quyền Bính Trong Nước Là Của Toàn Thể Nhân Dân. Số ra ngày 19-5-2003. Tp. HCM: Tòa Soạn Báo Pháp Luật. 2003

¹⁸ Nhóm Đánh Giá. Báo Cáo Phong Vấn: Tư Liệu Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ DA6/AAV Có Sự Tham Gia. Huyện Cầu Ngang: Nhóm Tư Vấn. 2008



Tranh Vẽ : Làng Quê Của Em

Nhân tiện đây, các BQLDA huyện, xã nên xem xét và cho phát biểu công khai về tầm nhìn của cộng đồng người dân nghèo, thiệt thòi. Làm như thế, một phương hướng hành động cho DA6/AAV được xác định cụ thể để người dân có thể tham gia một cách ý thức và tích cực hơn vào tiến trình phát triển cộng đồng tại huyện Cầu Ngang.

B.3. Chi Tiêu Của DA6/AAV Trong Bốn Năm Qua

Trong phạm vi đợt lượng giá giữa kỳ có sự tham gia này, các số liệu liên quan đến việc chi tiêu cho các mảng hoạt động thuộc DA6/AAV trong bốn năm qua chỉ được sử dụng để đối chiếu các khoản chi tiêu cho các hoạt động đã triển khai. Đây là cơ sở cho sự phân tích rồi, đưa ra những khuyến cáo liên quan đến nguồn lực đầu tư mạnh mẽ vào DA6/AAV.

B.3.1. Chi Tiêu Cho Các Cuộc Tuyên Truyền

Theo Bảng 4, số lượt người tham dự các cuộc tuyên truyền về quyền phụ nữ và HIV/AIDS là nhiều nhất, 51.618 lượt bao gồm cả 2.100 lượt học sinh. Phương pháp truyền thông một chiều với số đông thính giả đã được sử dụng trong các cuộc tuyên truyền này. Chia sẻ kinh nghiệm về việc đưa kiến thức về HIV/AIDS vào cuộc sống, một chị trong nhóm phụ nữ cung cấp thông tin đã tự nguyện đưa tay vừa đứng lên. Bỗng nhiên, chị lại áp a áp úng vừa từ từ ngồi xuống ?!. . . cho đến khi một cộng tác viên nam trong nhóm đánh giá tề nhị đi ra ngoài thì chị mới bắt đầu kể lớn tiếng:

« *Chồng em thường đi làm xa nhà nhiều ngày. Mỗi lần anh ấy về và tỏ ý muốn. . . quan hệ thì em chỉ hỏi nhẹ nhàng: « Công việc anh có gì khác không ? ». Anh ấy rất hiểu ý em nha mấy chị: « Mình nghèo, lo mần ăn muốn chết còn đâu thì giờ với ba cái dzụ kia ». Em cũng rất tin tưởng anh ấy ; nên. . . dzậy là xong»*

Trong khi đó, một chị ở nhóm CLB-PTCĐ/ reflect thì kể :

« Tui tui thích nghe tuyên truyền về giới lắm. Có lần nghe xong về nhà là áp dụng liền. Có điều, nhiều người đàn ông không hiểu !!!. Thế là gia đình to tiếng, xô xát !!! Bị kỹ năng truyền thông của mình chưa có thuyết phục được mấy ông mà thôi. Vậy là y như cũ »

Số lượt người tham dự các cuộc truyền thông về quyền phụ nữ và HIV/ AIDS là lớn nhất khi so sánh với những số lượt người của các hoạt động khác thuộc DA6/ AAV. Trong khi đó, chỉ tiêu cho các cuộc tuyên truyền đó có lẽ cũng thấp hơn những chỉ tiêu khác của DA6/AAV. Tuy vậy, sử dụng phương pháp truyền thông một chiều trong các cuộc tuyên truyền đông đúc thính giả như thế khiến chúng không đem lại kết quả cần đạt. Người nghe dễ quên đi nội dung của những cuộc tuyên truyền này. Như vậy, không có một tác động nào đối với sự thay đổi hành vi của họ cho tốt hơn. Trong khi điều này lại chính là mục tiêu quan trọng nhất của các dự án phát triển. Vì vậy, rất cần thiết thay đổi phương pháp truyền thông. Đúng hơn, phải loại bỏ các cuộc tuyên truyền khỏi những dự án phát triển để tránh lãng phí các nguồn lực của các dự án phát triển. Thay vào đó, nên đẩy mạnh việc tổ chức người nghèo và thiết thời thành những nhóm nhỏ và sử dụng phương pháp truyền thông hai chiều hay truyền thông nhóm nhỏ càng sớm càng tốt.

Thật vậy, truyền thông nhóm nhỏ đã và đang được sử dụng rất hiệu quả trong hầu hết những chương trình phát triển cộng đồng trên thế giới. Tại Việt Nam, Hội Phụ Nữ và Liên Đoàn Lao Động cũng sử dụng chúng thành công trong chương trình tín dụng tiết kiệm của họ. Về phần DA6/AAV, các thành viên CLB- PTCD cũng tích lũy nhiều kinh nghiệm truyền thông nhóm nhỏ nhờ việc sinh hoạt tổ phụ nữ trong nhiều năm qua.

Để thực hành truyền thông nhóm nhỏ, lực lượng nòng cốt của các CLB- PTCD rất cần được tập huấn về phương pháp làm việc với nhóm/ năng động nhóm hay tiến trình nhóm, trong đó có nội dung truyền thông nhóm nhỏ. Sau đó, nhóm nòng cốt này cần soạn thảo và ưu tiên hóa những chủ đề truyền thông tùy theo mong muốn của các thành viên CLB-PTCD. Mỗi chủ đề truyền thông này được trình bày dưới hình thức giáo án, theo các bước trong chu trình học dựa vào kinh nghiệm. Cũng có thể linh hoạt lồng ghép một số công cụ PRA hay trò chơi/ bài hát phù hợp. Nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng như thế, nhóm nòng cốt của CLB- PTCD cũng có khả năng truyền thông nhóm nhỏ cho bất cứ nhóm sinh hoạt nào như nhóm thanh thiếu niên, tổ Nhân Dân, các tổ chức, cộng đồng khác để cùng nhau thực hành bình đẳng giới, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, phòng chống HIV/ AIDS . . .v. .v. .một cách hiệu lực.

Bảng 4. Kinh Phí Thực Hiện các Mảng Hoạt Động Thuộc DA6/AAV¹⁹

STT	Lĩnh vực	Số người tham gia/ hưởng lợi					Ngân sách (ĐVT x 1000 đ)				
		2004	2005	2006	2007	Tổng	2004	2005	2006	2007	Tổng
I.	QUYỀN PHỤ NỮ	8.199	13.089	8.068	3.180	32.536	161.000	190.270	162.163	154.115	668.048
1	Tập huấn	74	271	585	26	956					
2	Tham quan			16	14	30					
	Hưởng lợi từ hoạt động trợ vốn	1,752	24		140	1,916					
	Truyền thông	6,373	12,797	7,467	3,000	29,634					
II	QUYỀN GIÁO DỤC	3.352	8.538	4.306	1.360	17.556	503.798	802.914	970.000	884.851	3.161.563
	Tập huấn cho hướng dẫn viên	70	171	306	116	663					
	Mở lớp Reflect	460	1.100			1.560					
	Tập huấn cho giáo viên			600	56	656					
	Học sinh tham gia	1.096	3.596			4.692					
	Học sinh hưởng lợi	1.726	3.671	3.400	1.188	9.985					
III	HIV/ AIDS	10.050	9.664	1.935	915	22.564	44.303	210.000	190.000	149.000	593.303
	Tập huấn cộng tác viên	50	96	224	187	557					
	Truyền thông	10.000	7.464	1.700	720	19.884					
	Tham gia của học sinh		2.100			2.100					
	Người nhiễm HIV		4	4	8	16					
	Người được hỗ trợ			7		7					
IV	AN NINH LƯƠNG THỰC	901	1.405	914	0	3.220	514.000	766.743	170.000	622.408	2.073.151
	Tập huấn	542	280	250		1.072					
	Hưởng lợi từ mô hình		394	54		448					
	Hưởng lợi từ hỗ trợ chăn nuôi	102	126	60		288					
	Giếng nước	40	147	40	227						
	Kênh mương	217	458	510		1.185					
V.	NÂNG CAO NĂNG LỰC	71	420	10	81	582	100.000	71.000	71.000	144.462	386.462
	Tham quan học tập kinh nghiệm	27	16	3	8	54					
	Tham gia hội thảo xây dựng kế hoạch	34	399	1	19	453					
	Tập huấn	10	5	6	54	75					

¹⁹ BQLDA Huyện. Số Liệu Tổng Hợp Về Các Hoạt Động Của Dự Án. Huyện Cầu Ngang: BQL Huyện. 2008

B.3.2. Chi Tiêu Vì Lợi Ích Của Hai Nhóm Mục Tiêu, Phụ Nữ và Trẻ Em

Số lượt học sinh hưởng lợi từ DA6/AAV là 9.985 lượt, đó là chưa kể những em được gọi là « tham gia », 6.792 lượt. Chi tiêu trong bốn năm qua cho mảng hoạt động giáo dục là chi tiêu cho cả mảng reflect/ CLB- PTCD và hoạt động hướng về trẻ với số tiền lên tới 3.161.563.000đ. Phần lớn chi tiêu này bao gồm các hoạt động xây dựng nhà vệ sinh hoặc sửa sân trường tiểu học và phân phát ít cuốn tập, cặp, quần áo hoặc học bổng hằng năm. Trong khi đó, chi tiêu cho mảng ANLT là 2.073.151.000đ trong cùng quãng thời gian. Ngoài ra, theo Bảng 5, giữa các nhóm dân như phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, trẻ em, người buôn bán nhỏ, . v. .v. trong cộng đồng xã, nhóm phụ nữ được hưởng lợi nhiều nhất. Nhóm trẻ em cũng hưởng lợi từ DA6/ AAV nhưng ít hơn nhóm nam nông dân. Trước sự kiện như thế, một số nhóm dân đã bào chữa rằng : «*một khi cha hay mẹ trẻ được hưởng lợi nhiều từ dự án thì trẻ em cũng hưởng lợi theo*».

Bảng 5. Tổ Hợp các Nhóm Dân Hưởng Lợi Từ các Lĩnh Vực của DA6/ AAV

Nhóm Hưởng Lợi	Phụ Nữ	Nam Nông Dân	Trẻ Em	Thanh Niên	Cán Bộ Ấp, Xã, Giáo Viên	Buôn Bán Nhỏ	Cựu Chiến Binh
Mảng Hoạt Động							
Vốn Vay/ Mượn	9	4	KTH	0	KTH	2	KTH
Quyền Giáo Dục	KTH	KTH	6	0	KTH	KTH	KTH
Reflect/ CLB	8	2	0	0	KTH	2	KTH
Y Tế- HIV	7	2	3	5	KTH	KTH	KTH
Mô Hình (Màng phủ)	6	6	0	0	KTH	KTH	1
Nâng Cao Năng Lực	5	5	0	0	1	KTH	KTH
Bình Đẳng Giới	4	4	0	0	KTH	KTH	KTH
Tổng Cộng :	39	23	9	5	1	4	1
Xếp Hạng :	1	2	3	5	6	4	6

Ghi chú : KTH : Không thích hợp

Phải thừa nhận rằng, trong những năm qua, việc chi tiêu cho mảng quyền giáo dục là rất nhiều. Tuy nhiên, phần lớn chi tiêu này lại dành cho những hoạt động xây dựng mà lẽ ra thuộc trách nhiệm của ngành giáo dục đối với người dân nói chung và với học sinh, nói riêng nhưng ngành đã không đảm đương được. Về việc cấp phát số ít phương tiện cho học sinh, điều này không gây ấn tượng mấy đối với cha mẹ, gia đình, và ngay cả các em học sinh. Được biết, một số phụ huynh bước đầu đã có phản ứng không thuận lợi với BGH nhà trường: «*việc vẽ tranh thông điệp, gửi thư của con cái khiến các cháu xao lãng việc học tập và lao động phụ giúp gia đình*²⁰». Sau khi «*được BGH giải thích lòng ghép trong những phiên họp phụ huynh đầu năm thì phụ huynh dự họp đều vui vẻ chấp nhận*²¹». Tuy nhiên, số phụ huynh khác chưa từng đi họp thì không biết gì về BTT. Hiện tượng này cho thấy, có lẽ trẻ em và cha mẹ chúng ít có thời gian rảnh rỗi để chuyện trò, chia sẻ với nhau. Quan trọng hơn, khâu truyền thông của nhà trường chưa được sự hỗ trợ kỹ thuật từ bộ phận gây quỹ của AAV để minh bạch hóa nguồn tài chánh này.

Riêng đối với quan điểm « con cái hưởng lợi theo cha mẹ », thực tế ở những cộng đồng này đã chứng minh ngược lại. Có những cha mẹ học sinh quá bận bịu với việc tăng thu nhập của gia đình mà lãng quên việc chăm sóc giáo dục con. Tương tự, sau khi được vay vốn để làm theo mô hình hay chăn nuôi bò, một số nông dân đã giao thêm việc lao động cho các con như cắt cỏ cho bò, chăn bò hoặc nhỏ cỏ đại.

Vì vậy, một thành viên trong BGH đã chia sẻ cảm nghĩ của ông :

²⁰ Nhóm Đánh Giá. Báo Cáo Phòng Vấn Tư Liệu Đợt Lượng Giá Giữa Kỳ DA/AAV Có Sự Tham Gia. Huyện Cầu Ngang: Nhóm Tư Vấn. 2008

²¹ -nt-

« Chúng tôi cần phải phối hợp với nhau trong dự án chắc chắn hơn. Chia sẻ, trao đổi thông tin cho nhau về đối tượng chăm lo của mình cũng thể như cùng nhau làm việc với cả gia đình trẻ sao cho trẻ em, đặc biệt trẻ tham gia BTT, thật sự hưởng lợi nhiều hơn từ dự án. Ngoài ra, cũng cần phân bổ lại ngân sách của các mảng hoạt động sao cho các em tham gia BTT có thêm được ưu đãi khác, thuận lợi cho việc học tập của các em. »

B.3.3. Chi Tiêu Cho Nâng Cao Năng Lực của Đối Tác

Về phần tập huấn, đã có 4.516 số lượt CB-CNV-CTV tham dự. Những chi tiêu cho việc đào tạo này được phân bổ dần trải trong tất cả các mảng hoạt động thuộc DA6/AAV: quyền phụ nữ, quyền giáo dục bao gồm cả lớp xóa mù/ reflect và CLB-PTCĐ, y tế-HIV/AIDS, ANLT, và NCNL nhưng lại không được xác định bằng con số tách khỏi tổng số chi tiêu cho từng lĩnh vực của dự án. Vì vậy, không thể tổng hợp chính xác tổng số chi tiêu cho việc đào tạo thuộc lĩnh vực nâng cao năng lực được. Tuy nhiên, dựa vào chi tiêu chính thức cho mảng hoạt động NCNL, 386.462.000đ cho 582 lượt cán bộ, có thể đoán được chi tiêu thật cho mảng nâng cao năng lực là rất nhiều.

Những chi tiêu như thế là rất cần thiết cho bất cứ một dự án phát triển nào. Thật vậy, nâng cao năng lực của cán bộ các tổ chức, cơ quan phát triển để những người này có khả năng tăng quyền lực của người dân là hành động hợp lý và minh bạch. Và lại, Bác Hồ đã nói: *“Dân là gốc của quốc gia vì quốc gia thuộc quyền sở hữu của dân”²²* nhưng *“năm ngón tay có ngón vẫn, ngón dài”²³*. Tương tự, có người dân biết nhưng cũng có người chưa biết sử dụng quyền làm chủ đất nước của họ. Do đó, những người dân này cần các cán bộ phát triển của các cơ quan hỗ trợ họ khơi dậy nguồn cảm hứng, mong muốn, và sáng kiến trong tận cùng của họ.

Làm đúng theo lời Bác dạy có nghĩa là DA6/AAV phải đẩy mạnh hơn mảng hoạt động nâng cao năng lực của cán bộ để tăng quyền lực của người dân. Đặc biệt, cần đầu tư đào tạo những CB-NV thuộc bộ phận điều phối, nhóm nòng cốt của các CLB-PTCĐ và các ban PTA.

C. Tiến Trình/ Các Mảng Hoạt Động của DA6/AAV

Bảng 6. trình bày những câu chuyện thành công của cộng đồng người dân theo sáu mảng hoạt động của DA6/ AAV. Có những năm số lượng và chất lượng thành công tăng đều trong một số mảng hoạt động, chẳng hạn như số lượng và chất lượng thành công của hoạt động vay vốn chăn nuôi thuộc mảng ANLT. Trường hợp của mảng quyền phụ nữ, thành công của mảng này giống nhau trong suốt các năm 2006, 2007, và 2008. Còn câu chuyện thành công về việc xây cất và trang thiết bị lớp mẫu giáo thuộc mảng quyền giáo dục thì đã không còn được đề cập nữa từ năm 2006.

²² Lê Thọ Bình. Tất Cả Quyền Bính Trong Nước Là Của Toàn Thể Nhân Dân. Số ra ngày 19-5-2003. Tp. HCM: Tòa Soạn Báo Pháp Luật. 2003

²³ -nt-

Bảng 6. Câu Chuyện Thành Công Trong Cộng Đồng

MỐC THỜI GIAN THÀNH CÔNG	NĂM 2004	NĂM 2005	NĂM 2006	NĂM 2007	THÁNG 1-5 NĂM 2008
Xóa mù chữ, câu lạc bộ phát triển cộng đồng,	<ul style="list-style-type: none"> Biết đọc, biết viết, biết tính toán; Nâng cao kiến thức phát triển kinh tế; Phát triển nhận thức 	<ul style="list-style-type: none"> Mở 8 lớp học xóa mù chữ 	<ul style="list-style-type: none"> Lớp học xóa mù chữ; Một CLB hoạt động hiệu quả; 	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập CLB; Học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và áp dụng thực tế; Chia sẻ kinh nghiệm sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Mở hai CLB-PTCĐ; Hiểu được nhiều kỹ thuật qua việc trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau.
Vay vốn nuôi bò, làm lưới chài; Nuôi heo Trồng màu (giếng, điện, vốn, tập huấn kỹ thuật, màn phủ)	Hỗ trợ vốn	<ul style="list-style-type: none"> Chăn nuôi; 5 con bò (mỗi con 7 triệu) nhưng đạt hiệu quả không cao vì giống bò không tốt; Nuôi heo hiệu quả nhưng giá thấp, bán heo lời 400.000\$ 	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển tốt, lãi nhiều; Đào ao nuôi cá; Nuôi 20 con heo mang lại lợi nhuận; Buôn bán nhỏ thành công; Trồng màu: đậu phộng thu hoạch lãi 50% (1.1 triệu/ công lãi bán được 2 triệu) 	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển tốt, lãi nhiều; Nuôi cá lãi 2 triệu; Nuôi heo có lời, nuôi hai (2) con, bán năm (5) con, lãi một (1) con Phát triển buôn bán nhỏ; Trồng đậu phộng có lãi suất cao; Lãi nhiều hơn 	<ul style="list-style-type: none"> Mang lại hiệu quả; 4 con bò Vẫn tiếp tục nuôi cá. Nuôi lại một con heo để lãi Phát triển buôn bán nhỏ; Vẫn tiếp tục trồng đậu phộng, đang lúc thu hoạch; Trồng trọt có lãi suất cao.
Giếng (7 cái); Trồng rau; Mô hình; Nạo vét kênh mương cấp 3 cũ	<ul style="list-style-type: none"> Tập huấn kinh tế về trồng rau; 	<ul style="list-style-type: none"> 5 cái giếng được làm; Giếng nước ngầm trồng màu 120ha Có nước xài, trồng màu; Đảm bảo sức khỏe con người; 	<ul style="list-style-type: none"> 2 cái giếng được làm; Giếng nước ngầm trồng màu 160ha; 	<ul style="list-style-type: none"> 1 cái giếng được làm; Giếng nước ngầm trồng màu 191ha; Cho người nghèo mượn đất trồng màu; Trồng rau (nhà lưới) Thoát được ngập úng mùa mưa; Bơm được nước tưới vào mùa khô; Cung cấp cá tôm phục vụ bữa ăn gia đình; Vận chuyển được lúa trong thu hoạch; Tận dụng bờ kênh để trồng hoa màu và có nuôi bò. 	<ul style="list-style-type: none"> / / / / Thoát được ngập úng mùa mưa; Bơm được nước tưới vào mùa khô; Cung cấp cá tôm phục vụ bữa ăn gia đình; Vận chuyển được lúa trong thu hoạch; Tận dụng bờ kênh để trồng hoa màu và có nuôi bò.

MỐC THỜI GIAN THÀNH CÔNG	NĂM 2004	NĂM 2005	NĂM 2006	NĂM 2007	THÁNG 1-5 NĂM 2008
<p>Giáo dục phổ thông :</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tập vở cho học sinh; ▪ Cho mượn sách, <p>▪ Nhà vệ sinh trong trường Tiểu học Xã;</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khôi lo tập vở cho con em; ▪ Đỡ tốn tiền <p>▪ Xây 3 phòng học cho Mẫu giáo;</p> <p>▪ Sửa trường lớp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Gia đình giảm chi tiêu cho việc học tập của con; ▪ Trẻ không bỏ học; ▪ Học sinh chăm học, học có tiến bộ; ▪ Cha mẹ đỡ lo; ▪ Cấp học bổng học sinh nghèo, học giỏi (10 em) ; ▪ Hỗ trợ sách giáo khoa khối 1, 2, và 3; ▪ Trang thiết bị cho MG 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vẫn được duy trì hoạt động cấp phát tập vở; ▪ Không bỏ học; ▪ Con cái học hành tốt hơn: ham học; học có tiến bộ; ▪ Cấp học bổng cho học sinh nghèo, học giỏi(10 em); ▪ Hỗ trợ sách giáo khoa khối 4 và 5; ▪ Sửa bàn ghế ▪ Tổ chức Trung thu 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vẫn được duy trì hoạt động tập vở; ▪ Cập viết; ▪ Quần áo HS khó khăn; ▪ Không bỏ học; ▪ Con cái học hành tốt hơn: ham học; học có tiến bộ; ▪ Sách giáo khoa; ▪ Tạo môi trường tốt cho học sinh vui học; ▪ Sửa sân, đèn, quạt; ▪ Thực hành PP “Đôi bạn cùng tiến đạt 85%” ▪ Kỹ năng sống ▪ Tổ chức Trung thu 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vẫn được duy trì hoạt động cấp phát tập vở; ▪ Không bỏ học; ▪ Con cái học hành tốt hơn: ham học; học có tiến bộ; ▪ Sửa sân trường, quạt và đèn điện lớp học; ▪ Hs có sân chơi và lớp học tốt ▪ Thực hành PP “Đôi bạn cùng tiến đạt 85%” ▪ Kỹ năng sống;
GIỚI (phụ nữ) Truyền thông bình đẳng giới	Tuyên truyền quyền phụ nữ- bình đẳng giới (tham gia ít); Áp dụng: các hoạt động phong phú, hiệu quả	Tuyên truyền thay đổi nhận thức và phát triển kinh tế; Các hoạt động phong phú, hiệu quả.	Ý thức việc buôn bán trẻ em và phụ nữ; Hiểu được quyền của phụ nữ, bình đẳng giới ; Giảm bạo lực gia đình; Vị thế phụ nữ được nâng lên;		
Y TẾ- HIV	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khám sức khỏe cho phụ nữ; ▪ Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ 100% 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phụ nữ tự giác và mạnh dạn hơn trong việc khám chữa bệnh; ▪ Biết phòng ngừa HIV 			
Nâng cao năng lực	Tập huấn nâng cao kiến thức, kiến thức nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp dụng được khoa học kỹ thuật vào sản xuất; ▪ Phát triển các kỹ năng; ▪ Mạnh dạn , tự tin ; ▪ Các kỹ năng kiến thức tăng lên 			

Dù sao, những kết quả đạt được trong hơn bốn năm qua là nỗ lực to lớn của các BQLDA xã, các BGH- TTH trên các địa bàn xã, PTA và nhất là người dân, trong việc hoàn thành kế hoạch từng năm của ban ngành, đoàn thể cấp xã, huyện nói chung và của DA6 nói riêng.

C.1. Phương Pháp & Kỹ Thuật/ Các Tiến Trình Và Chiến Lược

C.1.1. Các Tiến Trình Phát Triển Và Tham Gia Của Người Dân

Thật ra, những thành công nói trên thể hiện được một số chỉ báo mà DA6 đã đạt được sau hơn bốn năm qua. Có thể những chỉ báo này đã được xây dựng hay dự kiến ngay từ khi các BQLDA huyện, xã lên kế hoạch chiến lược năm năm rồi từng năm cho DA6/AAV (?). Chúng cho thấy mức độ phát triển của từng mảng hoạt động và cả toàn bộ DA6/AAV. Cụ thể, trong việc đào giếng ngầm, số lượng giếng được làm và số diện tích trồng màu được tưới đã tăng dần lên trong 3 năm liền 2005, 2006, và 2007. Điều này đã chứng minh sự phát triển đều đặn của hoạt động này, của hoạt động ANLT và của cả DA6/AAV. Tiếc rằng, đến năm 2008, sự phát triển của hoạt động này bị khựng lại. Phải chăng đã có vấn đề phát sinh nào chưa được giải quyết nên các nhóm dân đã không ghi nhận gì thêm (?).

Quả thật, đã xảy ra những vấn đề khá nan giải trong quá trình sử dụng cầu vệ sinh ở hai trong bốn điểm Trường Tiểu Học tại một xã tham gia DA6/AAV. Hoạt động xây dựng nhà vệ sinh này thuộc mảng hoạt động quyền giáo dục. Chỉ sau một thời gian ngắn đã không còn hoàn chỉnh như lúc ban đầu để phục vụ cho hơn 100 học sinh. Lý do vì đầu bơm nước bị lấy cắp?! và người dân trong Ấp đã tùy tiện sử dụng cầu vệ sinh của các cháu mà lại không bảo quản chúng. Trước tình hình này, sự tham gia của người dân trong Ấp và kể cả sự phối kết hợp giữa các ban ngành đoàn thể xã, áp dụng như bắt lợc kể từ năm 2006 cho đến nay!

Trong khi đó, một thành viên trong BQLDA ở một xã khác lại tỏ ra khá lạc quan trong việc quản lý DA6/AAV cấp xã: ” Trong BQL, điều phối viên thì tham mưu còn tôi thì chỉ đạo, cứ căn cứ vào kế hoạch mà thực hiện thì không có vấn đề gì cả!²⁴”

Được biết, khi thực hiện các kế hoạch thuộc DA6/AAV, thành viên này cũng vừa chỉ đạo cán bộ thuộc cấp vừa phối hợp với bộ phận ngang cấp là Khối Vận theo phương pháp quản lý đặc trưng của cơ chế hành chính nghiêm ngặt.

Rõ ràng, làm việc trong một cơ chế như thế lại vừa sử dụng phương pháp quản lý ‘trên xuống’ và ‘dưới lên’ thì quả thật khó cho thành viên này để nhận ra những vấn đề trong tiến trình phát triển con người!!!

Về việc “*căn cứ kế hoạch mà thực hiện*”, có lẽ thành viên này đang nói về kế hoạch kinh phí hay tài chánh hoặc xây dựng cơ sở vật chất (?). Những kế hoạch này tuy quan trọng nhưng trong toàn bộ kế hoạch phát triển, chúng chỉ là loại kế hoạch hỗ trợ. Chúng chỉ có giá trị khi nào nó tạo đủ điều kiện cho con người đang tham gia vào chương trình phát triển được phát triển đều đặn và bền vững, ngay cả sau khi chương trình này đạt đủ các mục tiêu đã được đề ra. Liệu trong toàn bộ kế hoạch của DA6/AAV, kế hoạch phát triển các nhóm dân hưởng lợi có được phác thảo không? Câu hỏi này vẫn chưa có câu trả lời vì CBV và các BQLDA huyện, xã đã không lưu giữ được bất cứ hồ sơ nào liên quan đến đợt đánh giá nhu cầu cộng đồng ở lần đầu tiên bao gồm cả kế hoạch trung hạn năm năm qua. Và lại, cũng đã không tổ chức được các đợt giám sát/ đánh giá vào những năm 2006 và 2007 nên không thể bổ sung, điều chỉnh hoặc xây dựng lại kế hoạch phát triển của DA6/AAV.

Do vậy, việc đối chiếu, so sánh giữa kế hoạch và việc thực hiện DA6/AAV nhằm đánh giá các nỗ lực đã đóng góp cho chương trình này trong năm năm qua là không thể tiến hành được. Như là một biện pháp thay thế, việc phân tích kỹ lưỡng các bảng, biểu, và sơ đồ có kèm theo dẫn chứng là để rút ra kinh nghiệm thực tế rất có ích cho việc xây dựng kế hoạch trung hạn DA6/AAV trong năm năm tới, 2008-2013. Những nội dung phân tích này không

²⁴ Nhóm Đánh Giá. Báo Cáo Phòng Vấn BQLDA-X. Tư Liệu Lượng Giá TCPT-H.CN. Huyện Cầu Ngang: Nhóm Tư Vấn. 2008

C.1.2. Tiến Trình Nhóm Nhỏ và Xây Dựng Năng Lực²⁷

Bảng 7. trình bày những kết quả của các mảng hoạt động thuộc DA6/AAV đã được nhóm mục tiêu phụ nữ đề xuất và xếp hạng theo ích lợi- bất lợi. Bảng này là một trong đa số (60%) các bảng xếp hạng khác đã đưa ra kết luận tương tự nhau về thứ hạng của mỗi mảng hoạt động của DA6/AAV. Ngoài ra, đây là bảng xếp hạng duy nhất (10%) trong số mười bảng xếp hạng có đề cập đến mảng hoạt động nâng cao năng lực. Bảng 7. được một trong bốn nhóm câu lạc bộ reflect thực hiện trong vòng một giờ ba mươi phút. Nhóm reflect/ CLB- PTCĐ này gồm đa số (90%) là phụ nữ. Họ đã thảo luận, phân tích và đi đến kết luận bằng thể thức nhất trí mười sáu tiêu chí. Những tiêu chí này bao gồm mười ích lợi và sáu bất lợi, được dùng để đánh giá từng mảng hoạt động của DA6/AAV. Trước khi quyết định số điểm cho từng mảng hoạt động gồm thấp nhất là 1 và cao nhất là 5, các thành viên đã suy nghĩ, cân nhắc khá lâu. Sau đó, tất cả họ đồng thanh cộng điểm cho từng mảng hoạt động và cuối cùng, một chị thành viên tuyên bố kết quả của Bảng 7. Vay vốn, một hợp phần của mảng hoạt động ANLT, đạt được 70 điểm, xếp hạng (1) đem lại ích lợi cao nhất cho người dân. Còn các mảng hoạt động Y tế- HIV/ AIDS- quyền phụ nữ và nâng cao năng lực người phụ nữ, có cùng số điểm 37 và chỉ được xếp hạng (4) vì đem lại ích lợi thấp nhất cho nhóm mục tiêu này.

Bảng 7. Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động Của DA/AAV Theo Ích Lợi Và Không Bất

Lợi					
Hoạt Động DA6/AAV	Quyền Giáo Dục	Vay Vốn	Y Tế- HIV- Giới	Nâng Cao Năng Lực	Câu Lạc Bộ Reflect
Ích Lợi và Không Bất Lợi					
A. Ích lợi :					
▪ Cha mẹ đỡ tốn kém;	4	5	3	2	1
▪ Trẻ được tiếp tục đi học, học giỏi	5	4	3	2	1
▪ Cha mẹ vui, hy vọng con thành tài.	5	4	3	2	1
▪ Tăng thu nhập	3	5	2	1	4
▪ Giúp phát hiện bệnh/ cảnh giác bệnh	3	5	4	2	1
▪ Có phân công lao động trong GD	2	5	3	1	4
▪ Nâng cao kỹ năng truyền thông	4	5	3	2	1
▪ Biết + thực hành thêm nghề mới	1	5	2	3	4
▪ Biết giúp con cái học tập, khuyến khích con đi học	2	4	1	3	5
▪ Cha mẹ con cái hòa thuận, tình cảm gia đình gắn bó.	2	5	1	3	4
B. Không bất lợi					
▪ Không bị mất thời gian học tập/lao động	1	5	2	3	4
▪ Dự đoán được nhu cầu thu mua sản phẩm	2	1	3	4	5
▪ Thông tin kịp thời	2	3	1	4	5
▪ Tuyên truyền giới đối với nam thuyết phục	2	5	1	3	4
▪ Ưu tiên cho việc nâng cao năng lực bản thân	4	5	3	1	2
▪ Sự tham gia đồng bộ dù thời tiết xấu.	5	4	2	1	3
Điểm tổng cộng:	47	70	37	37	49
Xếp hạng:	3	1	4	4	2

Mười sáu tiêu chí nói trên cho thấy, các thành viên CLB- PTCĐ này đã xác định được những chỉ báo phát triển rất cụ thể cho một dự án phát triển. Nội dung các chỉ báo này có thể tinh gọn thành các mảng hoạt động để thích nghi với việc cải tổ hệ thống phát triển của AAV như sau: 1/ Quyền giáo dục- bao gồm cả các lớp xóa mù chữ/ reflect, giáo dục môi

²⁷ Rubin, Herbert J. And Rubin, Irene S. Community Organizing and Development. 2nd Ed. USA: Macmillan Publishing Co, A Division of Macmillan, Inc: 1992.

trường, quyền trẻ em và một số chủ đề khác để trẻ em sinh hoạt nhóm hè; 2/ CLB-PTCĐ- bao gồm tăng quyền lực và quản lý có sự tham gia; 3/ ANLT- bao gồm vay/ mượn vốn, xây dựng và theo dõi sự phát triển mô hình, và đào tạo kỹ năng việc làm phi nông nghiệp; 4/ Quyền Phụ Nữ vs. HIV/ AIDS - bao gồm bình đẳng giới, quản lý gia đình và cộng đồng (trên cả hai phương diện nhiệm vụ và xã hội²⁸); và 5/ Nâng cao năng lực CB-NV- bao gồm cả truyền thông, để tăng quyền lực người dân.

Rõ ràng, các thành viên CLB- PTCĐ đã đạt đến một năng lực quản lý nhóm cơ bản. Có lẽ các anh chị đã trải nghiệm sâu sắc những tiến trình nhóm trong đó, cơ hội phát triển những kỹ năng làm việc nhóm và tăng quyền lực là không ít. Đã có những chị mời gọi chị em khác tham gia vào phiên họp: *“mấy chị phát biểu mạnh dạn lên, đừng để tui nói hoài”*, rồi cũng có chị: *“ý tui là dzậy đó, mấy chị có ý kiến gì thêm để ta biểu quyết”*. Tham gia đến mức lấy quyết định nhóm một cách dân chủ là một trong những hợp phần quan trọng và thành công trong phương pháp năng động nhóm.

Để phát huy năng lực lãnh đạo các CLB- PTCĐ trong thời gian tới, các thành viên cần tiếp tục rèn luyện thêm một số kỹ năng mới theo phương pháp năng động nhóm và quản lý có sự tham gia. Cũng cần nâng cao hơn nữa nhận thức và sử dụng tối đa nguồn nội lực của mỗi thành viên. Nguồn nội lực này chính là niềm hy vọng, là tự trọng, là tự chủ và nhiều giá trị khác nữa. Riêng về các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài như của AAV, các anh chị cần tranh thủ cho việc học tập để thành thạo các kỹ năng việc làm, nhất là loại việc làm phi nông nghiệp. Ngoài ra, để tạo được môi trường thuận lợi cho các CLB- PTCĐ hoạt động phát triển, các chị cần nắm vững và thực hiện đúng mục chính sách, chủ trương ủng hộ người nghèo của chính phủ. Trước mắt và cụ thể, các quy định thành lập hợp pháp một câu lạc bộ, một hợp tác xã, hay một hội nghề nghiệp là rất quan trọng. Về phân nguồn ngân sách hoạt động của CLB- PTCĐ, chúng thường khiến các thành viên lo lắng đến mất ngủ! Các anh chị nên bắt đầu bằng việc đóng tiết kiệm của từng thành viên - như một số Hội phụ nữ ở các Tỉnh, Thành lân cận Trà Vinh đã thực hiện rất thành công.

Được luật pháp bảo vệ, có năng lực quản lý có sự tham gia, và đoàn kết gắn bó, những cơ hội phát triển mới sẽ đến với CLB- PTCĐ của các anh chị. Lúc bấy giờ, các anh chị- những người nghèo, thiết thời, sẽ có đủ khả năng tự giúp nhau một cách hiệu quả và lâu dài. Lúc bấy giờ, uy tín và quyền bính của các anh chị sẽ tăng lên mãi cùng sự phát triển bền vững của CLB-PTCĐ, một trong những mô hình phát triển cần nhân rộng.

C.1.3. Phương Pháp Tiếp Cận Dựa Trên Quyền

Đây là một trong những phương pháp tiếp cận và là ưu tiên hỗ trợ mà AAV đã quyết định đưa vào chiến lược của AAV giai đoạn 2006-2010. Vị Phó Chủ Tịch UBND huyện Cầu Ngang đã phát biểu ủng hộ phương pháp tiếp cận này như sau:

“ Đã gọi là chương trình phát triển thì không thể dừng lại ở mức độ đáp ứng nhu cầu. Chuyển đổi sang phương pháp dựa trên quyền sẽ giúp người dân thật sự phát triển”

Về mặt lý thuyết, phương pháp dựa trên quyền để phát triển là một khung khái niệm để phát triển con người²⁹. Những nguyên tắc mà cán bộ- nhân viên làm phát triển phải tuân theo bao gồm: 1/ công bằng và bình đẳng với người dân; 2/ trách nhiệm với người dân; 3/ tăng quyền lực của người dân; và 4/ người dân tham gia đưa ra quyết định.

²⁸ Buenviaje, Orly. Interaction Process Analysis. Manila: Asian Social Institute. 1996

²⁹ Office of the United Nations High Commissioner for human rights. Geneva, Switzerland. 1996- 2002
www.unhcr.ch/development/approaches-04.html

Về mặt thực hành, mỗi tổ chức phát triển sẽ linh hoạt vận dụng theo cách riêng của họ miễn sao trong tiến trình phát triển, người dân phải được đặt ở vị trí trung tâm để phát triển bền vững. Nói cách khác, người dân phải được hỗ trợ để xóa nghèo, tạo công việc làm, và hòa nhập xã hội. Cũng không phân biệt đối xử nhưng được chú trọng đến những nhóm dễ bị tổn thương và sống bên lề.

Quyền Của Người Nghèo Tiếp Cận Với Chương Trình Phát Triển Huyện Cầu Ngang³⁰

Anh Sang và chị Thêm chuyển hộ khẩu từ An Giang về ấp sinh sống từ năm 2004. Anh mượn được bốn công đất để luân canh trồng dưa hấu và lúa. Cứ mỗi công đất mượn anh phải trả 10 gạ lúa/ năm. Chị thì quần quật suốt ngày đến nỗi mắt mờ không ra và tinh thần thì luôn hoảng hốt. Hết cắt cỏ chăn nuôi bò lại quay sang nhổ cỏ dại và rồi những việc không tên của người vợ, người mẹ !!! Để được sống và lao động như thế, anh chị vẫn còn nợ ba triệu đồng dù đã gom góp mọi nguồn lợi tức trong gia đình để trả dần. Chị không biết phải làm gì để được mượn vốn ở xã, ấp để không phải trả lãi!! Anh chị Sang Thêm có được ba người con.

Đưa con trai lớn, 22t, làm hồ ở Sài Gòn. Thỉnh thoảng, đặc biệt vào dịp Tết Nguyên Đán, em lại về thăm nhà nhiều ngày.

Đưa con trai kế, (19t) đã học hết lớp 8 thì bỏ ngang. Em này cũng đã có thời gian theo người anh phụ hồ ở Sài Gòn. Tuy nhiên, vì không chịu nổi công việc nặng nhọc hàng ngày cũng như các cơn cảm nóng liên miên nên em quyết định trở về quê phụ việc trồng dưa, cấy gặt lúa với cha. Em không biết rằng một số công ty, nhà máy ở ngay trong phạm vi Tỉnh Trà Vinh thường rao và ưu tiên tuyển dụng công nhân tại địa phương. Em cũng không nghĩ rằng bản thân em hội đủ một số điều kiện để học làm một công việc phi nông nghiệp khác !!

Nhan là con gái út trong gia đình của anh chị Sang Thêm. Em được 15 tuổi và đang theo học lớp 9 trường THCS. Em học rất giỏi và cũng tích cực tham dự nhiều phong trào do Đội tổ chức. Em cũng chú ý xem tranh cổ động về quyền trẻ em được dán ở trường. Tuy nhiên, nhà trường chưa phổ biến gì về HIV. Em mong sao được dịp hiểu biết hết những gì liên quan đến sinh lý, quan hệ trai gái. . . Ngoài ra, « *tham gia sinh hoạt hè em sẽ rất vui và lên tinh thần để chuẩn bị tốt cho năm học kế tiếp* », Nhan nói.

Để các đối tác trong DA6/AAV, nhất là người dân, cùng nhau thống nhất thực hành phương pháp dựa trên quyền để phát triển, AAV cần tạo điều kiện tổ chức những cuộc tham quan, tập huấn, chuyên đề và xây dựng kế hoạch sử dụng phương pháp này một cách cụ thể cho từng chủ đề/ mảng hoạt động. Theo dõi và lượng giá mỗi một kế hoạch tập huấn, tham quan, và chuyên đề này là những việc cần làm ngay sau khi thực hiện chúng. Có như thế, các mảng hoạt động hiện nay mới được cải thiện từng bước vững chắc để phục vụ tốt hơn cho sự phát triển của người dân.

³⁰ UBND xã. . . Giấy Chứng Nhận Hộ Nghèo Số 3437/CN.HN

C.2. Các Mảng Hoạt Động của DA6/AAV

Đa số (60%) các nhóm dân đã liệt kê năm mảng hoạt động của DA/AAV gồm: 1/ mảng hoạt động ANLT, 2/ mảng hoạt động xóa mù chữ/ CBL- PTCĐ, 3/ mảng hoạt động Giới, 4/ mảng hoạt động Y tế, và 5/ mảng hoạt động Giáo dục/ hoạt động hướng về trẻ. Ngoài ra, cũng có một nhóm dân liệt kê thêm mảng hoạt động nâng cao năng lực của phụ nữ. Bảng 8. là một trong 5 bảng do các nhóm người lớn hưởng lợi từ DA6/AAV thực hiện. Thành quả của các mảng hoạt động này cũng chính là những lợi ích mà người dân được hưởng, bao gồm: 1/ biết chữ, mạnh dạn, chăm sóc con, 2/ nam nữ bình đẳng, 3/ đời sống khá hơn trước, 4/ biết chăm sóc sức khỏe, và 5/ có điều kiện đi học. Khi cho điểm các mảng hoạt động kể trên, từ thấp là 1 đến cao là 3 theo từng thành quả đã được liệt kê, hầu hết các nhóm đều lấy quyết định nhất trí. hoạt động xóa mù chữ/ CBL-PTCĐ đạt điểm cao nhất (14 điểm) được xếp hạng hiệu quả nhất (1). Hoạt động quyền giáo dục và y tế- HIV/ AIDS đồng đạt điểm thấp nhất (8) được xếp đồng hạng ít hiệu quả nhất (4).

Bảng 8. Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động Trong DA/AAV Theo Hiệu Quả

Thành Quả Của Từng Hoạt Động	HĐ ANLT (Kênh, mô hình, Giếng, Vay vốn)	HĐ Xóa mù chữ- PTCĐ	HĐ Giới	HĐ Y Tế	HĐ Giáo dục
Biết chữ, mạnh dạn, chăm sóc con	2	3	2	1	1
Nam nữ bình đẳng	3	3	2	1	1
Đời sống khá hơn trước	2	3	1	2	2
Biết chăm sóc sức khỏe	2	3	2	3	1
Có điều kiện đi học	2	2	2	1	3
Cộng điểm:	11	14	9	8	8
Xếp hạng:	2	1	3	4	4

C.2.1. Mảng Reflect/ CLB - PTCĐ

Mảng CLB-PTCĐ được xếp hạng cao hơn những mảng hoạt động khác cũng là điều tất nhiên. Mảng hoạt động này đã cung cấp một môi trường thuận lợi cho việc đổi mới hành vi và phát triển cá nhân những thành viên. Những kỹ thuật và nội dung sinh hoạt nhóm của các CLB - PTCĐ này đã từng bước cải thiện khả năng của các thành viên. Ngoài ra, qua nhiều năm cùng học trong các lớp học reflect và CLB-PTCĐ các chị đã xây dựng được những mối tương quan tốt đẹp, ràng buộc nhóm giữa các anh chị với nhau (xem Báo Cáo: 24).

C.2.2 Mảng Hoạt Động ANLT

Mảng Hoạt Động ANLT đạt mức độ hiệu quả hạng nhì (2). Mảng này bao gồm việc xây dựng mô hình và cho vay/ mượn vốn để cải thiện sản xuất gia đình và khởi sự những việc làm phi nông nghiệp.

Nam nông dân không phải là nhóm mục tiêu chính của DA6/AAV. Tuy nhiên, họ được gia đình và cộng đồng xem là lao động chính trong gia đình của họ. Và lại, trường hợp người nam thất nghiệp hay không có gì để làm thì người vợ và ngay cả các con của họ đều phải làm việc rất nặng nhọc để bù đắp vào khoản thu nhập của người chồng đã mất đi. Điều kiện sinh hoạt như thế sớm hay muộn cũng đẩy họ đến những việc làm tiêu cực khác, nhất là khi tiến trình đô thị hóa đầy nguy cơ đã xảy ra rất nhiều nơi. Do đó, hỗ trợ những nông dân nam này nuôi, trồng và sản xuất là để tác động tích cực ngăn ngừa những thảm cảnh gia đình và cộng đồng người dân. Ngoài ra, sự hỗ trợ này cũng giúp phần nào cho việc phân

công lao động trong gia đình họ được bình đẳng hơn. Điều này có nghĩa là người đàn ông làm việc nặng và nhiều hơn phụ nữ và trẻ em.

Vì vậy, một lựa chọn tốt hơn như thế để xác định cho hợp lý các nhóm mục tiêu của DA6/AAV là có thể hiểu được. Tuy vậy, vẫn cần tập trung nguồn lực nhiều hơn nữa, khi so với nhóm nam nông dân, cho nhóm mục tiêu là trẻ em có tham gia BTT.

Ý Chí Vượt Khó

Gia đình anh Trang và chị Nga vốn rất nghèo. Tuy chị bị suy tim nhưng anh chị vẫn tiếp tục sinh thêm và nuôi dưỡng tất cả sáu người con.

Nhờ sự giúp đỡ về giống bò, nguồn nước giếng, và vốn ban đầu của AAV, anh chị và các con đã quyết tâm, nỗ lực, cần cù, và chăm chỉ lao động sản xuất để vươn lên.

Anh vừa nuôi bò lại vừa mướn đất trồng cải hay chà lười. Anh cũng chịu khó mua rơm về ủ cho bò ăn thay vì đưa nó ra đồng ăn cỏ. Làm như vậy tuy có tốn tiền mua rơm nhưng bò cái sẽ có nhiều sữa hơn đủ cho bê con bú. Nhờ vậy, chỉ sau 18 tháng anh chị đã bán được bê con để hoàn vốn cho AAV. Về nguồn nước giếng, anh và bốn hộ nông dân khác cùng sử dụng nó để không những tưới rau mà còn sinh hoạt nấu thức ăn và nước uống, tắm, giặt. . . nữa.

Phản chị Nga, tuy thường bị mệt và phải đi khám bệnh nhưng chị cũng nuôi được 20 con gà.

Ngoài ba người con lớn đã lập gia đình và ở riêng, ba con còn nhỏ tuổi vẫn ở chung với anh chị. Đứa con trai 19 tuổi, học đến lớp hai thì nghỉ. Em đang làm hồ với công lao động 45.000 đ/ ngày và một bữa ăn trưa. Em thường gửi cha mẹ 30.000đ/ ngày. Em cũng vừa hốt hụi để mua chiếc xe gắn máy cho gia đình cùng sử dụng khi cần. Như vậy, hàng tháng em phải đóng hụi 500.000đ.

Đứa con gái của anh Trang và chị Nga đã 17 tuổi. Em bỏ học từ lớp sáu. Em vừa tìm được việc làm bó chổi ở Tỉnh Bến Tre. Ngoài cơm ăn ba bữa, em sẽ được chủ trả 600.000đ/ tháng.

Riêng bé gái út tên Thi, hiện nay em được 11 tuổi và vừa hoàn tất lớp năm năm học 2007-2008 vừa qua. Em thường tham gia vẽ tranh hàng năm nên cũng được AAV cấp tập, cặp, quần áo, bánh kẹo, và cả 200.000đ học bổng vào năm 2005. Em cũng thường giúp mẹ nấu cơm, chăn nuôi gà hay làm việc nhà.

Bây giờ cuộc sống của gia đình anh Trang và chị Nga đã ổn định hơn trước rồi nhưng vẫn còn đó những mối âu lo!!! Lo về bệnh suy tim của chị, lo về tương lai của con gái út bé nhỏ, lo về căn nhà lá bị dột nhiều nơi, . . .!!!

Những hoạt động mô hình được thực hiện trong phạm vi xã như nạo vét mương, kéo điện, thực hành mô hình được tập huấn lẽ ra thuộc trách nhiệm của phòng nông nghiệp và UBND các xã. Tuy nhiên, vì nhu cầu sinh kế trước mắt của người dân nên DA6/AAV phải đảm đương thay.

Vì vậy, một mai đây, khi kế sinh nhai của người dân ổn định hoặc mức sống của họ được nâng cao hơn/ không còn hộ nghèo, sẽ không nhất thiết phải đưa những hoạt động tương tự vào kế hoạch tài chính của DA6/AAV. Làm khác đi, DA6/AAV có thể đi lệch hướng và gây phản ứng tiêu cực trong những nhóm dân hưởng lợi từ những mảng hoạt động khác của chương trình.

Về vốn mượn ở những mô hình sản xuất cây trồng vật nuôi hoặc tạo công việc làm phi công nghiệp, chúng thật sự quan trọng đối với người dân đặc biệt, phụ nữ và trẻ em gái vị thành niên. Tuy vậy, việc hỗ trợ một số các chị em này giải quyết những vấn đề trong tiến trình giúp đỡ họ là chưa nhanh nhạy và rõ ràng. Chẳng hạn, các trường hợp mượn vốn cho mô hình xe tơ xơ dừa và học nghề uốn tóc, những vấn đề đã xảy ra nhưng chưa có giải pháp thỏa đáng. Do vậy, một số nhóm dân đánh giá *“mô hình này là thất bại vì máy móc thì bám bụi, bỏ đó còn dân thì vướng vào vòng nợ mà chưa thấy hướng thoát ra!!”* hay *“Học bốn đứa thanh niên nhưng chỉ một đứa hiện vẫn sinh sống với nghề được học!!”*

Các hiện tượng này cho thấy, giai đoạn tổ chức trong toàn bộ tiến trình hỗ trợ vốn cho người dân là rất quan trọng. Nó cũng quan trọng hơn cả động thái và số lượng vốn giải ngân cộng lại. Vì vậy, cần ứng dụng chu trình quản lý có sự tham gia dự án nhỏ này của từng nhóm dân, bao gồm những người mong muốn học hay là việc chung một nghề hay một lĩnh vực. Ngoài ra, các cán bộ VP-XĐGN và BQLDA xã nào chịu trách nhiệm hỗ trợ nhóm dân đó cũng cần thực hành tư vấn và truyền thông đều đặn và kịp thời hơn với nhóm trong tiến trình giúp đỡ họ.

Cần đẩy mạnh các dự án vốn mượn nhỏ thuộc mảng ANLT. Tuy nhiên, phải tổ chức khóa tập huấn về kỹ thuật và kỹ năng làm việc nhóm nhỏ và quản lý dự án phát triển trước khi giải ngân tiền vay/ mượn. Vào cuối khóa học, cần yêu cầu các tham dự viên xây dựng kế hoạch hành động cho chính họ để thực hiện sau đó. Sau khóa học, những người đảm đương trách nhiệm hỗ trợ các dự án nhỏ hay mô hình này cần tổ chức một tiến trình giúp đỡ cho mỗi CLB-PTCĐ, mỗi nhóm dân và ngay cả mỗi nhóm cha mẹ học sinh tham gia BTT. Trong suốt tiến trình giúp đỡ này, trong khi các CLB-PTCĐ và nhóm dân thực hành tự quản lý dự án nhỏ/ mô hình của họ theo như kế hoạch hành động kê trên rất cần tổ chức tư vấn để kịp thời giúp họ giải quyết những khó khăn và lo lắng. Làm được như vậy, người dân sẽ thể hiện đầy đủ trách nhiệm giữa họ với nhau, trách nhiệm đối với kế hoạch dự thảo, và trách nhiệm với DA6/AAV về sử dụng và hoàn trả vốn như đã cam kết.

C.2.3. Mảng Hoạt Động Quyền Giáo Dục

Mảng hoạt động quyền giáo dục bị đa số (60%) nhóm dân đánh giá đạt hiệu quả thấp nhất hay thấp hơn ba mảng hoạt động khác. Trong khi đó, các BQLDA xã lại xếp hạng hiệu quả mảng này ở vị trí số một (1) hay số hai (2) với một tỉ lệ 40%.

Rõ ràng, có khoảng cách khá xa giữa cách nghĩ của người dân và của các thành viên BQLDA xã trong việc đánh giá mảng hoạt động Quyền Giáo Dục này.

Thật ra, trong những năm qua, DA6/AAV đã duyệt một kinh phí khá lớn để xây dựng cơ sở vật chất, sách giáo khoa cho trường lớp và cấp phát tập, áo quần cho các em, những việc lẽ ra thuộc phạm vi trách nhiệm của Phòng Giáo Dục huyện và của gia đình học sinh. Dù sao đi nữa, những đáp ứng đó là chưa đủ để hỗ trợ các em ứng phó với những thách thức của môi trường bên ngoài, nhất là khi trong cộng đồng đã xảy ra một số vấn đề xã hội như người nhiễm HIV/ AIDS, thanh niên nhập cư vào các thành phố lớn hoặc lấy chồng nước ngoài để thoát nghèo. Chúng cũng không đủ để đáp ứng nhu cầu của các em, nhất là các em ở lứa tuổi vị thành niên, dễ bị tổn thương nhất. Bảng 9. dưới đây cho thấy rõ những nhu cầu cao hơn của các em trong toàn bộ nhu cầu của con người.

Các em học sinh đã liệt kê được những hoạt động thuộc mảng quyền giáo dục bao gồm: 1/ Lát sân trường, xây nhà vệ sinh, 2/ Phát cặp, tập, 3/ Vui Chơi (Vẽ tranh, Vui Trung thu, tuần lễ giáo dục), 4/ kỹ năng sống bao gồm thực hành phương pháp “Đôi bạn cùng tiến”, và 5/ gắn đèn quạt cho lớp học. Các em cũng đã nhận thức những lợi ích của từng hoạt động vừa liệt kê chúng như sau: 1/ sức khỏe và tinh thần học tập gia tăng (được vui chơi, giải trí trên sân trường sạch đẹp), 2/ giảm chi phí cho gia đình thì học sinh học tốt hơn, 3/ được giao lưu gặp gỡ bạn bè, 4/ hiểu biết cuộc sống bên ngoài, mở rộng kiến thức, và 5/ tạo

môi trường tốt trong học tập. Sau khi thảo luận các em đã cho điểm từng hoạt động theo nhất trí. Kết quả của việc cho điểm này là hoạt động “kỹ năng sống- đôi bạn cùng tiến” đạt điểm cao nhất (18 điểm) và được xếp hạng hiệu quả nhất (1). Hoạt động phát cặp, tập đạt điểm thấp nhất (13) và xếp hạng ít hiệu quả nhất (4).

Được biết, các em đã từng được truyền thông về HIV/ AIDS trong trường tiểu học (?) nhưng hầu như không em nào còn nhớ gì về hoạt động này, ngay chỉ cái tên dân gian thường gọi 'xida'!!!. Trong khi đó, có em vẫn còn nhớ được quyền học tập và quyền phát triển của trẻ em vì “*em tình cờ đi ngang tâm tranh vẽ được trường dán lên tường*³¹”

Bảng 9. Xếp Hạng Các Hoạt động Thuộc Mạng Hoạt Động Giáo Dục Theo Hiệu Quả

Thành Quả Của Từng Hoạt động Thuộc Mạng Hoạt Động Quyền Giáo Dục	Sân trường, nhà vệ sinh	Phát cặp, tập	Vui Chơi (Về, Trung thu)	Kỹ Năng Sống- Đôi bạn cùng tiến	Đền quạt cho lớp học
- Sức khỏe và tinh thần học tập gia tăng (được vui chơi, giải trí trên sân trường sạch đẹp);	4	2	4	4	5
- Giảm chi phí cho gia đình thì học sinh học tốt hơn;	3	5	2	2	4
- Được giao lưu gặp gỡ bạn bè;	2	1	5	3	2
- Hiểu biết cuộc sống bên ngoài, mở rộng kiến thức	3	2	4	5	2
- Tạo môi trường tốt trong học tập	5	3	2	4	3
Cộng điểm:	17	13	17	18	16
Xếp hạng:	2	5	2	1	4

Cho đến thời điểm lượng giá giữa kỳ, đa số trẻ em tham gia sinh hoạt BTT và hưởng lợi từ mạng hoạt động quyền giáo dục đều thuộc lứa tuổi vị thành niên, từ 12 đến 15 tuổi. Các em có nhu cầu mãnh liệt về mở rộng mối quan hệ với mọi người. Với bạn bè đồng trang lứa, các em được tâm sự, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. Với người lớn tuổi, các em lại được học hỏi những điều hay, mới lạ và được tư vấn khi các em yêu cầu. Chính các tiêu chí về thành quả/ ích lợi của các hoạt động thuộc mạng giáo dục nêu trên, đã phản ánh loại nhu cầu cao hơn³² này của các em. Chúng đặc biệt quan trọng cho lứa tuổi vị thành niên của các em. Trong khi đó, khả năng đáp ứng nhu cầu cao hơn này của hầu hết gia đình các em cho đến nay vẫn còn hạn chế, nhất là khi họ phải tập trung mọi nguồn lực cho kế sinh nhai, cho sự sống còn của gia đình trong thời “bão giá”³³. Một trong những hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu cao hơn này của các em là giáo dục “kỹ năng sống- thực hành đôi bạn cùng tiến”. “Kỹ năng sống- Đôi bạn cùng tiến” không phải là hoạt động vật chất cụ thể, dễ thấy được, nhất là trong trường hợp các em đã không chia sẻ gì với gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, khi trải nghiệm những hoạt động tương tự như hoạt động này, mức độ nhận thức của các em được nâng lên rất nhiều, góp phần lớn vào tiến trình phát triển bản thân của các em. Như vậy, hoạt động “Kỹ năng sống- Đôi bạn cùng tiến” đã thật sự mang lại lợi ích lâu dài cho chính bản thân các em, cho gia đình và cả cộng đồng, xã hội nữa.

Vì vậy, rất cần đa dạng hóa và cải thiện các hoạt động thuộc mạng hoạt động Quyền Giáo Dục để đáp ứng nhu cầu phát triển này của trẻ em, đặc biệt trẻ em gái, trong độ tuổi vị thành niên. Vì vậy, các BQLDA huyện, xã nên chủ động đề xuất hoạt động “sinh hoạt hè của các em ở độ tuổi vị thành niên” theo phương pháp làm việc với nhóm nhỏ³⁴.

³¹ Nhóm Đánh Giá. Hồ Sơ Lưu Phòng Văn Nhóm trẻ Nữ”. Huyện Cầu Ngang: Nhóm Tư Vấn. 2008

³² Maslow, Abraham H. “Motivation and Personality” trong B.R Hergenhahn, “An introduction to theory of Personality” và Nguyễn Thế Phú. Quản Trị Học.

³³ Báo Thanh Niên. Bão Giá. Nhật Báo ngày 25/5/2008. Số 146. Tp. HCM: Tòa Soạn Báo Thanh Niên. 2008

³⁴ Ortigas, Carmela D. Group Process and the Inductive Method. Philippines: Ateneo de Manila University Press

Yêu cầu trước tiên của hoạt động này là việc tuyển chọn một số giáo viên hay thanh niên trẻ hiện cư ngụ trong địa bàn xã nhà, có thiện chí và cả đam mê việc phục vụ cho lứa tuổi thanh thiếu niên này. Sau đó, cần tập huấn cho những tác viên nhóm này về phương pháp làm việc với nhóm nhỏ theo từng chủ đề như bảo vệ môi trường, quyền trẻ em, sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/ AIDS. Trong các đợt tập huấn này, các tập huấn viên và cán bộ VP XĐGN và các BQLDA xã hay BGH phải hỗ trợ các tác viên nhóm này lên kế hoạch làm việc thực tế với các em và rồi duyệt và cấp kinh phí thực hiện hợp lý, minh bạch cho họ. Ngoài ra, hình thành một cơ chế giám sát hoạt động hè này là rất quan trọng, trong đó các cán bộ VP.XĐGN nên đảm đương trách nhiệm điều phối giữa các đối tác có liên quan trực tiếp đối với mảng hoạt động Quyền Giáo Dục.

Đối với việc tuyển chọn các em vị thành niên tham gia nhóm sinh hoạt hè dựa trên cơ sở tự quyết và tự nguyện của bản thân trẻ cũng như các thành viên chủ chốt trong gia đình của các em. Làm được như thế, một khi được phép tham gia hoạt động rồi, các em và thân nhân sẽ thực hành đầy đủ trách nhiệm đối với hoạt động. Chẳng hạn như họ thu xếp việc nhà ổn thỏa và ưu tiên cho các em được miễn làm việc nhà một số buổi trong tuần, tháng để các em có thể tham gia sinh hoạt hè đều đặn.

Vào thời điểm sinh hoạt hè đầu tiên, nhất là khi kiến thức và kỹ năng của các tác viên nhóm còn hạn chế, không nhất thiết phải đạt ngay yêu cầu về số lượng trẻ tham gia hay số lượng nhóm được hình thành. Ngược lại, cần lưu ý đến chất lượng nội dung sinh hoạt sao cho đảm bảo được các tiến trình phát triển, tham gia, và tăng quyền lực của trẻ vị thành niên.

Xúc tiến một hoạt động như thế trong mảng quyền giáo dục, tất cả những người làm việc phát triển sẽ được thật sự nâng cao năng lực. Trước hết, một số thanh niên xã chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở có cơ hội việc làm phù hợp để đóng góp vào tiến trình phát triển của xã. Ngoài ra, các cộng đồng ấp, xã có thể áp ủ và nuôi dưỡng niềm hy vọng rằng trong một tương lai không xa lắm, con em của họ từng tham gia BTT sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn để trở thành những nhà lãnh đạo tài ba của đất nước.

C.2.4. Mảng Hoạt Động Quyền Phụ Nữ

Mảng hoạt động này bị hầu hết các nhóm dân và CB-NV cho điểm thấp. Trầm trọng hơn, 33% nhóm dân còn không đề cập gì đến mảng hoạt động này.

Điều này cho thấy rõ ràng hơn tính kém hiệu quả của phương pháp truyền thông một chiều với nhóm lớn thính giả, đã thường được sử dụng cho mảng hoạt động Quyền Phụ Nữ trước đây (xem Báo Cáo: 15-16). Trong khi đó, tiến trình phát triển người dân lại cần truyền thông như là phương tiện tốt nhất nhằm mục đích hỗ trợ người dân thay đổi hành vi và hòa nhập vào một xã hội lành mạnh, công chính. Vì lý do này, truyền thông không được phép dừng lại ở ‘*số lượt cuộc truyền thông một chiều*³⁵’, được tổ chức hoặc ‘*số lượt người dân tham dự các cuộc truyền thông một chiều*³⁶’.

Vì vậy, đổi mới mục đích và phương pháp truyền thông truyền thống. Đặc biệt, trong trường hợp các hoạt động Quyền Phụ Nữ và Y Tế- HIV/ AIDS người dân nên nhận thức sự thay đổi quan trọng này và thực hiện ngay trong tiến trình phát triển cộng đồng của họ, kể từ giai đoạn mới sắp tới của DA6/AAV, 2008- 2013.

Tóm lại, để Quyền Phụ Nữ hay bình đẳng giới vẫn là một mảng hoạt động của DA6/AAV, các BQLDA xã huyện cần củng cố tổ chức các CLB- PTCD và tạo điều kiện để họ sinh

³⁵ Văn Phòng Xóa Đói Giảm Nghèo Huyện. Báo Cáo Tài Chính. Huyện Cầu Ngang: Văn Phòng Xóa Đói Giảm Nghèo Huyện. 2008

³⁶ -nt-

hoạt nhóm định kỳ và đều đặn (xem Báo Cáo: 25). Trong các buổi sinh hoạt nhóm này, có thể lồng ghép những chủ đề truyền thông về bình đẳng giới, HIV/ AIDS, .v .v . . rồi giám sát sao cho việc thực hành chúng ngày qua ngày trở thành thói quen tốt trong đời sống thực tế của các thành viên CLB- PTCĐ. Ngoài ra, đa dạng hóa kỹ thuật truyền thông, chẳng hạn, tổ chức các cuộc thi đua ứng xử vợ chồng bình đẳng, kỹ năng nấu ăn thành thạo của những người chồng, đối thoại gia đình. .v. v. Hẳn sẽ góp phần tích cực làm năng động mảng hoạt động này hơn. Làm được như vậy, truyền thông mới thật sự nhắm đến lợi ích và phát triển bền vững của người dân. Làm được như vậy mảng hoạt động này mới xứng tầm trong DA6/AAV.

Trách Nhiệm Gia Đình và Bình Đẳng Giới

Chị Ly Ka, 30 tuổi, người dân tộc Khmer. Sau khi lập gia đình vào tháng 2/ 2007 chị về sống chung với mẹ chồng ở một ấp khác. Chẳng bao lâu, anh đề nghị chị chuyển sang ấp này ở và chăm sóc cho bà ngoại anh, 75 tuổi. Về phần anh, hằng ngày, anh cũng phải vừa làm ruộng vừa làm thuê nhưng cũng phải lên Chùa chăm sóc cho ông ngoại, 80 tuổi, người vừa bị tai biến mạch máu não, phải di chuyển bằng xe lăn và đang tá túc trong ngôi chùa này.

Thình thoảng chồng chị có đến thăm chị nhưng chị vẫn không cảm nhận được sự an ủi nào. Còn thương chồng, chị buộc phải hy sinh hạnh phúc riêng tư để cùng chồng sẽ chia trách nhiệm gia đình. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng xa cách, bản thân không dám sinh con, và công việc lặt lẽ hằng ngày - hết chăm sóc bà ngoại chồng lại bắt cua hoặc hái rau, khiến chị ngày càng buồn khổ mà không thể chia sẻ cùng ai !!! Chị cũng không biết, đến bao giờ ‘cánh nghèo khổ’ này mới kết thúc.

Chị Ly Ka vừa gia nhập CLB-PTCĐ chỉ với mong ước được vay vốn của AAV để chăn nuôi. Liệu việc chăn nuôi này sẽ giúp chị xóa bỏ đi khoảng cách giới trong lòng chị hay những hỗ trợ khác từ CLB-PTCĐ, từ các BQLDA xã, và từ VP.XĐGN để chị được sống bình đẳng và hòa nhập vào cộng đồng?

C.2.5. Mảng Hoạt Động Y Tế- HIV/ AIDS

Tương tự, mảng hoạt động y tế- HIV/ AIDS cũng thường bị đánh giá thấp về điểm số và xếp hạng sau những mảng hoạt động khác. Chỉ có một nhóm Reflect/ CLB- PTCĐ đã xếp hạng mảng này cao hơn các hoạt động Mô Hình và Quyền Phụ Nữ. Theo nhóm này, mảng hoạt động y tế đã giúp phụ nữ trong CLB-PTCĐ khám để phát hiện sớm các căn bệnh. May mắn thay :

« không có chị em nào mắc bệnh. Dù vậy, nhờ phong trào này, hiện nay, chị em phụ nữ đã nâng cao ý thức và thực hành khám bệnh định kỳ. Đối với mấy bệnh nhân đã nhiễm bệnh HIV/ AIDS, họ và thân nhân họ cũng không còn mặc cảm như trước kia kể từ khi được DA6/AAV hỗ trợ trực tiếp³⁷ ».

Một khi đã nhận thức và có khả năng tự lực thực hành việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình, rõ ràng, phụ nữ đã hưởng lợi ích lâu dài từ mảng y tế thuộc DA6/AAV. Tuy nhiên, những hoạt động mà mảng hoạt động y tế - HIV/ AIDS đã thực hiện được chính ra cũng thuộc trách nhiệm của ngành y tế mà phòng y tế huyện có thể đảm đương thường xuyên. Do vậy, thời gian tới, DA6/AAV nếu cần thì chỉ tham khảo ý kiến chuyên môn vài hoạt động như bảo vệ môi trường, xây dựng hố xí, khám phụ khoa định kỳ .v. .v . .

³⁷ Nhóm Đánh Giá. Hồ Sơ Lưu Phỏng Vấn CLB-PTCĐ. Huyện Cầu Ngang: Nhóm Tư Vấn. 2008

Về sự hỗ trợ đối với số ít bệnh nhân bị nhiễm HIV/ AIDS hay thân nhân của họ, VP.XĐGN và các BQLDA xã có thể ủy nhiệm và phân quyền đến các CLB-PTCĐ đang hoạt động ở nơi cư ngụ của các bệnh nhân đó. Việc ủy thác này cần được chuẩn bị kỹ lưỡng để không vi phạm bí mật chức nghiệp của nhân viên ngành y tế cấp huyện, xã-những người đã tin tưởng tiết lộ thông tin về các bệnh nhân đó.

Đối với người đã được tập huấn về tham vấn HIV, họ cần VP.XĐGN và các BQLDA.X theo dõi và hỗ trợ họ thực hành về tham vấn. Có thể tạo cơ hội để họ tham vấn cho trẻ em vị thành niên có những khó khăn vì những thay đổi quan trọng về tâm sinh lý ở độ tuổi dậy thì.

Ngoài ra, để cơ chế DA6/AAV tinh gọn hơn, có thể giải thể mảng hoạt động y tế-HIV/ AIDS hay sát nhập vào một mảng hoạt động phù hợp nhất, chẳng hạn Quyền Phụ Nữ vs HIV/ AIDS.

C.2.6. Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực

Như đã trình bày (Báo Cáo: 24), hầu hết các nhóm dân không đề cập gì đến mảng hoạt động nâng cao năng lực. Chỉ có một nhóm đa số phụ nữ đã liệt kê được mảng hoạt động này. Tuy nhiên, nhóm luôn cho điểm mảng này, có dựa vào từng tiêu chí cụ thể, thấp hơn các mảng hoạt động khác. Thậm chí, nhóm dân này còn đưa ra một tiêu chí bất lợi là «*không ưu tiên cho việc nâng cao năng lực bản thân*». Do đó, mảng hoạt động này bị xếp hạng thấp nhất. Trong khi đó, CB-NV thuộc VP.XĐGN, họ lại xếp hạng nhì (2) cho mảng hoạt động NCNL này.

Không thể xác tín rằng người dân đã tham gia vào mảng hoạt động nâng cao năng lực khi mà họ không thể xác định rõ và đầy đủ nâng cao năng lực là gì? nâng cao năng lực cho những ai? và nâng cao năng lực của nhóm người hưởng lợi từ mảng hoạt động này để làm gì?

Tương tự, mỗi thành viên của các BQLDA cũng đưa ra những ý kiến khác nhau về việc nâng cao năng lực của cán bộ tham gia DA6/AAV. Chẳng hạn, vị lãnh đạo Hội Phụ Nữ Huyện Cầu Ngang, khi tường thuật về khởi điểm của DA6/AAV, đã khẳng định:

« Tầm nhìn và chiến lược của AAV có nhiều điểm tương đồng với chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của Nhà nước. Đó là cơ sở để UBND Huyện quyết định cộng tác với AAV cùng tổ chức DA6/AAV »

Còn vị lãnh đạo Phòng Y tế thì chia sẻ :

« Chúng tôi phối hợp với Tỉnh để tập huấn cho cán bộ các Trạm Y Tế xã để những người này tham vấn người dân. Chúng tôi cũng phối hợp với chính quyền địa phương để tổ chức tham vấn người dân theo từng nhóm, từng cụm. Tuy nhiên, việc phối hợp với các ngành thì chưa cao !!! »

Trong khi đó, một vị trong BGH lại đề nghị :

« Bản thân tôi rất phấn khởi khi dự cuộc họp để xây dựng kế hoạch như vừa rồi. Bầu không khí rất dân chủ khi cùng nhau xem xét rồi quyết định về toàn bộ kế hoạch phát triển của chương trình, trong đó, có phân bổ lại tài chánh/ kinh phí cho hợp lý hơn »

Riêng vị Phó Chủ Tịch Huyện thì trình bày về hệ thống khen thưởng huyện mà VP.XĐGN là một bộ phận, như sau :

« VP.XĐGN được xem như là một đơn vị trực thuộc UBND Huyện. Cũng giống như các ban ngành khác của Huyện, hằng năm, cán bộ, nhân viên của văn phòng đều làm hồ sơ theo thủ tục để được UBND xét duyệt khen thưởng. Tập thể và những cá nhân thuộc VP.XĐGN hoàn thành tốt nhiệm vụ đều được UBND huyện cấp giấy khen. »

Nội dung phát biểu của bốn vị lãnh đạo trên đây đã phản ánh đầy đủ bốn cấp độ năng lực (môi trường thuận lợi, phối kết hợp, tổ chức triển khai và cá nhân cán bộ; xem Báo Cáo: 2) mà mỗi bộ phận lãnh đạo cơ quan cần phát huy khi tham gia trong DA6/AAV.

Ngoài ra, cần nhận thức đầy đủ hơn về nâng cao năng lực của người dân để họ tổ chức cộng đồng của họ. Đó chính là sự nối kết giữa việc xây dựng năng lực của người dân với tiến trình ba bước khoáng đạt. Thứ nhất, nâng cao ý thức hay học tập về nền tảng xã hội của những vấn đề; thứ hai, khuyến khích người dân quyết tâm đối phó với người gây ra vấn đề; và thứ ba, khởi sự một tiến trình hành động từ dự án nhỏ để dễ đạt kết quả đến những việc làm lớn hơn, yêu cầu nỗ lực và nguồn lực nhiều hơn³⁸.

Tóm lại, để các mảng hoạt động thuộc DA6/AAV thực sự là điều kiện, là môi trường tốt nhất cho nhiệm vụ hỗ trợ người dân phát triển, các BQLDA xã, huyện và AAV cần xây dựng năng lực tổ chức, đổi mới phương pháp kỹ thuật làm việc, và tăng cường những nội dung quan trọng làm nổi bật mục đích phát triển người dân, trong các mảng hoạt động của DA6/AAV gồm: 1/ tăng quyền lực/ trao quyền của người dân; 2/ truyền thông để phát triển; 3/ quản lý có sự tham gia; 4/ bảo vệ môi trường. .v. .v. .

C.3. Mặt Mạnh - Yếu Của Các Mảng Hoạt Động Thuộc CTPT-H. Cầu Ngang

Theo Bảng 10, người dân trong vùng DA6 đã phát biểu 135 ý kiến khác nhau về các mặt mạnh- yếu của CTPT-H.CN đối với việc phát triển toàn diện người dân theo trí tuệ, tinh thần và thể chất của họ. Số các mặt mạnh thường nhiều hơn số mặt yếu theo hai khía cạnh trí tuệ hay lý tưởng và tinh thần hay giá trị. Chỉ ở khía cạnh thể chất hay tổ chức, đa số mặt yếu (69.44%) thuộc về bộ phận quản lý CTPT-H.CN. Ngoài ra, nhờ người dân đã nhận diện được những mặt yếu của CTPT-H.CN mà những vấn đề hay khó khăn dai dẳng mà họ phải chịu đựng đã được xác định (xem Phụ Lục 5: 68- 74). Cũng như vậy, những mặt mạnh được người dân nhận diện chính là tiềm năng cộng đồng cần được sử dụng để giải quyết những vấn đề/ khó khăn đó trong thời gian tới.

Bảng 10. Phân Loại Ý kiến của Người Dân về các Mặt Mạnh - Yếu CTPT-H. Cầu Ngang

Các Chủ Đề Phân Loại Ý Kiến Người Dân	Các Mặt Mạnh		Các Mặt yếu		Tổng Cộng
	Số Lượng Ý Kiến	Tỉ Lệ	Số Lượng Ý Kiến	Tỉ Lệ	
Trí Tuệ /Lý Tưởng của CLB-PTCĐ					
Về Phía Người Dân	6		2		8
Về Phía Bộ Phận Quản Lý CTPT	4		3		7
Vật Thể / Tổ Chức của CLB-PTCĐ					
Về Phía Người Dân	18		16		34
Về Phía Bộ Phận Quản Lý CTPT	13	30.56	23	69.44	36
Tinh Thần/ Giá Trị của CLB-PTCĐ:					
Về Phía Người Dân	12		2		14
Về Phía Bộ Phận Quản Lý CTPT	7		2		9
Cộng:	60		48		108
Những vấn đề của Người Dân :					
Trình độ dân trí ;	KTH	KTH	1		
			5		

³⁸ Rubin, Herbert J. And Rubin, Irene S. Community Organizing and Development. 2nd Ed. USA: Macmillan Publishing Co, A Division of Macmillan, Inc: 1992.

Nghèo ; Bất bình đẳng giới ; Chưa phát huy quyền làm chủ.			5 1		
Tiềm Năng của cộng đồng DA6:			KTH	KTH	
Nhu cầu học tập	3				3
Sản xuất, tiêu thụ, tổ chức nông nghiệp ;	8				8
Học tập của truyền thống ;	1				1
Cơ chế giáo dục cộng đồng, xã hội mới;	2				2
Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.	1				1
Cộng:	15				
Tổng Cộng:	75		60		135

Ghi Chú : KTH : Không Thích Hợp

Như đã được khẳng định trước đây, bất cứ chương trình phát triển nào cũng phải tập trung phát triển con người. Điều này có nghĩa là phải phát triển toàn bộ ba khía cạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất của người dân. Ngoài ra, khi người dân tham gia vào các tổ chức chẳng hạn như các lớp học Reflect hay/ và CLB-PTCĐ, họ cần được tiếp tục phát triển lý tưởng, giá trị và tổ chức của họ³⁹.

Theo Bảng 10, CTPT-H. Cầu Ngang cần nỗ lực khắc phục những mặt yếu về khía cạnh thể chất hay tổ chức CLB-PTCĐ của người dân, nhất là về phía bộ phận quản lý chương trình (xem Phụ Lục 5: 68- 74). Ngoài ra, cần tiếp tục phân tích những vấn đề hay khó khăn dai dẳng của người dân đồng thời khai thác những tiềm năng được liệt kê trong cùng Phụ Lục.

C.4. Khuyến Cáo

1. *Lựa Chọn Mang Tính Chiến Lược Cho Kế Hoạch 2008- 2013.* Mỗi mảng hoạt động của DA6/AAV đều có bốn lựa chọn mang tính chiến lược. Một là mạnh-thời cơ; hai là mạnh-không thuận lợi; ba là thời cơ-yếu; và bốn là yếu-không thuận lợi (xem Phụ Lục 7 : 76). Trong bối cảnh hiện nay khi thực hiện đợt lượng giá giữa kỳ DA6/AAV, lựa chọn mang tính chiến lược cho giai đoạn mới sắp tới 2008- 2013 là mạnh-thời cơ. Lựa chọn này đề nghị CBV, các BQLDA huyện, xã và người dân tập trung mọi nguồn lực hay đầu vào cho việc hội nhập DA6/AAV vào các chương trình phát triển khác trên thế giới và đạt được kiến thức tối đa và thực hành thành thạo những gì có liên quan đến sự phát triển đích thật của người dân. Có thể xem giải pháp cụ thể (Phụ Lục 7: 76-82);
2. *Đổi mới cơ chế, hệ thống tổ chức DA6/AAV.* Bất cứ một hệ thống tổ chức nhiều cấp bậc nào cũng vốn sẵn mang tính chất quan liêu. Đây là lực cản đối với sự phát triển của người dân, nhất là người nghèo và thiệt thòi, họ bị rơi vào vị thế bất lợi đến nỗi không sử dụng được quyền lực của họ. May mắn thay, nhiều cuộc nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp đổi mới cơ chế và hệ thống tổ chức nhiều cấp bậc đó để chúng vẫn vận hành hiệu quả khi làm phát triển với người dân. Trong phạm vi đổi mới cơ chế, hệ thống tổ chức DA6/AAV, những giải pháp cụ thể sau đây được đề nghị :
 - 2.1 Đẩy mạnh truyền thông hai chiều giữa các cấp, đặc biệt là bộ phận Điều Phối với cấp cộng đồng cơ sở (xem Phụ Lục 8: 83);
 - 2.2 Phân quyền cụ thể cho bộ phận điều phối để vị Phó BQLDA-H, các cán bộ chương trình và điều phối viên có thể đảm đương trách nhiệm tập thể đối với toàn hệ thống DA6/AAV đặc biệt, trách nhiệm đối với sự phát triển của người dân. Được như vậy, đội ngũ CB-NV này ít

³⁹ Morato, jr Eduardo A. Strategic Intervention for Development Managers. Philippines: Asian Institute of Management & Eugenio Lopez Foundation. 1989

phải chủ động thực hành thường xuyên và đều đặn truyền thông hai chiều và mặt đối mặt với từng cấp trong hệ thống tổ chức DA6/AAV đặc biệt, với các hộ gia đình nghèo, thiết thòi có hưởng lợi từ DA6/AAV;

- 2.3 Cần tăng quyền lực và có chế độ khen thưởng hợp lý các ban PTA và chủ nhiệm CLB-PTCĐ, những người đóng góp nhiều công sức cho việc xây dựng và phát triển kênh truyền thông cộng đồng tự nhiên, rất hiệu lực;
 - 2.4 Đầu tư các nguồn lực mới của DA6/AAV vào các TTHTCĐ để bảo đảm tính bền vững của sự phát triển người dân, nhất là sau khi AAV chuyển giao nó cho các cộng đồng địa phương. Nhân tiện, nên xem xét, rồi thiết lập quan hệ đối tác giữa AAV và các TTHTCĐ này. Ngoài ra, rất cần đào tạo chính quy về công tác xã hội hoặc phát triển cộng đồng cho lực lượng kế thừa làm phát triển. Không ai khác hơn các học sinh tham gia hoạt động BTT, đặc biệt học sinh nữ hoặc người dân tộc Khmer, xứng đáng vừa hưởng lợi vừa có trách nhiệm với việc học tập các chuyên ngành đó.;
 - 2.5 Sát nhập hai mảng hoạt động quyền phụ nữ và y tế- HIV/ AIDS thành một mảng với tên gọi đã được người dân thường xuyên sử dụng: bình đẳng giới và phòng chống HIV/ AIDS;
 - 2.6 Tập trung sử dụng một cách ý thức và hiệu lực các tiến trình phát triển, tham gia, tăng quyền lực của người dân và nhóm. Để làm được điều này, trước hết, mỗi CB-NV làm việc trong DA6/AAV cần nắm vững và thống nhất sử dụng thật chính xác những khái niệm quan trọng như tăng quyền lực⁴⁰ của người dân, nâng cao năng lực⁴¹ của CB-NV, tham gia của người dân⁴² theo các mức độ, nhóm hiệu quả⁴³, và tiếp cận dựa trên quyền⁴⁴. Mỗi khái niệm này đều được cụ thể hóa thành những chỉ báo phát triển chính trị, xã hội hay con người⁴⁵ rất dễ hiểu để thực hành.
3. *Những đề nghị dựa vào một số phát hiện tình cờ liên quan đến việc chi tiêu của DA6/AAV trong hơn bốn năm qua.* Mặc dù phân tích tài chánh không thuộc phạm vi nhiệm vụ của tư vấn trong đợt lượng giá giữa kỳ có sự tham gia (LGGK-TG) này, do yêu cầu đánh giá về phương pháp kỹ thuật được sử dụng trong DA6/AAV nên vài khuyến cáo liên quan đến việc chi tiêu tài chánh dưới đây cũng được đưa ra :

- 3.1 Tuyên truyền hay truyền thông một chiều trong nhóm lớn không gây được tác động tích cực đối với sự thay đổi hành vi của con người. Vì

⁴⁰Maluccio, A.N. Competence-Oriented Social Work Practice: An Ecological Approach trong Margot Breton, Relating Competence Promotion and Empowerment (Toronto: The Haworth Press, Inc., 1994), 34.

⁴¹Bolger, Joe. Capacity Development: Why, What, and How. Vol.1, No 1, May 2000. Occasional Series. Canada: CIDA Policy Branch, 2000

⁴² UNDP. UNDP Guidebook on Participation.

www.pu.go.id/itjen/mmp/fili/files/participation/UN%guidebook

⁴³ Johnson, David W. Joining Together , 4th. Ed. USA: Prentice-Hall.1991, trang 1-35.

⁴⁴ Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights. Geneva, Switzerland. 1996- 2002

⁴⁵Morato, Jr, Eduardo Angara. Strategic Intervention for Development Managers. Philippines: Asian Institute of Management- Eugenio Lopez Foundation. 1989

vậy, chỉ chi tiêu tằn tiện hoặc ít hơn khi so sánh với những chi tiêu khác thuộc DA6/AAV thì cũng không hợp lý và lãng phí. Phương cách thay thế hiệu quả hơn và ít tốn kém hơn là nỗ lực tổ chức và truyền thông nhóm nhỏ, có giám sát/ theo dõi việc áp dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của các tham dự viên. Chính vì vậy, trước mắt cần tập huấn ngay phương pháp năng động nhóm cho các ban chủ nhiệm CLB-PTCD và PTA. Điều này là khả thi khi DA6/AAV đã đào tạo được lực lượng điều phối viên, hướng dẫn viên, và giám sát viên. Một số những người này vốn có kinh nghiệm làm việc với người dân nên dễ dàng trở thành tập huấn viên sau khi được tập huấn khóa ngắn hạn ‘Tập huấn cho tập huấn viên’. Ngoài ra, DA6/AAV rất cần sự hỗ trợ tích cực của các chuyên gia về bình đẳng giới và phòng chống HIV/ AIDS của AAV;

3.2 DA6/AAV đã xác định được nhóm mục tiêu là người nghèo, người thiệt thòi, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Vì vậy, thông tin từ cá nhân hay nhóm mục tiêu cần được cập nhật. Việc phân tích thông tin và điều chỉnh thêm bớt số người hưởng lợi có thể thực hiện tối thiểu vào mỗi sáu tháng. Làm được như vậy, DA6/AAV tránh được tình trạng hoặc bỏ sót hộ người nghèo, thiệt thòi cần giúp đỡ hoặc vẫn tiếp tục hỗ trợ hộ đã thoát nghèo hay khá giả. Các tình huống này cho thấy sự chi tiêu của DA6/ AAV trong chừng mực nào đó là không hợp lý, cũng không minh bạch. Ngoài ra, cần dành riêng khoản kinh phí lớn cho các hoạt động phát triển của mảng Quyền Giáo Dục. Hầu hết các em tham gia vào mảng hoạt động này đang ở lứa tuổi vị thành niên, lứa tuổi dễ bị tổn thương vì những thay đổi tâm sinh lý theo chiều hướng tiêu cực. Các em rất cần được tổ chức thành nhóm nhỏ, tối thiểu là vào dịp nghỉ hè, để được hưởng những hoạt động giáo dục đích thật của DA6/AAV. Ngoài ra, các em cũng cần được tham vấn trước mắt để chuẩn bị ứng phó rối loạn về tâm lý xã hội nào đó;

3.3 Để người dân ngày càng tham gia hơn và phát huy quyền làm chủ của họ đối với DA6/AAV, BQLDA các cấp xã, huyện cần phản hồi và phản hồi kịp thời, trực tiếp đối với những ý kiến đề xuất của người dân về việc công khai tài chánh của DA6/AAV, về số hộ thoát nghèo sau hơn bốn năm tham gia và hưởng lợi từ DA6/AAV. Được biết, đây cũng là trách nhiệm của UBND Huyện Cầu Ngang đối với nhân dân⁴⁶;

4. DA6/AAV có thể hỗ trợ từng cộng đồng người dân nghèo và thiệt thòi bắt đầu xây dựng lại tầm nhìn của chính họ để « *Khơi dậy nguồn cảm hứng, mong muốn, và sáng kiến sẵn có trong mỗi người dân*⁴⁷ ». Tầm nhìn là câu phát biểu về toàn bộ các mục đích đang được cộng đồng duy trì và nỗ lực hoàn thành bằng cách sẽ sử dụng tất cả nguồn tài nguyên sẵn có trong cộng đồng⁴⁸. Việc xây dựng tầm nhìn cộng đồng có thể được lồng ghép trong các đợt tập huấn về phát triển cộng

⁴⁶ UBND Huyện Cầu Ngang và Tổ Chức ActionAid Việt Nam. Văn Bản Ghi Nhớ về Chương Trình Phát Triển Xóa Đói Giảm Nghèo Giai Đoạn 2008- 2010. 2008

⁴⁷ Lê Thọ Bình. Tất Cả Quyền Bính Trong Nước Là Của Toàn Thể Nhân Dân. Số ra ngày 19-5-2003. Tp. HCM: Tòa Soạn Báo Pháp Luật

⁴⁸ Ortigas, Carmela. D. Training for Empowerment. Philippines: Office of Research and Publications School of Arts and Sciences Ateneo de Manila University. 1993

đồng, năng động nhóm, hoặc giám sát & lượng giá có sự tham gia. Các chuyên gia của AAV cũng có thể hỗ trợ kỹ thuật xây dựng tầm nhìn của DA6/AAV;

5. Cần thiết phát hiện *tiềm năng của những phụ nữ tham gia CLB- PTCD.*

Tiềm năng tham vấn và hướng dẫn của các chị rất phong phú. Trong khi đó, một số chị em nghèo và thiệt thòi khác cũng như trẻ em gái ở lứa tuổi vị thành niên lại có nhu cầu tham vấn tâm lý xã hội rất cao. Điều phối để chính người cộng đồng tự lực đảm đương trách nhiệm tự giúp chính họ là điều cần làm ngay.

D. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DA6/AAV

Những tác động của DA6/AAV đối với đời sống của người dân đã được phát hiện và đánh giá theo những cạnh khía sau đây: 1/ Sự tăng quyền lực của người dân; 2/ Sự nâng cao năng lực của đối tác; 3/ Mong đợi của người dân, 4/ Tình hình tăng trưởng và giảm nghèo hiện nay tại bốn xã thực hiện DA6/AAV; 5/ Sự cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng người hưởng lợi; và 6/ Sự cải thiện môi trường xã hội và vật chất tại bốn xã thực hiện DA6/AAV.

D.1. Sự Tăng Quyền Lực Của Người Dân Nghèo, Thiệt Thòi

D.1.1. Năng Lực Xây Dựng Ước Mơ

Theo Bảng 11, đa số (36,59%) các em học sinh có độ tuổi từ 11 đến 14 và đang học lớp 5 đến lớp 8 ước mơ sau này trở thành giáo viên. Số ít (4,85%) em mơ về ‘làng quê của em’, ‘tổ quốc chiến thắng’, ‘môi trường được chăm sóc’, và ‘mọi người khỏe mạnh’. Những ước mơ khác của các em chỉ chiếm thiểu số (1,22%).

Bảng 11. Ước Mơ Của Học Sinh Tham Gia Hoạt Động BTT

Nội Dung Ước Mơ	Số Lượng	Tỉ Lệ
Giáo viên/ Thầy, cô giáo	30	36,59
Bác Sĩ	14	17,02
Công An	11	13,41
Họa Sĩ	6	07,32
Ca Sĩ	4	04,85
Làng quê, Tổ Quốc, Môi Trường Được Chăm Sóc	4	04,85
Thiết Kế Thời Trang	2	02,44
Mọi Người Mạnh Khỏe	1	01,22
Mọi Người Sống Hạnh Phúc	1	01,22
Thợ Điện	1	01,22
Hướng Dẫn Viên Du Lịch	1	01,22
Phi Công	1	01,22
Tiếp Viên Hàng Không	1	01,22
Thợ may Giỏi	1	01,22
Giỏi Nấu Ăn	1	01,22
Ngôi Nhà Lớn Cho Cha Mẹ Hưởng Già	1	01,22
Mỗi Năm Được Lên Lớp	1	01,22
Được Đi Chơi Với Cha Mẹ	1	01,22
Tổng Cộng:	82	100,00

Ước mơ về nghề ‘giáo viên’ của các em cho thấy, hình ảnh ‘giáo viên’ thân thương gần gũi trong chỉ một phần thời niên thiếu của các em học sinh đã tác động đến đời sống tinh thần của các em rất nhiều. Hơn nữa, trong tiến trình xã hội hóa, các em đã tiếp nhận từ gia đình và xã hội- nhất là xã hội nông thôn Việt Nam, tư tưởng ‘tôn sư trọng đạo’ của một nền văn

hóa Khỏe Mạnh truyền thông. Ngoài ra, các em cũng được gia đình dạy rằng ‘*chỉ nên mơ những gì trong tầm tay để có thể đạt được!!!*’.

Riêng về số ít em mơ làm bác sĩ (17,02%) để giúp mọi người luôn khỏe mạnh hay mơ về một làng quê trù phú, một môi trường sống xanh sạch (4,85%) cho thấy rằng các em dường như chín chắn sớm hơn bạn bè khác ở cùng độ tuổi vị thành niên. Các em đã không mơ về hình ảnh lý tưởng của bản thân mà là hình ảnh lý tưởng của cả cộng đồng.

Những ước mơ này có thể thay đổi theo thời gian hay không bao giờ đạt được nhưng chúng chính là tầm nhìn, là ngôi sao sáng chủ đạo để các em phấn đấu không mệt mỏi những thách thức trước mắt của cuộc sống. Vì vậy, các bậc cha mẹ, giáo viên, và ngay cả các cấp quản lý DA6/AAV trước hết, cần nhận thức rằng các em có quyền ước mơ, có quyền xây dựng lý tưởng sống cho chính các em. Không nên cản ngăn các em ước mơ dù chỉ vô tình. Ngược lại, cần hành động một cách ý thức và kiên trì để giúp các em nuôi dưỡng ước mơ. Việc cha mẹ dán lên vách nhà hay dựng đứng trên bàn học của con mình chỉ một bức tranh vẽ hay câu chữ ngắn gọn miêu tả ước mơ của em như “Cô phi công dũng cảm của huyện Cầu Ngang” hay “cô bác sĩ tận tâm” là những hành động đơn sơ nhưng lại có tác dụng rất lớn đối với sự phát triển của em sau này.

D.1.2. Khả Năng Tự Nhận Thức Được Nâng Cao

Bảng 12. trình bày những giá trị hay phẩm chất mà các em đã tự nhận thức rồi viết lên giấy. Đa số (17,74%) ý kiến của các em tập trung vào phẩm chất “giúp đỡ bạn, kèm bạn học yếu”. Phẩm chất thật thà/ trung thực/ ngay thẳng/ lượng của roi trả lại’ thì được 7,93% ý kiến.

Bảng 12. Tự Nhận Thức Được Những Phẩm Chất Của Học Sinh Tham Gia BTT

Giá Trị Hay Phẩm Chất	Số Lượng	Tỉ Lệ
Giúp Đỡ bạn, Kèm bạn học yếu	47	17,74
Giúp Đỡ Cha Mẹ	35	13,51
Giỏi (học) Tự tin	29	10,94
Tốt Bụng/Giúp Đỡ Người Nghèo, Già, Khuyết Tật	24	09,06
Thật Thà/ Ngay Thẳng/ Trung Thực/ Lượng của roi trả lại	21	07,93
Ngoan/Vâng Lời Thầy Cô	19	07,17
Chăm Chỉ	17	06,42
Siêng Năng	13	04,91
Giao tế vui vẻ với mọi người	10	03,77
Dễ Hòa Đồng, Hòa Nhã, Khiêm Tốn	10	03,77
Hiếu Thảo, Lễ Phép, Làm vui lòng cha mẹ	09	03,40
Hiền Lành	09	03,40
Dũng cảm, Can đảm	08	03,02
Kiên nhẫn	08	03,02
Yêu quý động vật	02	00,75
Vệ sinh, sạch sẽ	02	00,75
Đoan kết	01	00,38
Yêu Tổ Quốc	01	00,38
Tổng Cộng	265	100,00

Về các phẩm chất chiếm tỉ lệ cao nhất, “giúp đỡ bạn, kèm bạn học yếu”, rõ ràng, các em đã có ấn tượng sâu sắc đối với hoạt động ‘đôi bạn cùng tiến’. Hoạt động này đã được các thầy cô của các em vận dụng sau chuyến tham quan, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy tại một tỉnh khác. Do vậy, để giáo dục giá trị, kỹ năng sống đạt hiệu quả, các thầy cô phải nỗ lực sáng

tạo hay vận dụng các mô hình học tập khác nhau sao cho các bài dạy khô khan ở lớp học trở nên thú vị vì chúng được thực hiện tốt đẹp trong thực tế hằng ngày của học sinh.

Riêng đối với những phẩm chất trung thực và tự tin, chúng quả thật là những giá trị thuộc nhóm giá trị thứ tư trong toàn bộ tám nhóm theo tám giai đoạn phát triển giá trị⁴⁹ của đời người. Người có những giá trị thuộc nhóm giá trị này thường ứng xử tốt với những người khác như là người ủng hộ, người lắng nghe và người làm rõ mọi sự việc mà họ quan tâm. Do đó, sau bất cứ một bài học về kỹ năng hay giá trị sống nào, giáo viên nên theo dõi hành vi ứng xử của các em, tối thiểu là tại trường lớp. Làm như vậy, thầy cô giáo có thể nhận ra được những hành vi mới của các em nhờ sự thâm nhuần các kỹ năng và giá trị sống đã được học. Đây chính là mục tiêu đích thật của bất kỳ một nền giáo dục nào.

D.1.3. Ý Thức Hành Vi Không Thích Hợp Được Nâng Cao

Bảng 13. nói về những hành vi không thích hợp của tuổi vị thành niên mà các em tham gia hoạt động BBT đã tự nguyện miêu tả. Hành vi không thích hợp mà đa số các em dính líu là ‘chọc giận bạn, làm bạn buồn’ (33,33%). Hành vi ít (1,28%) xảy ra nhất là ‘đùa giỡn quá mức làm người khác khó chịu’ hoặc ‘hung dữ’.

Bảng 13. Sự Thừa Nhận Hành Vi Không Thích Hợp Của Trẻ Em

Hành Vi Không Thích Hợp	Số Lượng	Tỉ Lệ
Chọc Giận bạn, làm bạn buồn	26	33,33
Ham chơi/ Không Học Bài/ Nói Chuyện Trong Lớp/ Làm biếng	18	23,08
Ngủ dậy trễ/ Ngủ Nướng/ Ngủ Lăn Lóc	10	12,82
Không Vâng Lời Cha Mẹ/ Chọc giận Anh Chị Em	07	08,97
Sợ Sệt/ Nhút Nhát	04	05,13
Không Giúp Bạn	03	03,85
Dễ Giận	02	02,56
Xem phim quá lâu, quên học bài	02	02,56
Hay Khóc Nhè, giận hờn	02	02,56
Món ngon ăn hết không chừa lại cho ai/ ăn nhiều	02	02,56
Đùa Giỡn Quá Mức Làm Người Khác Khó Chịu	01	01,28
Hung Dữ	01	01,28
Tổng Cộng	78	100,00

‘Chọc giận bạn/ làm bạn buồn’ thể hiện rõ nét đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi dậy thì. Đây là độ tuổi khó khăn nhất trong cuộc sống của con người. Một mặt, các em có nhu cầu mở rộng quan hệ, giao lưu với các nhóm người thuộc nhiều thành phần để được tùy thuộc vào một nhóm người nào đó, mặt khác, các em cảm thấy mình là “trung tâm vũ trụ”. Các em sẵn sàng làm bất cứ điều gì, ngay cả điều xấu, cốt chỉ lôi kéo bạn bè trong nhóm và lớp học chú ý đến mình. Vì vậy, có thể xem hầu hết hành vi không thích hợp của trẻ em lứa tuổi dậy thì là những giải pháp tự đáp ứng nhu cầu tự nhiên của các em. Ngoài ra, trong tiến trình hình thành nhân cách và phát triển bản thân, các em được quyền học và được quyền phạm khuyết điểm. Một khi người lớn khoan dung và thừa nhận các quyền này của các em đồng thời lại có đủ năng lực để giáo dục các em thì những khuyết điểm hay hành vi không theo đúng chuẩn mực của xã hội này của các em không còn là vấn đề nan giải nữa.

⁴⁹ Hall, Brian P. and Thompson, Helen. Leadership Though Values. A Study in Personal and Organizational Development Newyork: Paulist Press. 1980

Thật ra, ngoài các quyền được học tập và phát triển, còn có những quyền khác của trẻ em như quyền được bảo vệ, quyền tham gia, quyền không bị phân biệt đối xử. . v. .v. . Những quyền này được quy định trong luật pháp Quốc gia và Công Ước quốc tế⁵⁰.

Tóm lại, trong tiến trình tham gia mảng hoạt động quyền giáo dục thuộc DA6/AAV, các em đã được tăng quyền lực khá nhiều. Đây là nỗ lực rõ nét nhất của BGH-TTH và giáo viên nhằm giáo dục phát triển toàn diện cho học sinh.

D.1.4. Khả Năng Ứng Phó Với Môi Trường

Trước tình hình giá cả thị trường biến động nhanh và mạnh theo chiều hướng bất lợi cho người dân nói chung và các nhóm nông dân nói riêng, có nhóm dân đã đưa ra nhiều biện pháp ứng phó với biến động đó. Theo Bảng 14, được trình bày dưới dạng kỹ thuật của PRA, có bốn nhóm biện pháp mang tính chiến lược bao gồm: 1/ dùng mặt **mạnh** của gia đình nông dân để tranh thủ **thời cơ**; 2/ dùng mặt **mạnh** của gia đình nông dân để trấn áp mặt **không thuận lợi**; 3/ tranh thủ **thời cơ** khắc phục mặt **yếu** và 4/ chấp nhận mặt **không thuận lợi** và mặt **yếu** để cắt giảm mọi chi tiêu sinh hoạt hay sản xuất.

Bảng 14. Năng Lực Giải Quyết Vấn Đề “Bão Giá” Của Người Dân

Nội Bộ Gia Đình	MẠNH	YẾU
Môi Trường Bên Ngoài	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Gia đình có sức người lao động; ▪ Có khả năng chọn giống, trồng màu, làm ra phân bón; ▪ Lúa thu hoạch dư thừa; ▪ Nắm vững kỹ thuật ba giảm, ba tăng ▪ Có khả năng chế biến thức ăn. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiếu vốn trồng màu; ▪ Bán sản phẩm cho thương nhân với giá thấp; ▪ Thanh niên trong cộng đồng đi làm xa xứ; ▪ Phải mua nguyên vật liệu để chế biến thức ăn; ▪ Phải chịu tốn kém khi cho con đi học.
THỜI CƠ	BIỆN PHÁP M-TC	BIỆN PHÁP TC-Y
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ vốn của DA/AAV; ▪ Chợ thu mua nông sản 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đề nghị CTPT cung cấp vốn để trồng màu (giống bắp mới, mua phân bón) 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tự chờ hàng nông sản đi bán ở chợ thay vì bán cho tư thương.
KHÔNG THUẬN LỢI	BIỆN PHÁP M-KTL	BIỆN PHÁP Y-KTL
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đại lý không bán thiếu; ▪ Đại lý tính lãi cao; ▪ Giá cả đầu vào cao; ▪ Tư thương ép giá; ▪ Giá thuê lao động tăng cao; ▪ Giá nguyên vật liệu; ▪ Giá cả tập, sách, áo quần tăng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chọn giống trồng ít tốn kém (mướp, bí); ▪ Dùng phân chuồng thay thế; ▪ Tăng cường nhổ cỏ thay vì dùng thuốc; ▪ Áp dụng kỹ thuật ba giảm, ba tăng trong trồng trọt; ▪ Chừa lại lúa để ăn; ▪ Cho con ăn cơm nguội hay hấp cơm lại; ▪ Mua thức ăn loại rẻ; ▪ Hái rau vườn để ăn (măng, rau dền, bắt cá đồng); 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Không trồng đậu phộng ; ▪ Giảm lượng phân bón hóa học; ▪ Trồng màu ít lại; ▪ Hạn chế chi tiêu sinh hoạt/ dè xèn; ▪ Cha mẹ nhường bớt phần ăn cho con

Rõ ràng, chỉ với kinh nghiệm sống và lao động sản xuất, người dân cũng đã chứng tỏ khả năng lập kế hoạch rất phong phú của họ. Vì vậy, khi làm việc với nông dân nghèo trong dự án phát triển cộng đồng, những cán bộ kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp và giáo dục rất cần rèn luyện thêm phương pháp phát triển cộng đồng. Nhờ phương pháp này, các cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực để phát hiện khả năng, sáng kiến của người dân có thể tận dụng để cải thiện cuộc sống của chính họ. Đây chính là hỗ trợ có giá trị nhất và bền vững nhất mặc dù trong thực tế, nó chưa được đánh giá đúng tầm.

⁵⁰ Convention on the Rights of the Child - UN

D.1.5. Sự Phân Chia Quyền Lực Trong Gia Đình

Một trong những tác động của DA/AAV đối với đời sống của người dân cần được nêu lên chính là sự phân chia quyền lực trong phạm vi gia đình; cụ thể "ai là người có quyền đưa ra quyết định và điều khiển các sinh hoạt gia đình? Tiếng nói của ai thường được các thành viên khác tôn trọng và làm theo?".

Theo Bảng 15, những người cung cấp thông tin đang thực hiện chức năng gia đình của họ bao gồm cha, mẹ, con trai, con gái, con dâu, và con rể. Đối với hoạt động sản xuất của gia đình, người cha đưa ra phần lớn quyết định (48,33%). Trong hoạt động này, người mẹ cũng quyết định nhưng ít hơn (26,67%) người cha. Ngược lại, trong hoạt động tái sản xuất, người mẹ là người vừa thừa hành mệnh lệnh vừa đưa ra phần lớn (48,48%) những mệnh lệnh này Về hoạt động cộng đồng, người cha và người mẹ đều có quyền quyết định như nhau (42,31%).

Bảng 15. Năng Lực Ra Quyết Định Trong Gia Đình

Các Loại Hoạt Động Trong Gia Đình	Hoạt Động Sản Xuất		Hoạt Động Tái Sản Xuất		Hoạt Động Cộng Đồng	
	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ
Cha	29	48,33	03	09,09	11	42,31
Mẹ	16	26,67	16	48,48	11	42,31
Con Trai	03	05,00	03	09,09	03	11,54
Con gái	05	08,33	09	27,28	01	03,84
Con rể	04	06,67	00	00	00	00
Con Dâu	03	05,00	02	06,06	00	00
Tổng cộng:	60	100,00	33	100,00	26	100,00

Bảng 15. cho thấy, tùy theo chức năng, giới tính, tuổi tác của từng thành viên trong gia đình và cả tính chất của hoạt động mà việc phân chia quyền hành được vận hành theo cấp bậc. Thật vậy, trong gia đình nông dân Nam bộ chân chất và phóng khoáng, quyền hành phải là ưu tiên, cũng không phải là điều nên đề cập đến, nhất là khi nền văn hóa truyền thống Khổng Mạnh vẫn còn lưu truyền từ đời này sang đời khác một cách âm thầm nhưng sâu lắng. Hơn nữa, cho đến nay, phần lớn người nam giới vẫn chưa từ bỏ những ưu đãi và trọng dụng mà xã hội thời phong kiến đã ban cho họ qua những tiến trình xã hội hóa. Tuy vậy, phải thừa nhận rằng, đã có nhiều đổi mới thuận lợi hơn cho người phụ nữ trong việc phân chia quyền lực trong gia đình. Trong đó, chính phụ nữ đóng góp nhiều nỗ lực hơn cả.

Thật vậy, với những thành công trong hoạt động sản xuất có tăng thu nhập, phụ nữ đã từng bước nâng cao khái niệm bản thân của họ. Nhờ vậy, khi tương tác với những người khác, đặc biệt với chồng và con, họ đã tạo ra một thứ quyền lực rất hài hòa và vững chắc. Chính loại quyền lực này đã nâng cao vị thế của phụ nữ trong cộng đồng, xã hội đồng thời, khiến gia đình họ ngày càng hạnh phúc và hy vọng.

Phương thức trao quyền gián tiếp này, xem ra phù hợp hơn đối với phong cách của phụ nữ Á Châu nói chung, và phụ nữ Việt Nam bao gồm cả phụ nữ huyện Cầu Ngang, nói riêng.

Vì vậy, BQLDA các cấp nên tập trung nhiều hơn cho sự tổ chức và thực hành những mô hình sản xuất phi nông nghiệp và nông nghiệp mới của phụ nữ. Những điều này là khả thi nhưng trước hết, cần đánh giá nhu cầu công việc mới của phụ nữ và xây dựng kế hoạch chiến lược năm năm, trong đó sự tham gia của những đại diện các nhóm phụ nữ là rất quan trọng.

D.1.6. Những Cảm Xúc Được Bộc Lộ Trong Nhóm Nhỏ

Bảng 16. “niềm vui- nỗi buồn của em” cho thấy, đa số (21,87%) những niềm vui của trẻ tập trung vào lý do được gặp cô chú từ AAV/ nhà tài trợ để chơi trò chơi. Đi chơi, gặp bạn, cắm trại với bạn bè là nhóm lý do thứ hai (20,31%). Về nỗi buồn, những lý do “không được đi chơi”, “không ai chơi cùng”, và “bị ba mẹ đánh, chửi, la mắng” chiếm đa số (14,28%).

Bảng 16. Niềm Vui và Nỗi Buồn Của Em

Lý Do Vui, Buồn	Số Lượng	Tỷ Lệ
NIỀM VUI		
Được gặp cô chú từ AAV/ nhà tài trợ	14	21,87
Được đi chơi nhà ngoại, nội, cô, chú đi	8	12,50
Được người lớn dẫn đi chơi,	9	14,06
Không bị chửi	1	1,56
Đi chơi, gặp bạn, cắm trại với bạn bè	13	20,31
Học thêm	2	3,12
Được mua giày dép mới	4	6,24
Mẹ khen	1	1,56
Điểm 10	1	1,56
Nấu cơm, giặt đồ cho em	2	3,12
Không nêu lý do	9	14,06
Tổng Cộng:	64	
NỖI BUỒN		
Không được đi chơi	7	14,28
Không ai chơi cùng	7	14,28
Không được xem phim, hoạt hình, tivi	3	6,12
Phải trông giữ em bé	1	2,04
Làm mẹ buồn	1	2,04
Bị ba mẹ đánh, chửi, la mắng	7	14,28
Ở nhà một mình	1	2,04
Nấu cơm khét, rửa ly chén lại làm bẽ	3	6,12
Ham chơi, không chịu học	1	2,04
Không chịu trông giữ em bé, giúp mẹ, làm việc nhà	5	10,20
Bị chị la	1	2,04
Mẹ bỏ đi	3	6,12
Không được đi học	1	2,04
Không nêu lý do	8	16,32
Tổng Cộng:	49	

Trải nghiệm những cảm xúc vui buồn vừa phải lại dễ dàng bộc lộ chúng, các em học được cách kiềm chế cảm xúc và từng bước điều chỉnh hành vi của chúng tốt hơn. Ngoài ra, đây cũng là những kinh nghiệm quý giá, có thể giúp các em ứng phó với căng thẳng về tâm lý và ngay cả sự tổn thương đột ngột nào đó. Theo Bảng 16, hầu hết các em đều có nhiều cảm xúc vui hơn là buồn. Quả thật, cha mẹ các em luôn gánh hết những lo âu cuộc sống để các em được vui học.

Về những nỗi buồn ‘bị cha mẹ đánh chửi’ được các em xếp hạng trung bình, không thể xem chúng là bình thường, nhất là khi tần số những nỗi buồn trung bình này ngày càng tăng lên. Đã có những bậc cha mẹ than thở với các chuyên viên tư vấn rằng: “*con trai tôi đã lý đòn, roi!!!*” hoặc “*con gái tôi vừa bỏ nhà đi ba ngày rồi!!!*”. Rõ ràng, đây là hành vi không thích hợp của các em nhưng chính người lớn nào gần gũi với các em hơn thì phải chịu trách nhiệm về những hành vi đó. Vì thế, cha mẹ trẻ, thầy cô giáo, và ngay cả CB-NV-CTV làm việc trong DA6/AAV không thể phó mặc việc giáo dục các em cho riêng bất cứ một bên nào. Ngược lại, họ nên cùng nhau đồng hành giáo dục các em vì lợi ích lâu dài không những của các em mà còn của cộng đồng, xã hội nữa.

Cũng có một em với ba nỗi buồn sâu sắc vì ‘mẹ bỏ ra đi’. Tuy vậy, chỉ sau hai ngày, nỗi buồn này đã giảm đi một bậc. Đây là hiện tượng mà người lớn thường cho rằng: “*không sao đâu, con nít mau quên*”. Về mặt tâm lý, cháu bé này hẳn không bao giờ quên được nỗi buồn ‘không có mẹ’; ngược lại, nỗi buồn này dần dần ngấm sâu vào tâm trí của cháu để cản bước tiến và hội nhập của cháu vào thế giới trẻ thơ, vốn tươi đẹp nhất.

Trong cả hai tình huống kể trên, khi trẻ em hoặc bị cha mẹ các em đánh đập hoặc bị bỏ rơi thì những người này đã vi phạm Công Ước Liên Hiệp Quốc về quyền trẻ em và luật chăm sóc bảo vệ trẻ em của Việt Nam cho dù một cách vô thức. Ngoài ra, các BQLDA-X và BGH-TTH cũng đã không giám sát được những vi phạm này của gia đình các em để can thiệp bảo vệ các em kịp thời. Hành động bảo vệ này chính là tăng quyền lực cho trẻ tham gia DA6/AAV vậy.

D.1.7. Tiềm Năng Tự Giúp của Các Nhóm Phụ Nữ/ CLB- PTCĐ

Đối với phụ nữ, đa số (34,72%) niềm hạnh phúc của họ đạt được ở mức độ cao nhất. Về phần nỗi buồn, con số ở mỗi mức độ buồn khổ thì xấp xỉ với nhau (từ 14,19% đến 25,71%).

Các nguyên nhân gây nên mức độ buồn khổ nhất cho các chị bao gồm ‘con đi làm xa không tin tức gì’, ‘phải sống xa cách chồng để thực hiện nhiệm vụ đối với gia đình chồng’. Lý do buồn khổ vì ‘nuôi tôm thất bại’ thì phổ biến hơn nhưng chỉ tác động ở mức buồn khổ thấp hơn (2 hay 3).

Bảng 17. Hạnh Phúc Và Buồn Khổ Của Phụ Nữ Được Chia Sẻ

Các Mức Độ Hạnh Phúc Và Buồn Khổ	Số Lượng	Tỉ Lệ
Mức Độ Hạnh Phúc Nhất:	5	34,72
	4	16,67
	3	25,00
	2	12,50
	1	11,11
Tổng Cộng:	72	100,00
Mức độ Buồn Khổ Nhất:	5	17,14
	4	20,00
	3	14,19
	2	25,71
	1	22,86
Tổng Cộng	35	100,00

Các chị đã bộc lộ cảm xúc một cách chân thật. Đa số nguyên nhân buồn khổ của các chị đều thuộc về lĩnh vực tình cảm, tâm lý và mối quan hệ. Những lý do khác thì mang tính rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

Thông thường, con người có khuynh hướng nhớ rất lâu những buồn khổ hơn là những hạnh phúc trong quá khứ. Vì thế, khi làm việc với nhóm mục tiêu là phụ nữ, các BQLDA không đơn giản chỉ cung cấp vật chất hay vốn vay mượn nhưng quan trọng hơn, họ phải giúp đỡ những phụ nữ đó trải nghiệm những tiến trình chuyển biến tâm lý và xã hội. Làm như thế, nhóm mục tiêu này mới có đủ bản lĩnh ứng phó với những vấn đề, rủi ro do môi trường bên ngoài tác động vào.

Về phía thành viên các CLB- PTCĐ, các chị cần nâng cao thêm kỹ thuật và kỹ năng tham vấn của ngành tâm lý học và công tác xã hội mà các chị đã hưởng lợi trong khóa tập huấn phòng chống HIV/ AIDS trước đây. Ngoài ra, khi làm việc với các chị em và các em học sinh BTT ở lứa tuổi vị thành niên có hoàn cảnh khó khăn về mặt tâm lý hay xã hội như kể trên chắc chắn các chị sẽ đóng góp tích cực cho sự phát triển cộng đồng, mục đích cao đẹp mà các chị đã xây dựng được.

D.2. Năng Lực Của Đối Tác Được Nâng Cao

D.2.1 Năng Lực Của Các Đối Tác Theo Bốn Cấp Độ Phát Triển Năng Lực

Theo Bảng 18, DA6/AAV đã tác động nâng cao năng lực của đa số (60%) đối tác ở cả bốn cấp độ phát triển năng lực. Số đối tác còn lại (40%) được nâng cao năng lực ở ba cấp độ.

Bảng 18. Năng Lực Của Đối Tác Theo Bốn Cấp Độ Được Nâng Cao

Đối Tác	Các Cấp Độ Năng Lực Được Nâng Cao			
	Môi Trường Thuận Lợi	Phối Kết Hợp/ Làm Việc Mạng Lưới	Tổ Chức	Cá Nhân
PTA		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Truyền thông hai chiều với người dân; ▪ Vận động sự đóng góp của các mạnh thường quân; ▪ Truyền thông hai chiều với BQLDA-X và TTHTCĐ được củng cố; 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cùng cách quản lý trong cơ chế tổ chức hành chính của chính phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận thức và thực hành trách nhiệm đối với dân được nâng lên; ▪ Sáng kiến điểm học mẫu giáo, mô hình nuôi trồng được thực hiện và theo dõi
UBND xã	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng cường thực hành chiến lược tăng trưởng toàn diện và XĐGN; ▪ Đổi mới nhận thức về sứ mạng/ vai trò của AAV và INGOs; ▪ Nắm vững tầm nhìn, mục đích nhân đạo, và hoạt động của AAV. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Truyền thông hai chiều với PTA; ▪ Phối hợp đồng bộ với Khối Dân Vận; ▪ Nhận thức và phản ánh với BQLDA-H. được nâng lên; ▪ Thi hành nghiêm túc chỉ đạo của UBND Huyện ▪ Tạo thuận lợi việc giám sát và chia sẻ kinh nghiệm của CB-NV-CTV và CBV AAV. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vẫn nằm trong hệ thống điều hành từ cấp huyện; ▪ Chỉ đạo sâu sát cán bộ cấp dưới; ▪ Theo dõi và lồng ghép kế hoạch của UBND xã; ▪ Khả năng giải quyết khó khăn cho người dân theo hệ thống tổ chức hành chính hiện thời được phát huy; 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận thức và thực hành tương quan tốt với người dân: không ra lệnh mà trao đổi cởi mở; ▪ Tham gia vào DA6/AAV tăng lên⁵¹;
VP.XĐGN		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tạo nhiều cơ hội làm việc chung giữa các ngành thành viên vì mục đích của DA/AAV; ▪ Lồng ghép hoạt động của DA6/AAV vào kế hoạch năm của các ngành thành viên để họ thực hiện chức năng và nhiệm vụ tốt hơn; ▪ Tranh thủ và gắn kết hoạt động của văn phòng vào hệ thống khen thưởng của chính quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận thức và thực hành tương trợ trong nội bộ VP.XĐGN tốt ; ▪ Trách nhiệm đối với các hệ thống tổ chức có liên quan CTPT-DA6 được nâng cao; ▪ Nhiều nỗ lực thực hiện quản lý tài chính theo yêu cầu; 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bình tĩnh cần có để ứng phó với hành vi chưa thích hợp của người dân; ▪ Được hệ thống khen thưởng của chính quyền huyện thừa nhận vì đã nỗ lực đóng góp vào CTPT-DA6; ▪ Tham gia tăng lên⁵² vào tiến trình phát triển tổ chức VP.XĐGN; ▪ CB-NV VP.XĐGN tạo được bầu khí thuận lợi khi làm việc với nhau.

⁵¹ UNDP. UNDP Guidebook on Participation.

www.pu.go.id/itjen/mmp/fili/files/participation/UN%guidebook

⁵² -nt-

Đối Tác	Các Cấp Độ Năng Lực Được Nâng Cao			
	Môi Trường Thuận Lợi	Phối Kết Hợp/ Làm Việc Mạng Lưới	Tổ Chức	Cá Nhân
UBND Huyện và các Phòng, Hội phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nắm vững luật CSBVTE và CUQT Quyền Trẻ Em; ▪ Thừa nhận uy tín tăng cao của AAV trong việc xây dựng mục tiêu xóa mù chữ; ▪ Đánh giá cao những hỗ trợ mọi mặt của AAV đối với ngành giáo dục Huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phối kết hợp giữa các đối tác đều đặn, thường xuyên; ▪ Học viên phối kết hợp sau khi tham gia tập huấn; ▪ Được Tỉnh đánh giá phối hợp có hiệu quả; ▪ Liên kết với trường học để tuyên truyền HIV; ▪ Phối hợp với Tỉnh tập huấn về tham vấn HIV/ AIDS 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thực hành tốt hơn trách nhiệm của cơ quan đối với người dân, nhất là người nhiễm HIV; 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hiểu biết về kỹ năng tham vấn người nhiễm HIV được nâng cao; ▪ Tham gia tích cực⁵³ vào CTPT-H.CN; ▪ Trung thực, thẳng thắn xây dựng cơ chế tổ chức.
AAV	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận thức và thực hành đúng mực tâm nhìn, chiến lược, và chuẩn mực của AAV, đặc biệt về nhạy cảm giới, quản lý có sự tham gia, phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhiều nỗ lực thực hành truyền thông hai chiều với các BQLDA-X, THTCD, và CB-NV VP.XĐGN; ▪ Nhận thức và khởi xướng mạng lưới với các NGOs khác hoạt động trên cùng địa bàn ấp, xã, huyện, tỉnh được nâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ các đối tác đối mới vững chắc quản lý có sự tham gia: xây dựng kế hoạch tập thể, giám sát đều đặn việc thực hiện kế hoạch tại cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hòa nhập đúng mực nền văn hóa địa phương; ▪ Khiêm tốn khi học hỏi từ người dân, đặc biệt người nghèo và thiệt thòi; ▪ Tự điều chỉnh bản thân thích hợp với bối cảnh của DA6/AAV.

D.2.1.1. Năng Lực Của Các Ban PTA Được Phát Huy

Với những thuận lợi tự nhiên về mặt cơ cấu tổ chức, một số ban PTA đã phát huy năng lực của họ đặc biệt là về truyền thông hai chiều để phục vụ tích cực hơn cho sự phát triển của người dân (xem Báo Cáo: 11). Họ cũng chính là những lãnh đạo không chính thức của cộng đồng, những người luôn sát cánh với người dân nói chung và những người hưởng lợi từ DA6/AAV, nói riêng.

Vì vậy, các BQLDA-X và cán bộ VP.XĐGN huyện cần chuyển tải tất cả các kỹ thuật và phương pháp có sự tham gia để những nỗ lực và thiện chí mà các PTA đã đóng góp vào DA6/AAV thật sự có ích cho người dân. Hơn nữa, khả năng làm việc của họ với các dự án phát triển sau này sẽ được tăng cường nhiều hơn.

D.2.1.2. Năng Lực Của Các BQLDA-X Được Nâng Lên

Mặc dầu phải đảm đương nhiều trách nhiệm và công việc kiêm nhiệm nhưng các BQLDA-X có thiện chí làm việc với DA6/AAV. Đây là cơ hội tốt cho họ.

Một Trưởng BQLDA-X đã phát biểu:

“Trong quá trình làm việc với dự án, năng lực của tôi được tăng lên theo thời gian: về cách nhìn những hiện tượng tự nhiên, tổng hợp vấn đề, và sâu sát với thực tế. Cụ thể hơn, tôi cũng đưa ra nhiều giải pháp tham mưu tốt cho lãnh đạo”

Một vị lãnh đạo khác luôn nhắc nhở nhân viên khi họ tỏ ra lơ là với công việc của DA6/AAV:

“Là CB-NV của UBND-X, các anh em phải hỗ trợ một cách trách nhiệm cho DA6/AAV vì đây là việc làm có ích lợi cho dân, không phải làm riêng cho lợi ích của họ⁵⁴”

Một vị Chủ Tịch UBND xã cũng đã trung thực chia sẻ:

“ Trước đây, tôi cũng như nhiều người khác có ý nghĩ . . . các tổ chức phi chính phủ đến giúp địa phương, ngoài sự giúp đỡ bên ngoài về vật chất, phương tiện. . . , mặt trái, còn có ý đồ khác. Qua thời gian tham gia quản lý dự án, qua những hoạt động của dự án, tôi thấy rằng tổ chức phi chính phủ chỉ giúp dân nghèo phát triển nên luôn luôn hỗ trợ họ⁵⁵. ”

Những phát biểu trên cho thấy rằng đã có những chuyển biến thuận lợi đối với năng lực đang tăng lên của thành viên các BQLDA-X trong đó, những phẩm chất như trách nhiệm đối với người dân, trung thực là cần thiết cho sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ khác, sau này. Ngoài ra, khi nhận thức về vai trò và sứ mạng của các tổ chức phi chính phủ được nâng lên một cách đầy đủ các vị lãnh đạo UBND-X hẳn sẽ cảm thấy hài lòng thật sự công việc của người cán bộ phát triển mà họ đang đảm đương.

D.2.1.3. Năng Lực Của CB-NV VP. XĐGN Được Nâng Lên

Là lực lượng CB-NV chuyên trách làm việc cho mục đích phát triển của các cộng đồng người dân họ phải đảm đương nhiều trách nhiệm quan trọng, đặc biệt là trách nhiệm đối với người nghèo và thiệt thòi. Vì lý do này, DA6/AAV đã tạo điều kiện cho họ được tập huấn và thực hành để họ có khả năng thực hiện dự án. Nhờ những điều này và cả tinh thần làm việc của họ trong DA6/AAV, năng lực của họ đã được nâng lên ở ba cấp độ, phối kết hợp, tổ chức và cá nhân. Đối với cấp độ bốn, môi trường thuận lợi, CB-NV VP.XĐGN hẳn phải làm việc nhiều hơn với CBV của AAV để nắm vững các chiến lược, phương pháp tiếp cận và kê cả các hệ thống đa nhân.

D.2.1.4. Năng Lực Của BQLDA-H Được Nâng Lên

Ngoài vị Chủ Tịch UBND huyện chịu trách nhiệm toàn diện việc quản lý DA6/AAV trên địa bàn huyện, . . . giải trình việc sử dụng các nguồn vốn cho các cơ quan thẩm quyền của Chính phủ, AAV, nhà tài trợ và nhân dân⁵⁶, những thành viên khác- Trưởng một số ngành chuyên môn cấp huyện, cũng cho rằng DA6/AAV đã tác động tích cực đến các cơ quan của họ. Vị Chủ Tịch Hội Phụ Nữ huyện đã thừa nhận:

“Tham gia quản lý dự án AAV, kỹ năng tổ chức điều hành được nâng cao, học hỏi được nhiều kinh nghiệm để áp dụng vào thực tế. Tỉnh đánh giá tốt hoạt động phối hợp có hiệu quả của Hội Phụ Nữ huyện với AAV.”

Bà cũng thẳng thắn nêu lên ý kiến xây dựng:

“ Tiếp tục tập huấn BQLDA và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phối kết hợp để thực hành nhanh, tốt hơn trong những năm tới. Cán bộ phụ trách một mảng chủ đề cũng cần biết hết các mảng chủ đề khác để phối hợp tốt”

⁵⁴ “họ” : được hiểu ngầm là AAV, chú thích của người phỏng vấn.

⁵⁵ -nt-

⁵⁶ AAV và UBND Huyện Cầu Ngang. Văn Bản Ghi Nhớ. 2008

Thật vậy, “xây dựng mối quan hệ đối tác . . . và phối hợp với BQLDA huyện và các đơn vị thực hiện dự án, giám sát và đánh giá định kỳ về quản lý tài chính các hoạt động dự án⁵⁷” là một số trách nhiệm của AAV. Vì lý do này, CB-NV của VP.XĐGN và CBV của AAV, những người nhận lương của AAV, phải khởi xướng và củng cố sự phối kết hợp này. Điều này có thể khắc phục được khi các cán bộ VP.XĐGN nắm vững và thực hành thành thạo chu trình quản lý dự án/ chương trình phát triển có sự tham gia. Theo phương pháp này, tất cả thành viên trong BQLDA huyện, xã, và PTA phải tham gia tích cực vào không những việc thực hiện, giám sát và lượng giá chương trình nhưng quan trọng nhất là việc xây dựng những kế hoạch phát triển hằng năm và ngay cả kế hoạch toàn bộ mang tính chiến lược cho DA6/AAV. So sánh phương pháp quản lý có sự tham gia này với những phương pháp quản lý truyền thống khác, có thể mất nhiều thời gian hơn cho các tiến trình phát triển nhưng lại đem đến nhiều kết quả hơn. Vì vậy, việc giúp đỡ người dân/ nhóm mục tiêu của DA6/AAV mới thật sự thiết thực và tốt đẹp như ai cũng mong muốn.

D.2.2. Năng Lực Thực Hiện Các Chức Năng Lãnh Đạo Được Nâng Cao

Khi cùng làm việc trong mỗi một BQLDA, năng lực lãnh đạo của từng thành viên được xác định theo bốn lĩnh vực chức năng bao gồm 1/ việc khuyến khích các thành viên trong nhóm BQLDA bộc lộ cảm xúc trung thực; 2/ nâng đỡ và chăm sóc các thành viên của nhóm BQLDA; 3/ diễn đạt tư duy thành ngôn ngữ cô đọng để nhóm BQLDA tập trung thảo luận và hoạt động; và 4/ điều hành nhóm BQLDA.

Bảng 19. cho thấy, có năm nhóm đối tác đã tự nguyện tham gia hoạt động tự đánh giá này. Số nhóm đạt mức lãnh đạo vừa phải thì ngang bằng với số nhóm đạt mức độ rất cao.

Bảng 19. Tự Đánh Giá Năng Lực Dựa Vào Bốn Chức Năng Lãnh Đạo

T T	CHỨC DANH	BỐN CHỨC NĂNG LÃNH ĐẠO								Kết Quả
		Cảm xúc		Nâng đỡ		Khái Quát		Điều hành		
		Điểm	TĐG	Điểm	TĐG	Điểm	TĐG	Điểm	TĐG	
1	CBV-AAV	37	VP	38	VP	39	VP	39	VP	
2	VP.XĐGN 1	36	VP	37	VP	34	VP	39	VP	
	VP.XĐGN 2	36	VP	38	VP	29	VP	34	VP	
	VP.XĐGN 3	38	VP	38	VP	36	VP	40	VP	
	VP.XĐGN 4	36	VP	38	VP	34	VP	37	VP	
3	LĐ PHÒNG 1	38	VP	37	VP	25	VP	31	VP	
	LĐ PHÒNG 2	44	RC	44	RC	40	RC	41	RC	
	Trung bình cộng	37,90	/	39,30	/	33,90	/	37,30	/	VP
4a	BQL X. HMT1	49	RC	47	RC	49	RC	48	RC	
	BQL X. HMT2	47	RC	46	RC	23	VP	31	VP	
	BQL X. HMT3	43	RC	26	VP	37	VP	35	VP	
	BQL X. HMT4	44	RC	37	VP	40	VP	43	RC	
	BQL X. HMT5	39	VP	38	VP	37	VP	36	VP	
	BQL X. HMT6	46	RC	47	RC	43	RC	46	RC	
	BQL X. HMT7	39	VP	41	RC	44	RC	40	VP	
	Trung bình cộng	43,86	/	40,30	/	39,00	/	39,86	/	VP
4b	BQL M HÒA1	47	RC	44	RC	46	RC	46	RC	
	BQL M HÒA2	46	RC	43	RC	42	RC	44	RC	
	BQL M HÒA3	43	RC	43	RC	40	VP	42	RC	
	BQL M HÒA4	47	RC	48	RC	47	RC	46	RC	
	BQL M HÒA5	47	RC	45	RC	43	RC	45	RC	
	Trung bình cộng	46,00	/	44,60	/	43,50	/	44,60	/	RC
4c	BQL T.HÒA 1	49	RC	47	RC	46	RC	45	RC	

	BQL T.HÒA 2	43	RC	44	RC	36	VP	37	VP	
	BQL T.HÒA 3	41	RC	45	RC	45	RC	42	RC	
	BQL T.HÒA 4	45	RC	48	RC	41	RC	44	RC	
	BQL T.HÒA 5	36	VP	24	VP	35	VP	36	VP	
	Trung bình cộng	42,80	/	41,60	/	40,60	/	40,80		RC

Ghi Chú- TĐG: Tự Đánh Giá; VP: Vừa Phải; RC: Rất Cao

Cho dù kết quả điểm số cao hay thấp, thành viên của các BQLDA và VP.XĐGN đã thấu hiểu rõ ràng hơn những chức năng lãnh đạo mà họ cần thực hành vì lợi ích của người dân .

Những mức độ năng lực rất cao, vừa phải hay thấp nói trên có thể thay đổi tùy theo môi trường nhóm mà cá nhân đó tham gia và thể hiện các chức năng lãnh đạo. Nếu nhóm sinh hoạt dân chủ, tin tưởng và giao quyền rõ ràng cho từng cá nhân trong nhóm thì những cá nhân đó đều có cơ hội công bằng để phát huy năng lực lãnh đạo của họ. Tương tự, nếu các thành viên nhóm không tạo được sự ràng buộc nhóm để cùng nhau thực hiện mục tiêu chung của nhóm thì mọi người dù năng lực chuyên môn rất cao cũng khó phát huy được năng lực lãnh đạo nhóm đó.

Tóm lại, để nâng cao năng lực của các thành viên, lãnh đạo của các BQLDA và VP.XĐGN cũng nên tạo môi trường sinh hoạt an toàn, ràng buộc và dân chủ để mọi thành viên đều cải thiện các chức năng lãnh đạo của họ.

D.2.3. Thái Độ Đúng Mục Khi Làm Việc Với Người Dân

Theo Bảng 20, đa số (75%) các nhóm CB-NV đạt thái độ “tốt” đối với người dân. Chỉ một đội ngũ có thái độ vừa phải.

Bảng 20. Tự Đánh Giá Thái Độ Làm Việc Của Các BQLDA Đối Với Người dân

CHỨC DANH	ĐIỂM SỐ	TỰ ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN		TOÀN NHÓM	
		Bình Quân	Mức Độ	Bình Quân	Mức Độ
AAV's PO	81	4.40	Tốt	4.40	Tốt
BQL Huyện A	85	4.72	Rất tốt	3.26	Vừa Phải
BQL Huyện B	81	4.40	Tốt		
BQL Huyện C	75	4.17	Tốt		
BQL Huyện D	67	3.72	Tốt		
BQL Xã HMT A	67	3.72	Tốt	4.16	Tốt
BQL Xã HMT B	79	4.39	Tốt		
BQL Xã HMT C	73	4.05	Tốt		
BQL Xã HMT D	66	3.67	Tốt		
BQL Xã HMT E	82	4.55	Rất tốt		
BQL Xã HMT F	79	4.39	Tốt		
BQL Xã HMT G	79	4.39	Tốt		
BQL Xã TH. HÒA A	72	4.00	Tốt	4.25	Tốt
BQL Xã TH. HÒA B	82	4.55	Rất tốt		
BQL Xã TH. HÒA C	72	4.00	Tốt		
BQL Xã TH. HÒA D	74	4.11	Tốt		
BQL Xã TH. HÒA E	81	4.40	Tốt		
BND Ấp Giồng Dài A	77	4.28	Tốt	4.48	Tốt
BND Ấp Giồng Dài B	77	4.28	Tốt		
BND Ấp Giồng Dài C	82	4.55	Rất tốt		
BND Ấp Giồng Dài D	87	4.83	Tốt		
TC: 21 CB-NV			Tốt: 17; đạt 81% Rất tốt: 4; đạt 19%		Tốt: 75%; Vừa phải: 25%

Ghi chú. BQ: Bình quân;
VP: Vừa phải;

Thái độ làm việc của các đội ngũ CB-NV đối với người dân trong những dự án phát triển được liệt kê dưới dạng các chỉ báo phát triển nhằm và để các đội ngũ CB-NV thuộc DA6/AAV sử dụng để tự đánh giá là để giúp họ có thêm kiến thức cụ thể về vai trò của người làm phát triển. Điều chỉnh bản thân theo những chỉ báo chưa đạt hay đã tự cho điểm thấp, thì kể như các CB-NV trong BQLDA đang tham gia tích cực vào tiến trình phát triển của chính bản thân của họ. Có như thế họ mới xứng tầm phục vụ đắc lực cho người dân nghèo, thiệt thòi trong DA6/AAV.

D.3. Những Mong Muốn Của Người Dân Về Kế Hoạch Năm Năm Tới

Tất cả các nhóm dân địa phương bao gồm cả các BQLDA huyện, xã đã viết lên giấy những mong muốn của cá nhân họ có liên quan đến kế hoạch DA6/AAV trong những năm tới (xem Phụ Lục 6: 75). Chúng là nguồn tham khảo giá trị để xây dựng kế hoạch trung hạn 2008- 2013 cho DA6/AAV.

D.4. Tăng Trưởng Kinh Tế Nâng Lên Và Hộ Nghèo Thuộc DA6/AAV Giảm Đi

D.4.1 Tiêu Chí Kinh Tế Xã Hội Để Xếp Hạng Hộ Gia Đình Giàu- Nghèo

Sau đây là những tiêu chí kinh tế, xã hội được những nhóm dân- bao gồm 49 đại diện hộ là nam giới và phụ nữ, đề xuất dựa trên cơ sở thực tế tại địa phương mà họ trải nghiệm và nhận thức được.

Nhóm A, có mức sống trung bình (VP): Đủ ăn, không thiếu, không dư. Đất: 10- 15 công;
Nhóm B, có mức sống nghèo (N): Con đông, đi làm không đủ ăn, đi làm thuê- làm mướn.
Đất từ 1- 2 công.

Nhóm C, có mức sống rất nghèo (RN): Nhà cửa dột nát, con cái không được đi học, áo quần không đủ mặc, không đủ ăn, tuổi già, có thân nhân bệnh hoạn. Không đất

D.4.2 Xếp hạng kinh tế xã hội

Kết quả Bảng 21 cho thấy, có 59.18% hộ thuộc nhóm A; 24.49% hộ thuộc nhóm B; và 16.33% thuộc nhóm C.

Bảng 21. Xếp Hạng Kinh Tế- Xã Hội

Nhóm Được Xác Định	Các Mức Độ Xếp Hạng Được Xác Định	Số Lượng	Tỉ Lệ
A	Trung Bình	29	59,18
B	Nghèo	12	24,49
C	Rất nghèo	8	16,33
3 loại nhóm		49	100,00

Dĩ nhiên, những tiêu chí xếp hạng kinh tế xã hội trên phải thay đổi tùy theo điều kiện sống của từng địa phương. Quan trọng là kỹ thuật này có khả năng giúp người dân trong cùng một địa phương xác định và xếp hạng một cách công khai, minh bạch, và hợp lý các mức độ giàu hay nghèo của các hộ gia đình. Ngoài ra, họ cũng dễ dàng nhận ra hơn sự phát triển kinh tế xã hội cụ thể của gia đình họ sau một thời gian tham gia DA6/AAV. Cũng nên sử dụng kỹ thuật này trong trường hợp lấy quyết định về những người được ưu tiên vay mượn vốn của DA6/AAV. Làm được như vậy, người dân sẽ nâng cao tự trọng để thể hiện tốt trách nhiệm hoàn trả vốn vay mượn trước đó và thực hành đầy đủ quyền sở hữu của họ đối với DA6/AAV.

D.5. Sự Cải Thiện Điều Kiện Kinh Tế Xã Hội Của Người Dân

D.5.1. Cuộc Sống Người Dân Được nâng cao

Có năm mươi bảy (57) đại diện hộ gia đình hưởng lợi từ DA6/AAV tham gia vẽ biểu đồ ‘đường sống thẳng trâm’. Theo Bảng 26, đa số (57,89%) người dân này đều thuộc nhóm nghèo khi bắt đầu DA6/AAV. Số ít (24,56%) họ hơn có cuộc sống vừa phải. Còn những hộ rất nghèo chỉ chiếm tỉ lệ 15,59%. Những tỉ lệ này đã thay đổi một cách ý nghĩa vào tháng 6- 2008. Vào thời điểm đợt lượng giá giữa kỳ này xảy ra, đã không còn bất cứ hộ rất nghèo nào nữa. Số hộ thuộc nhóm nghèo đã giảm đáng kể chỉ còn tỉ lệ 29,82%. Trong khi đó, số hộ trung bình (57,89%) và khá (12,08%) cũng tăng lên rất nhiều.

Bảng 22. Cuộc Sống Đang Phát Triển Của Người Dân

Thời Điểm	Nhóm Khá		Nhóm Trung Bình		Nhóm Nghèo		Nhóm Rất Nghèo	
	Số Lượng	Tỉ Lệ	Số Lượng	Tỉ Lệ	Số Lượng	Tỉ Lệ	Số Lượng	Tỉ Lệ
Năm 2003	1	1,75	14	24,56	33	57,89	9	15,79
Năm 2008	7	12,08	33	57,89	17	29,82	0	0

Rõ ràng, tất cả các hộ kể trên đều hưởng lợi rất nhiều từ DA6/AAV. Chắc chắn, những hộ đã thoát nghèo và vươn lên mức sống trung bình hoặc khá (69,97%) không cần sự hỗ trợ tài chính từ DA6/AAV nữa. Tuy vậy, cũng cần một khoản kinh phí dự phòng vừa phải cho một số hộ rủi ro trong sản xuất và/ hay liêu lĩnh với những việc làm mới thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp.

Cũng chính Bảng 22 cho thấy việc chọn lựa đối tượng hưởng lợi trước đây trong mảng hoạt động ANLT là không hợp lý. Đã có 24,56% hộ trung bình và 1,75% hộ khá giả được vay vốn từ DA6/AAV. Dĩ nhiên, những thiếu sót này là do năng lực hạn chế của CB-NV của DA6/AAV lúc bấy giờ. Tuy vậy, không thể không xem xét lại và loại ra những trường hợp hưởng lợi bất hợp lý để những người dân nào đó thôi than phiền rằng “ *Tôi hầu như không hưởng lợi gì cả vì họ nói là tôi phải chờ. . . nhưng chờ cái gì? Chờ bao lâu? Tôi không biết!!!*”. Dù sao, đây là bài học kinh nghiệm quý giá nhất là khi nó có liên quan đến những giá trị công bằng, tin cậy mà người dân không bao giờ muốn đánh mất.

Tóm lại, sau hơn bốn năm vận hành, DA6/AAV đã giúp người dân cải thiện cuộc sống của họ nhưng vẫn để xảy ra những bất hợp lý trong việc xét duyệt đối tượng hưởng lợi trong mảng hoạt động ANLT.

D.5.2. Thu nhập Bình Quân Đầu Người

Theo Bảng 23, có hai mươi hộ cung cấp thông tin về số nhân khẩu trong gia đình và khoản thu nhập hàng tháng của họ. Tỉ lệ người kinh chiếm 85% và tỉ lệ người Khmer là 15%. Tổng thu nhập hàng tháng của 20 gia đình này là 19.190.000đ. Do vậy, bình quân đầu người được tính là 345.550đ/ tháng.

Bảng 23. Thu Nhập Bình Quân Đầu Người Của Cộng Đồng Người Hưởng Lợi CTPT-H. Cầu Ngang

	Số Lượng	Tỷ Lệ %	Thu Nhập Đầu Người/Th
Hộ Dân Tộc Khmer Cung Cấp Thông Tin (CCTT)	03	15,00	/
Hộ Dân Tộc Kinh CCTT	17	85,00	
Tổng Cộng:	20	100,00	
Nhân khẩu trong hộ Dân Tộc Khmer CCTT	14	14,43	/
Nhân khẩu trong hộ Dân Tộc Kinh CCTT	83	85,57	

Tổng Cộng:	97	100,00	
Tổng Thu Nhập hàng tháng của các hộ Dân Tộc Khmer	6.000.000đ	/	/
Tổng Thu Nhập hàng tháng của các hộ Dân Tộc Kinh	13.190.000đ		
Bình Quân Thu Nhập Đầu Người của Hộ Dân Tộc Khmer	/	/	428.571đ/th
Bình Quân Thu Nhập Đầu Người của Hộ Dân Tộc Kinh			262.530đ/th
Tổng Cộng:	19.190.000đ	/	345.550đ/th

Nhìn chung, với mức bình quân đầu người là 345.550đ/th, rõ ràng DA6/AAV đã có tác động đến hoạt động tăng thu nhập của người dân. Đặc biệt, những hộ gia đình người Khmer lại có mức thu nhập hàng tháng cao hơn nhiều khi so với mức thu nhập của hộ người Kinh. Được biết, trong hộ gia đình của người Khmer cũng có những thanh niên đi làm việc xa nhà. Tuy nhiên, đa số những thanh niên này đều gửi tiền về giúp gia đình hàng tháng. Trong khi đó, ở một số gia đình người Kinh, việc con cái đi làm ăn xa được xem là để “*họ tự tìm kiếm tương lai*”. Có gia đình, còn lo lắng, thương nhớ những đứa con không hề gửi tin tức về quê nhà kể từ khi ra đi!!!

Thật vậy, tình trạng thanh niên rời bỏ quê nhà để tìm việc làm nơi xứ lạ là phổ biến trong các xã. Đường như người dân bỏ liều vấn đề xã hội này mặc dù DA6/AAV đã nỗ lực tập hợp thanh niên vào dịp Tết Nguyên Đán để tuyên truyền về phòng chống HIV/ AIDS.

Mọi người đều biết rằng thanh niên tìm việc làm dễ dàng hơn và thu nhập cũng rất cao trong các thành phố lớn. Tuy nhiên, họ phải trả giá bằng một cuộc sống thiếu vắng cả tình yêu thương lẫn hỗ trợ của gia đình. Những điều này là rất quan trọng, nhất là khi họ phải ứng phó với những vấn đề phức tạp ở khu nhà trọ xa lạ hay những cám dỗ của nếp sống vật chất xa hoa. Những cám dỗ này đẩy thanh niên xa mãi vòng tay của gia đình và quê hương. Liệu có đáng chằng cho một cuộc đánh đổi như thế?!

Về phần DA6/AAV, thời gian qua, thanh niên không phải là nhóm mục tiêu để phải hỗ trợ họ và gia đình giải quyết những vấn đề của họ, bao gồm cả vấn đề có thể gọi là “*thanh niên chuyển dời chỗ ở vì tương lai tốt đẹp của họ*”. Tuy vậy, năm năm tiếp sau đây khi các em BTT bước vào lứa tuổi thanh niên hẳn phải thay đổi điều gì đó của dự án. DA6/AAV nên làm gì và làm như thế nào để chuẩn bị tốt cho các em ngay từ bây giờ để chúng có thể ứng phó với những nghịch cảnh mà các anh chị của chúng vẫn đang gánh chịu? Hy vọng, kế hoạch toàn diện mang tính chiến lược sắp tới của DA6/AAV sẽ trả lời rõ ràng những câu hỏi này.

D.6. Sự Cải Thiện Môi Trường Xã Hội Và Vật Chất Tại Bón Xã Thuộc DA6/AAV

D.6.1. Môi Trường Xã Hội Được Cải Thiện

Hầu hết cá nhân tham gia vào DA/AAV đều phát huy thêm những kỹ năng và kiến thức xã hội mà họ đã tiếp thu được từ những chuyên gia và tư vấn chuyên nghiệp. Ngoài ra, nhờ họ thực hành những kỹ thuật và phương pháp khoa học nên họ đã cải thiện đời sống kinh tế của họ, gia tăng mức độ tham gia sinh hoạt cộng đồng và trở nên tự chủ hơn. Về phần phụ nữ và người dân tộc Khmer, họ đã thực hiện vai trò sản xuất của họ tốt hơn và nâng cao hơn vị trí của họ trong gia đình cũng như ngoài cộng đồng.

Sự nâng cấp các lớp học reflect lên CLB-PTCĐ đã tạo được trước tiên, môi trường học tập theo nhóm thật thuận lợi. Đây là nhóm xã hội do chính người dân thành lập và sinh hoạt vì lợi ích lâu dài của người dân. Hành động tập thể với thành viên của những câu lạc bộ khác người dân hẳn phải thể hiện trách nhiệm của họ đối với cộng đồng để sống xứng đáng với phẩm giá của chính họ. Riêng đối với các UBND, ban ngành, đoàn thể, trường học, và AAV, tham gia vào DA/AAV là cơ hội để hoàn thành thêm những vai trò xã hội mới trong một cơ cấu tổ chức mới. Vì vậy, khả năng thích nghi của họ đã được phát huy. Ngoài ra, VP.XĐGN- một hợp phần tổ chức mới trong một hệ thống tổ chức mới, đã học hỏi được

hiều phương pháp làm việc mới và thú vị để quản lý một cách hiệu lực DA/AAV, một chương trình phát triển của người dân và tập trung vào sự phát triển của người dân.

Các cộng đồng ấp, xã, dân tộc Kinh, dân tộc Khmer đã làm việc cùng nhau vì mục đích chung của một cộng đồng lớn hơn. Đó chính là mục đích tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo của toàn dân Việt Nam.

Sự giao thoa giữa ba nền văn hóa Kinh- Khmer- Anh trong DA/AAV đã tạo cơ hội cho các dân tộc học hỏi, trao đổi kinh nghiệm sống và lao động với nhau. Vì vậy, nhận thức và thực hành của họ về hòa nhập xã hội và bình đẳng dân tộc đã được nâng lên nhiều hơn.

D.6.2. Môi Trường Vật Chất Được Cải Thiện

Nhờ sự hỗ trợ tài chính của DA/AAV, một số hoạt động xây dựng như nhà vệ sinh, trải xi măng sân trường đã được thực hiện trong các trường học. Những hoạt động này đã tác động tích cực đến nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của các em. Ngoài ra, một số giếng nước ngầm được đào nhằm hỗ trợ nguồn nước tưới cho các vụ mùa cũng được người dân sử dụng cho sinh hoạt hằng ngày. An toàn thực phẩm và nguồn nông sản cũng là những kinh nghiệm sống thêm vào nhờ tác động tích cực từ các giếng nước được đào này.

IV. KẾT LUẬN- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Kết Luận

Nguồn lực đầu tư phong phú - đặc biệt là nhân lực, đã giúp duy trì và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của DA/AAV trong giai đoạn mới 2008- 2013; trong đó, những thực hành quản lý có sự tham gia và phát triển tổ chức dân sự có thể giúp phát triển bền vững người dân, đặc biệt, người nghèo và thiệt thòi.

Bài Học Kinh Nghiệm

1. Xây dựng một hệ thống tổ chức hoạt động cho sự phát triển con người bên cạnh một hệ thống tổ chức hành chính hiện hành là một nỗ lực to lớn nhằm tập trung tối đa các nguồn lực vào sự phát triển của người dân. Để hệ thống tổ chức trước vận hành một cách hiệu lực, cần phải thực hành truyền thông hai chiều đều đặn và đúng lúc trong toàn hệ thống này. Vì vậy, cần tuyển dụng một đội ngũ nhân sự chuyên trách, ủy thác chính thức trách nhiệm và quyền hành cho họ và ưu tiên phát triển năng lực không ngừng cho họ. Thực hiện được như thế, đội ngũ CB-NV này mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ điều phối của họ;
2. Trong phạm vi hoạt động của một chương trình phát triển cộng đồng qui mô, việc xây dựng một tầm nhìn của cộng đồng người hưởng lợi là rất quan trọng. Tầm nhìn hay ước mơ hầu như không đạt được nhưng trong khi nó giao thoa với các khía cạnh tinh thần hay giá trị của con người và vật thể hay tổ chức tầm nhìn dẫn dắt cộng đồng, nhóm xã hội và cá nhân con người vào một tiến trình phát triển ưu việt nhất vừa thức tỉnh niềm hy vọng và tự chủ bên trong họ để họ có thể ứng phó một cách hiệu lực với mọi thách thức cuộc sống;
3. Tôn trọng văn hóa địa phương hay “nhập gia tùy tục” là một trong những nguyên tắc rất quan trọng đối với những cá nhân hay nhóm/ tổ chức làm phát triển. Ở Việt Nam, hệ thống tư tưởng của Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã trở thành một hợp phần mang ý nghĩa sâu sắc. Nghiên cứu và thực hành đúng theo lời Bác dạy, các tiến trình phát triển người dân sẽ được thuận lợi. Về một số tập quán như ‘xin-cho’, ép mình theo cơ chế hành chính máy móc ‘trên nói- dưới nghe’, lấy quyết định bằng cách bắt thăm may- rủi, ‘nhất thân, nhì thế’,v.v...)

cần can đảm loại bỏ chúng gây bất lợi cho tiến trình tham gia và tăng quyền lực của người dân để tiến trình phát triển người dân đạt hiệu quả cao;

4. Tham gia và tăng quyền lực là hai tiến trình không thể tách rời nhau. Trong khi tham gia của người dân được nâng lên từng mức độ cao hơn thì tăng quyền lực lại tạo điều kiện nâng cao ý thức và năng lực thực hành của họ về quyền và trách nhiệm. Nhờ hai tiến trình này, cộng đồng người dân mới có đủ năng lực để thực hiện chức năng xã hội của họ. Những năng lực này bao gồm việc nắm vững và thực hành thường xuyên một số phương pháp và kỹ thuật khoa học nhân văn, tối thiểu là quản lý có sự tham gia, năng động nhóm/ tiến trình nhóm nhỏ, giáo dục người trưởng thành theo chu trình học dựa vào kinh nghiệm. Được như thế, người dân dần dần trở nên tự lực để phát triển bền vững chính họ;
5. Quản lý có sự tham gia là phương pháp mang tính quyết định sự bền vững của các chương trình phát triển. Trong bối cảnh Việt Nam, nó còn là công cụ tối ưu để chuyển tải một cách hiệu lực Nghị Định Dân Chủ Cơ Sở và chiến lược Tăng Trưởng Toàn Diện Và Xóa Đói Giảm Nghèo của Nhà nước.

Phụ Lục 1:**LỊCH CÔNG TÁC THĂM THỰC ĐỊA**

Ngày	10/6	11/6	12/6	13/6	14/6	15/6
Sáng	Họp hướng dẫn Tập huấn công cụ	Xã Mỹ Hòa Họp điều chỉnh công cụ cuối ngày	Xã Hiệp Mỹ Đông Họp điều chỉnh công cụ cuối ngày	Thị trấn Cầu Ngang Cuối ngày, họp giám sát việc lấy thông tin	Xã Hiệp Mỹ Tây Họp điều chỉnh công cụ cuối ngày	Xã Thuận Hòa Họp lượng giá tập huấn, tổng kết đợt công tác
Chiều	Thông nhất kế hoạch phân công					
Tối			Lượng giá lớp REFLECT ở 4 xã			

PHÂN CÔNG NHÓM

Nhóm Ánh Sáng Ở bốn xã	Nhóm Bình Đẳng Ở bốn xã	Cả Bốn Nhóm Ở H.Cầu Ngang	Nhóm Dân Quyền Ở bốn xã	Nhóm Chung Sức Ở bốn xã
Sáng: Nhóm Đại diện Hộ; thăm 1 hộ <u>CD</u> : <u>Chủ Đề (CD)</u> : Nghèo; Ước mơ <u>CC</u> : <u>Công Cu (CC)</u> : ABC; Đường sống thẳng trâm; thu nhập/nhân khẩu; thảo luận nhóm “thời giá”	Sáng: Nhóm Phụ nữ; thăm 1 hộ <u>CD</u> : Giáo dục; Giới; Tăng quyền lực; Vốn vay <u>CC</u> : đau khổ-hạnh phúc; Thu-Chi/ Người; Lấy quyết định, Xếp loại 3 chủ đề theo hiệu quả/ tốt&không tốt, thảo luận kế hoạch 2 năm tới/ đóng góp cho DA6	Sáng: Phó Chủ Tịch UBND, các phòng, đoàn thể huyện <u>CD</u> : nâng cao năng lực cán bộ- cơ chế khen thưởng, khuyến khích trách nhiệm Cán Bộ tham gia DA6; đánh giá mức độ thành công; tầm nhìn của DA6; khó khăn thuận lợi trong cộng tác với AAV (tầm nhìn, chiến lược R-BA ..v..v.); Kế hoạch chỉ đạo 2 năm tới. <u>CC</u> : Phỏng vấn chính thức	Sáng: Nhóm BQLDA Xã; thăm 1 hộ giàu-khá của Xã <u>CD</u> : Reflect, HIV; Giáo dục; Giới; Tăng quyền lực; Xây dựng năng lực CB cả 4 cấp độ; mô hình; vốn vay; kinh nghiệm để có được mức sống khá-giàu. <u>CC</u> : Xếp loại hoạt động theo hiệu quả/ tốt&không tốt; phân tích SWOT; kế hoạch 2 năm tới/ mong đợi những gì; hạnh phúc- đau khổ	Sáng: Nhóm Trẻ nam & nữ; thăm 1 hộ trẻ nam <u>CD</u> : Giáo dục; Giới; Tăng quyền lực/ quyền trẻ em; Tự tin-tự trọng; <u>CC</u> : Kim cương-Bông hoa; Biểu đồ buồn-vui ở nhà & trường học; Xếp loại 3 chủ đề theo hiệu quả/tốt&không tốt; vẽ tranh ước mơ; mong đợi ở DA
Chiều: Nhóm Nam ND; thăm 1 hộ <u>CD</u> : Giới, Mô hình, Vốn vay <u>CC</u> : Lấy quyết định GD&CD, Xếp loại 3 chủ đề theo hiệu quả/ tốt&không tốt, phân tích SWOT; thảo luận kế hoạch 2 năm tới/ đóng góp cho DA6	Chiều: Nhóm Nam Nữ TN; thăm 1 hộ nữ thanh niên <u>CD</u> : HIV; Giáo dục, Giới <u>CC</u> : Kim cương-Bông hoa-Hạt sạn; Lấy quyết định, Xếp loại 3 chủ đề theo hiệu quả/ tốt&không tốt, kế hoạch 2 năm tới/ đóng góp cho DA6; tài sản, công cụ sản xuất, gia súc chăn nuôi, đường sống thẳng trâm	Chiều: VP.XĐGN, các Nhóm Cộng tác viên <u>CD</u> : Reflect; Giáo dục, Giới; mô hình; vốn vay <u>CC</u> : Xếp loại 3 chủ đề theo hiệu quả/ tốt&không tốt, thảo luận kế hoạch 2 năm tới/ đóng góp cho DA6; phân tích SWOT.	Chiều: Nhóm PTA Ấp; thăm 1 hộ trung bình của Ấp <u>CD</u> : Reflect, HIV; Giáo dục; Giới; Tăng quyền lực; năng lực CB cả 4 cấp độ; mô hình; vốn vay; kinh nghiệm để có mức sống trung bình. <u>CC</u> : Xếp loại 8 chủ đề theo hiệu quả/ tốt&không tốt; SWOT, kế hoạch 2 năm tới/ mong đợi; hạnh phúc- đau khổ	Chiều: Nhóm trẻ Nữ; thăm 1 hộ trẻ nữ <u>CD</u> : Tự tin- tự trọng; tự bảo vệ. <u>CC</u> : Kim cương-Bông hoa; thảo luận & phân tích; mong đợi những gì; BĐ tài sản, công cụ sản xuất, gia súc chăn nuôi, đường sống thẳng trâm

Kết quả mong đợi ở mỗi nhóm:

1. Tất cả ghi chép phải thể hiện trên công cụ được sử dụng trước nhóm dân, rõ ràng, sạch sẽ. Sau đó, bổ sung nhận xét của NĐG;
2. Tất cả bảng biểu, bản đồ, phỏng vấn cá nhân. . . phải nộp đủ vào cuối mỗi ngày thăm thực địa cho TS. Tuyết Nương, có ký giao- nhận

Phụ Lục 2: TẬP HUẤN PRA

Mục tiêu ngày học

Tham dự viên nâng cao năng lực quản lý có sự tham gia trong Chương trình phát triển huyện Cầu Ngang (dự án DA6/AAV)

Mục tiêu cụ thể: Vào cuối ngày học, tham dự viên:

1. Thừa nhận và phát huy những giá trị bản thân;
2. Nắm vững một số khái niệm được sử dụng trong đợt đánh giá giữa kỳ DA6;
3. Sử dụng khá thành thạo một số công cụ của phương pháp PRA;
4. Lấy quyết định về kế hoạch đợt đánh giá giữa kỳ DA6.

Tham dự viên

CB-NV-CTV tham gia Chương Trình Phát Triển tại Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh.

Tập huấn viên

- Th.s Nguyễn Thị Tuyết Lê và
- TS. Trương Thị Tuyết Nương

Lịch Tập Huấn

Thời Gian	Nội Dung	Phụ trách
8g00	- Giới thiệu- Làm quen - Sơ nét về CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HUYỆN CẦU NGANG (DA6) - Chu trình quản lý có sự tham gia	- Cẩm Thúy + P.Anh - Cẩm Thúy - T. Lê
8g45	- Mục tiêu ngày học; - Khám phá và phát huy những giá trị bản thân thích nghi với đợt đánh giá giữa kỳ; - Khái niệm “ Lượng giá giữa kỳ có sự tham gia”	Tuyết Lê
9g45	Giải lao	
10g00	- Mục đích đợt LGGK-DA6; - Khung khái niệm cho đợt LGGK-DA6; - Nội dung tham gia của người dân trong đợt LGGK-DA6. - Thảo luận phân chia thành viên và phân công vào 4 nhóm đánh giá	- Tuyết Lê - Phi Anh + T.Lê
11g00	Nghỉ trưa	
13g30	- Thực hành kỹ thuật- công cụ LGGK-TG;	- T.Lê + học viên chia ra 4 nhóm ĐG
15g00	Nghỉ giải lao	
15g15	- Quyết định kế hoạch thực địa đợt LGGK-DA6; - Thông báo một số công việc hậu cần	- T.Lê + P.Anh - Cẩm Thúy
16g20	- Lượng giá ngày học.	- T.Lê
16g30	Nghỉ	

Ghi chú: Việc theo dõi tập huấn sẽ được tiến hành trong 5 ngày đi thực địa và 4 lần họp nhóm đầu tiên vào cuối mỗi buổi chiều sau khi đi thực địa.

Phụ Lục 3.**Công Cụ*****Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động***

NỘI DUNG PHÂN TÍCH	HD ANLT		HD	HD	HD	HD	HD# (nếu có)	
	MH	VV	GD	YT	G	NL	A	B
Ích lợi:								
1.	1	8	6	4	7	3	2	5
2.	4	3	6	7	8	5	2	1
3.	4	6	8	3	5	2	1	7
...v ...v....								
Không bất lợi:								
1.	1	8	6	4	7	3	2	5
2.	4	3	6	7	8	5	2	1
3.	4	6	8	3	5	2	1	7
...v ...v....								
Cộng điểm:	18	34	40	28	40	20	10	26
Xếp hạng:								

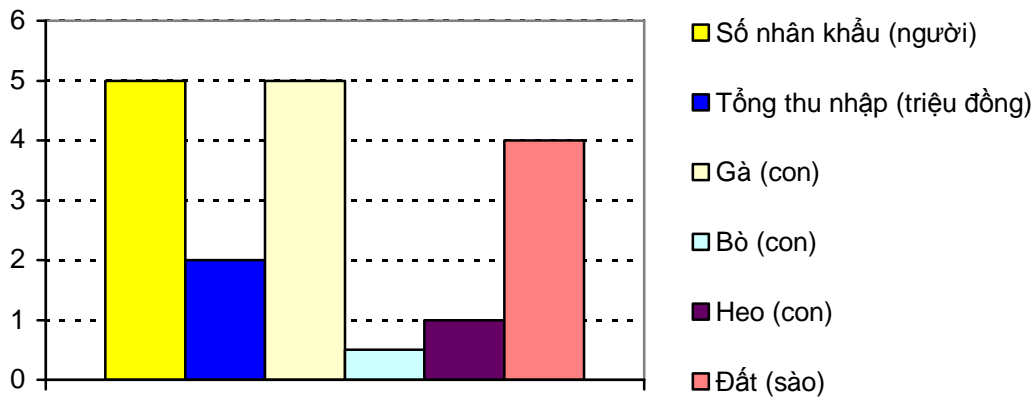
Xếp Hạng Các Mảng Hoạt Động Theo Hiệu Quả

THÀNH QUẢ CỦA TỪNG HOẠT ĐỘNG	HD ANLT		HD	HD	HD	HD	HD# (nếu có)	
	MH	VV	GD	YT	G	NL	A	B
1.	+	+++	++	+	+++	++	+++	+
2.	++	+	+++	++	+	+	+	+
3.	++	+++	+	+++	+++	+++	+	++
...v ...v....								
Cộng điểm:	5	7	6	6	7	6	5	4
Xếp hạng:	6	1	3	3	1	3	6	8

Phỏng Vấn Cá Nhân Người Dân Hưởng Lợi Từ DA6/AAV

1. A/C/E/C và còn những ai khác trong gia đình đã tham gia các mảng hoạt động của DA6?
2. Cuộc sống của A/C/E/C và gia đình hiện nay có gì khác so với thời gian trước kia, lúc chưa tham gia DA6?
 - 2.1 Mức thu- chi; (nên sử dụng biểu đồ phân tích kế sinh nhai) gia cố nhà;
 - 2.2 Trình độ học vấn, kỹ năng- hiểu biết về các việc làm và XH;
 - 2.3 Sức khỏe- HIV/AIDS: tình trạng- hiểu biết- thực hành phòng ngừa;
 - 2.4 Bình đẳng giới: hiểu biết – thực hành quyền;
 - 2.5 Tham gia tự nguyện các vụ việc cộng đồng Ấp, Xã- mở rộng các mối quan hệ XH;
 - 2.6 Hiện nay, cảm giác của A/C/E/C như thế nào?
3. Để có được cuộc sống như hiện nay,
 - 3.1 A/C/E/C đã làm những gì/ cố gắng thế nào để vượt qua những khó khăn?
 - 3.2 Các cơ quan & tổ chức đã làm gì để hỗ trợ A/C/E/C và những người dân khác trong Ấp, Xã?

Ghi chú: Nếu là trường hợp điển hình, người đánh giá cần lấy thêm thông tin về tiểu sử gia đình/ cá nhân, ước mơ và kế hoạch cuộc sống tương lai của họ.

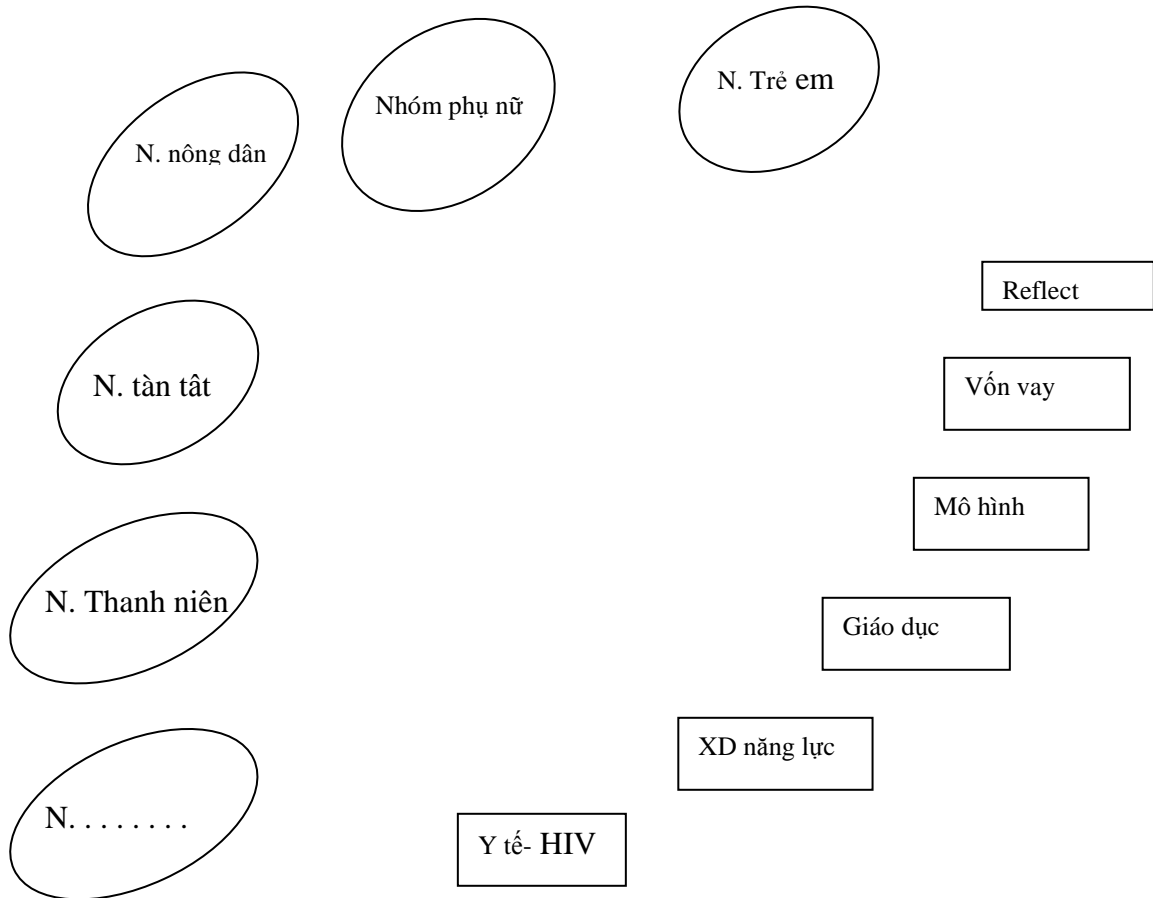
Phân Tích Kế Sinh Nhai**Phỏng Vấn Cá Nhân Cán Bộ Huyện**

1. Vị trí của DA6 trong toàn bộ chương trình hành động/ cơ cấu tổ chức của UBND Huyện & Xã/ Phòng GD/ Y tế/ Nông nghiệp? (thể hiện bằng sơ đồ tổ chức DA6) Việc tiếp nhận/ triển khai và quản lý DA6 được dựa vào những chủ trương, chính sách nào? (giảm nghèo/ các chiến lược GN QG, quyền của người dân, pháp lệnh công chức...)?
2. Những mảng hoạt động chính của DA6 đạt hiệu quả như thế nào? (Nhờ các yếu tố nào?)
3. Mức độ/ cường độ tham gia của người dân vào DA6 như thế nào? (có thể vận dụng ND 29 & 79 của Chính Phủ hay cường độ tham gia của LHQ)
4. DA6 đã đáp ứng được những nhu cầu và lợi ích giới như thế nào?
5. Phân tích Mạnh-Yếu-thời cơ-không thuận lợi của DA6?
6. Kế hoạch củng cố, phát triển DA6 trong hai (02) năm tới?
7. Những mong muốn, đề nghị về DA6 và việc đối tác với AAV và CBNV của họ?
8. Trong quá trình chỉ đạo-quản lý DA6, bản thân cán bộ, cơ quan tham gia DA6 đạt được những lợi ích gì? (nâng cao khái niệm bản thân & phát triển bản thân, nâng cao năng lực theo bốn cấp độ; các cơ hội thực hành dân chủ cơ sở, xem xét lại chế độ làm việc, khen thưởng...)
9. Kinh nghiệm có được từ DA6 (tiếp cận đổi mới & dựa trên quyền; bình đẳng giới, quản lý có sự tham gia...) có được ứng dụng vào việc quản lý, thực hiện các hoạt động vốn có của cơ quan không? như thế nào?
10. Những ý kiến khác (nếu có)?

Phỏng Vấn Cá Nhân Cán Bộ Xã, CB AAV

1. Vui lòng cho biết công việc và cách làm (phương pháp- kỹ thuật/ tiến trình phát triển- tăng quyền lực- tham gia- nhóm...) của Ô/B/A/C trong quá trình quản lý DA6?
2. Những điều khiến Ô/B/A/C thích thú khi quản lý/ tham gia DA6?
3. Cho đến bây giờ, còn những điều gì khiến Ô/B/A/C lo lắng/ không vui khi tham gia/ quản lý DA6?
4. Ô/B đã đóng góp những gì cho việc xây dựng kế hoạch hai (02) năm tới của DA6? Có cần thêm bớt những gì nữa?
5. Ô/B/A/C có thể phát biểu ngắn gọn về DA6 như thế nào?

Biểu Đồ Nhóm Hưởng Lợi



Tự Đánh Giá Năng Lực Lãnh Đạo¹

Vui lòng đánh dấu chéo vào ô thích hợp

	Là một thành viên trong Ban Quản Lý DA/AAV, tôi:	Tự cho điểm						
		1	2	3	4	5	6	7
1.	biểu lộ trung thực cảm xúc của mình với các thành viên khác;							
2.	tỏ thái độ hiểu biết các thành viên khác;							
3.	hỏi lại cho rõ ràng cảm xúc của các thành viên khác;							
4.	đề nghị và xác định giới hạn của từng vấn đề/ vụ việc;							
5.	kết bạn với các thành viên khác;							
6.	yêu cầu những thành viên khác có hành vi đúng đắn;							
7.	sắp xếp suy nghĩ/ tư duy thành khái niệm;							
8.	tác động và chấp nhận mọi phản ứng của các thành viên khác;							
9.	kiểm soát được thời gian của mình và của các thành viên khác;							
10.	đối thoại với các thành viên khác khi mâu thuẫn xảy ra;							
11.	giải thích chính xác câu phát biểu của các thành viên khác							
12.	khen ngợi thành thật các thành viên khác;							
13.	chấp nhận các thành viên khác;							
14.	thúc đẩy hô hào các thành viên khác cùng làm việc;							
15.	nắm vững các hoạt động có liên quan đến các thành viên khác;							
16.	giải thích các tình huống để các thành viên khác tham gia vào;							
17.	tham gia tích cực và cùng đạt hiệu quả với các thành viên khác;							
18.	đưa ra những câu hỏi để các thành viên khác trả lời;							
19.	chia sẻ cảm xúc trung thực với các thành viên khác;							
20.	tóm tắt chính xác những phát biểu của các thành viên khác;							
21.	đề nghị các thủ tục cần tiến hành trong Ban quản lý;							
22.	thành thật với các thành viên khác;							
23.	thúc đẩy những thành viên khác tham gia mọi hoạt động của DA6 dù bị hiểu lầm thế này thế kia;							
24.	diễn dịch được các hành vi thành ý tưởng;							
25.	phát huy quan hệ gắn bó với các thành viên khác;							
26.	đối phó được mọi tình huống và đưa ra quyết định đúng đắn;							
27.	giúp các thành viên khác hiểu rõ kinh nghiệm của chính họ;							
28.	gây được cảm hứng ở các thành viên khác khi cùng làm việc trong DA6							

Vui lòng ghi vào bốn (04) bảng điểm dưới đây, cộng điểm của từng bảng rồi gửi về cho các TVV.

Câu	Điểm
1.
6.
10.
14.
17.
23.
28.

Câu	Điểm
2.
5.
12.
13.
19.
22.
25.

Câu	Điểm
3.
7.
11.
16.
20.
24.
27.

Câu	Điểm
4.
8.
9.
15.
18.
21.
26.

Xin cảm ơn sự cộng tác của các A/C

¹ Buenviaje, Orlando. Summer Training Course for Community Development Workers. Manila: ASI, 1997.
Lawrence, Norman. The Role of the Citizen and the Change Agent in the Community Process

Tự Đánh Giá Thái Độ Làm Việc Trong DA6/AAV²

Vui lòng đánh dấu chéo vào ô thích hợp:

	không bao giờ	rất ít khi	thỉnh thoảng	thường xuyên	luôn luôn	
1.Tôi						tôn trọng nhân phẩm và các giá trị của người dân
2.Tôi						đánh giá cao tiềm năng và nguồn lực có sẵn của người dân và cộng đồng DA6 và động viên người dân tận dụng chúng để xoay sở cuộc sống của họ.
3.Tôi						nhìn nhận tầm quan trọng của các cơ quan, tổ chức, mối quan hệ xã hội trong việc đáp ứng nhu cầu, tăng quyền lực và nâng cao trách nhiệm của người dân đối với việc tham gia quản lý DA6.
4.Tôi						tôn trọng quyền của người dân phải được giúp đỡ khi họ gặp tai ương và có nhu cầu cần được đáp ứng.
5.Tôi						tạo bầu không khí quan hệ xã hội thuận lợi để động viên người dân tăng trưởng và phát triển.
6.Tôi						nhìn nhận rằng người dân có quyền và trách nhiệm tham gia vào những vụ việc của cộng đồng, xã hội.
7.Tôi						tạo điều kiện để người dân học tập và tăng quyền lực để họ tham gia, hợp tác và làm việc hiệu quả cho cộng đồng, xã hội.
8.Tôi						tin tưởng rằng người dân muốn thay đổi và họ có thể thay đổi tốt hơn nhờ những tiến trình tập huấn nhận thức, nhóm, phát triển, tăng quyền lực và tham gia.
9.Tôi						hỗ trợ và động viên các Ban quản lý & nhân viên AAV thực hiện tốt vai trò và chức năng lãnh đạo & xúc tác cộng đồng của họ.
10.Tôi						Cung cấp thông tin và chia sẻ kinh nghiệm về kỹ thuật các khoa học với người dân
11.Tôi						tư vấn/ hướng dẫn người dân lên kế hoạch, phương pháp tổ chức và thực hiện các dịch vụ xã hội của họ.
12.Tôi						làm trung gian hòa giải/ làm cầu nối giữa người dân với các cơ quan/ tổ chức CT-XH trong quá trình phân tích và giải quyết khó khăn/ vấn đề của cộng đồng.
13.Tôi						hỗ trợ người dân tổ chức nhóm tự giúp như chăn nuôi/ trồng trọt/ tín dụng- tiết kiệm để các nhóm này có khả năng tự giúp đỡ lẫn nhau và kịp thời cùng nhau đối phó với tai ương trong cộng đồng.
14.Tôi						tạo điều kiện để người dân và các cơ quan/ tổ chức liên quan đến DA6 cùng làm việc chung và hợp tác chặt chẽ trong các mảng hoạt động.
15.Tôi						đưa ra sáng kiến rồi thực hiện các cuộc thảo luận, chuyên đề, nghiên cứu để tìm ra thật nhiều biện pháp nhằm giải quyết tốt khó khăn/vấn đề của cộng đồng.
16.Tôi						tạo cơ hội để người dân phấn đấu vươn lên trong cuộc sống vì đó một trong những nhu cầu chính đáng của họ.

	không bao giờ	rất ít khi	thỉnh thoảng	thường xuyên	luôn luôn	
17.Tôi						tin vào khả năng phát triển của các cơ quan/ tổ chức và cộng đồng cũng như khả năng mở rộng mối quan hệ xã hội của họ trong nội bộ cộng đồng và giữa cộng đồng với xã hội bên ngoài khi họ tham gia DA6.
18.Tôi						đánh giá cao và tạo điều kiện để người dân tự nguyện tham gia vào các mảng hoạt động của DA6.

Vui lòng ghi số các câu đã đánh dấu bên trên theo khung dưới đây rồi gửi về cho TVV.

	Các câu được đánh dấu số:
Không bao giờ
Rất ít khi
Thỉnh thoảng
Thường xuyên
Luôn luôn

Xin cảm ơn sự cộng tác của các A/C.

Niềm Vui & Lo Buồn Của Em

Vui nhất

5.....

4.....

3.....

2.....

1.....

0. Thứ

Thứ

Thứ

Thứ

Thứ

Thứ

Hôm nay

1.....

2.....

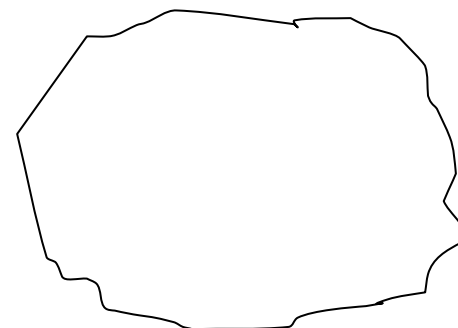
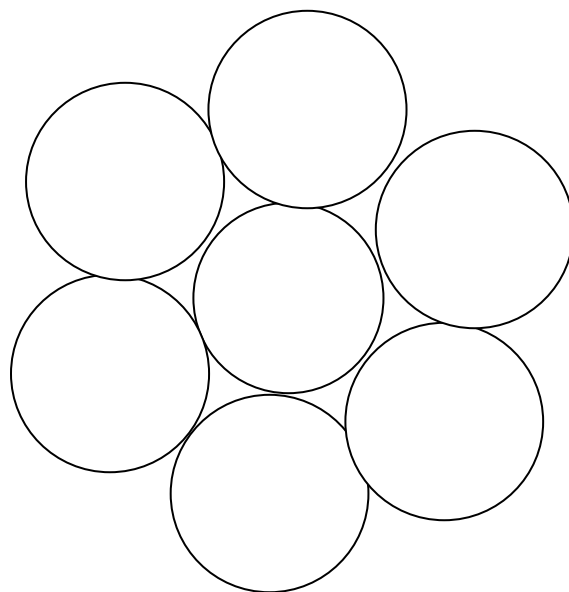
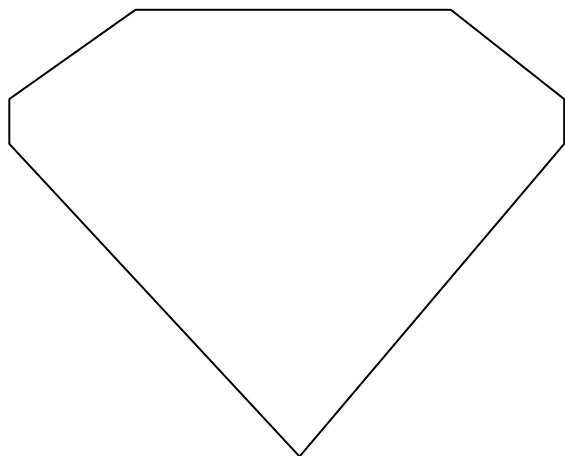
3.....

4.....

5.....

Buồn nhất

Kim Cương- Bông Hoa- Hạt Sạ Trong Em

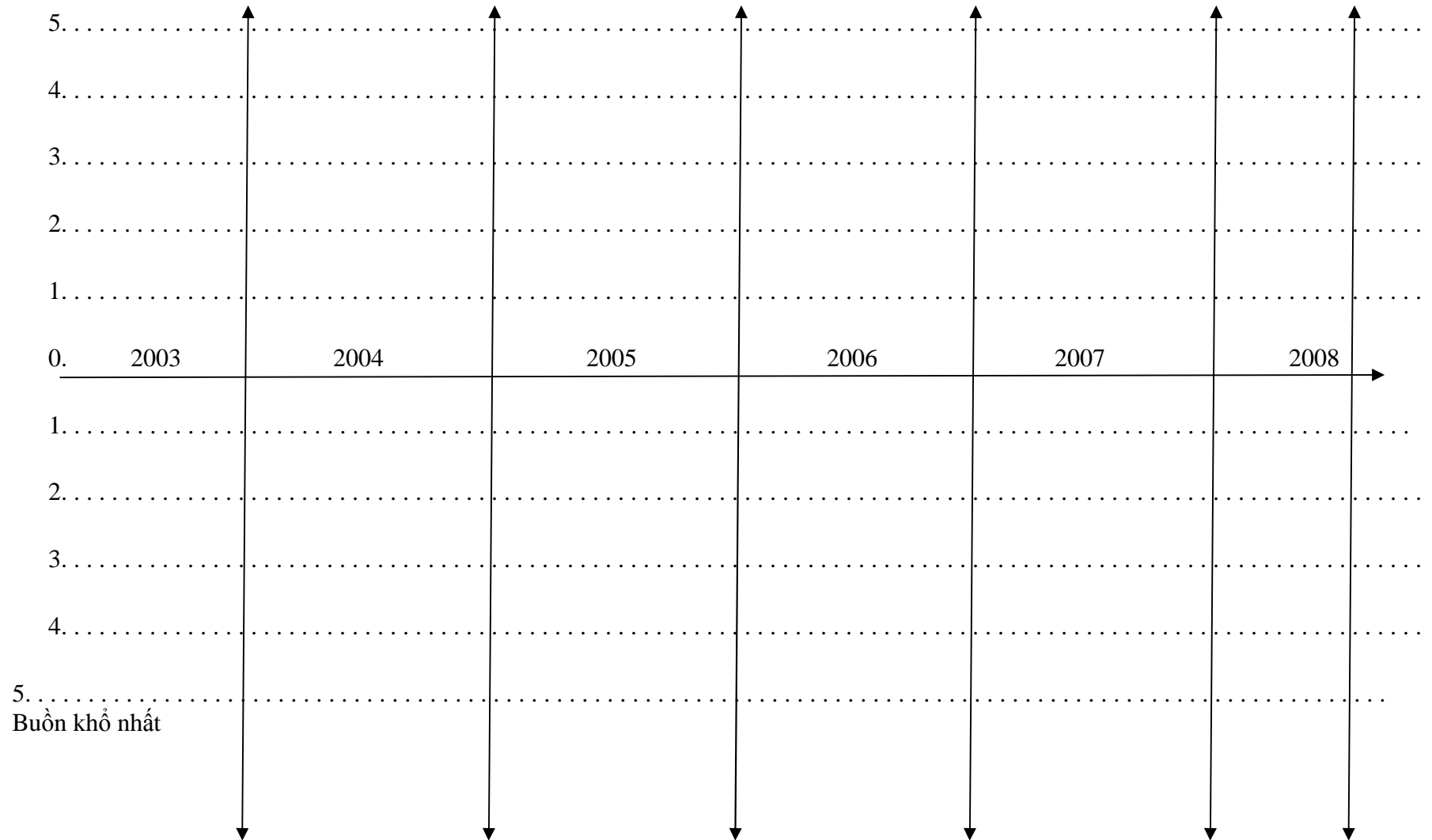


Người Nào Quý Mến Tôi?

Người quý mến tôi là ai?	Người này đã làm những gì cho/ vì tôi	Tôi chịu ảnh hưởng người này như thế nào?
1.	1.1 1.	1.1.1
2.	2.1	2.1.1
3.	3.1	3.1.1
4.	4.1	4.1.1
5.	5.1	5.1.1
6.	6.1	6.1.1

Hạnh Phúc- Buồn Khổ

Hạnh phúc nhất



Phụ lục 4 :**DANH SÁCH CÁN BỘ - NHÂN VIÊN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
TẠI HUYỆN CẦU NGANG THAM DỰ PHÒNG VẤN**

STT	Họ và Tên	Chức Vụ	Cơ Quan/ Đoàn Thể
1	Ông Lê Thanh Dũng	Phó Chủ Tịch	UBND Huyện Cầu Ngang
2	Ông Nguyễn Ngọc Du	Phó Trưởng Phòng	P. Giáo Dục H. Cầu Ngang
3	Bà Trần Thị Kim Chung	Chủ Tịch	Hội Phụ Nữ H. Cầu Ngang
4	Ông Từ Ái Xén	Trưởng phòng	Phòng Y tế H. Cầu Ngang
5	Bà Bùi Thị Cẩm Thúy	Phó Ban QLDA	VP. Xóa Đói Giảm Nghèo
6	Ông Phạm Hùng Cường	Cán Bộ Chương trình	VP. Xóa Đói Giảm Nghèo
7	Bà Phan Thị Ngọc Tú	Cán Bộ	VP. Xóa Đói Giảm Nghèo
8	Ông Nguyễn Huy Cường	Nhân Viên Kế Toán	VP. Xóa Đói Giảm Nghèo
9	Ô Trần Văn Ngọc	Phó Chủ Tịch	UBND Xã Hiệp Mỹ Đông
10	Ô Trương Văn Mên	Bí Thư Đảng Ủy	UBND Xã Mỹ Hòa
11	Ô Trần Long Hòa	Chủ Tịch	UBND Xã Thuận Hòa
12	Ô. Lê Minh Luân	Chánh Văn Phòng	UBND Xã Thuận Hòa
13	Ô Nguyễn Thanh Hùng	Bí Thư Đảng Ủy	UBND Xã Hiệp Mỹ Tây
14	Cô Lê Thanh Thảo	Phó Chủ Tịch	UBND Xã Hiệp Mỹ Tây
15	Ông Lê Thái Hòa	Hiệu Trưởng	Tr. Tiểu Học Xã Hiệp Mỹ Đông
16	Ông Thạch Hồng Toàn	Phó Hiệu Trưởng	Trường Tiểu Học Xã Thuận Hòa
17	Ông Sô Phiép	Phó Giám Đốc	TT Học Tập Cộng Đồng, T. Hòa
18	Ô Thạch Rịt Thi	Bí Thư Ấp	Ấp Trà Kim, Xã Thuận Hòa
19	Ô. Ngô Văn Kiêm	Bí Thư Ấp	Ấp Đồng Cò, Xã Hiệp Mỹ Đông
20	Ông Thạch Mương	Phó Bí Thư Ấp	Ấp Bào Sen, Xã Mỹ Hòa
21	Ô. Nguyễn Minh Cư	Bí Thư Ấp	Ấp Giồng Dài, Xã Hiệp Mỹ Tây
22.	Ths. Phạm Phi Anh	Cán Bộ Vùng DA 6	ActionAid Việt Nam

Phụ Lục 5 :**Mặt Mạnh-Yếu-Thời Cơ-Không Thuận Lợi của Tầng Mảng Hoạt Động****C.3.1. Các Mặt Mạnh- Yếu - Thời Cơ- Không Thuận Lợi Của Mảng Hoạt Động Reflect/ CLB- PTCD**

Các Mặt Mạnh - Yếu Được Người Dân Nhận Thức và Các Thời Cơ - Không Thuận Lợi Được Người Dân Nhận Diện

<p style="text-align: center;">C.3.1.1 - Mặt Mạnh</p> <p>Nhu cầu học tập của cộng đồng rất lớn; Chính quyền có khả năng kiểm soát an ninh trật tự ở địa phương; Tấm lòng của người dân: đoàn kết, giúp đỡ nhau; Chấp hành pháp luật; Học viên tham gia lớp tích cực, Học viên nhớ lâu Học viên áp dụng vào cuộc sống; Học viên biết áp dụng công cụ PRA cho cuộc sống; Nâng cao kiến thức đọc viết cho cộng đồng; Học viên biết cách tính toán để cải thiện đời sống; CLB-PTCD có khả năng tự duy trì hoạt động; CLB-PTCD có khả năng phối hợp với ban ngành Giáo viên người địa phương tận tâm; Hướng dẫn nhiệt tình của HDV; HDV học hỏi thêm kinh nghiệm từ cộng đồng; Nâng cao kỹ năng truyền thông của HDV; Nội dung học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, áp dụng cho cuộc sống; Phương pháp học hay, có sự tham gia của mọi người; Có tủ sách cộng đồng</p>	<p style="text-align: center;">C.3.1.2 - Mặt Yếu</p> <p>Trình độ dân trí còn thấp; Trường áp không hưởng phụ cấp nên → ít/ không đôn đốc học viên đến lớp reflect; Đời sống học viên khó khăn, không an tâm đi học; Ưu tiên cho việc làm thuê/mùa vụ; Tham dự lớp học reflect không đều; Học viên lớn tuổi mắt kém, ban đêm không thấy đường; Chữ viết còn chậm; Số lớp học chưa đáp ứng nhu cầu của địa phương (1 lớp/ấp trong khi có 7 ấp xã) Thiếu đèn pin khi di chuyển ban đêm; Đường xá đến lớp học trơn trượt vào các ngày mưa; Địa điểm sinh hoạt còn thiếu thốn; HDV chưa giải quyết được những vấn đề mà các thành viên CLB-PTCD đã nêu lên; Khả năng chuyên ngành y tế, nông nghiệp của HDV hạn chế; Phụ cấp HDV thấp so với thời giá; Điều phối viên xã chưa quan tâm lớp học reflect; Tài liệu tham khảo cho HDV còn hạn chế.</p>
<p style="text-align: center;">C.3.1.3 - Thời Cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Được sự hỗ trợ cán bộ chuyên môn của phòng giáo dục ➢ Được AAV hỗ trợ điều kiện học tập; ➢ Được sự hỗ trợ của BQL DA (chuyên môn, vật chất) 	<p style="text-align: center;">C.3.1.4 - Không Thuận Lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Trên 50% cán bộ quản lý ngành giáo dục chưa được đào tạo nghiệp vụ; ➢ Cán bộ ngành giáo dục chưa được bồi dưỡng phương pháp phát triển cộng đồng; ➢ Năng lực cập nhật thông tin về chuyên môn trong cán bộ ngành giáo dục còn hạn chế; ➢ Các cuộc tập huấn cho cán bộ ngành giáo dục chỉ chú ý đến kiến thức về phương pháp chưa chú ý đến kỹ năng.

C.3.2. Các Mặt Mạnh- Yếu- Thời Cơ- Không Thuận Lợi Của Mảng Hoạt Động ANLT

Các Mặt Mạnh - Yếu Được Người Dân Nhận Thức và Các Thời Cơ - Không Thuận Lợi Được Người Dân Nhận Diện

<p style="text-align: center;">C.3.2.1 - Mặt Mạnh</p> <p>Người dân cần cù chịu khó, có nhiều kinh nghiệm; Gia đình có nguồn lao động tuổi thanh niên; Lao động nhận thức tốt việc chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt; Nông dân tích cực, kiên trì lao động sản xuất ; Có khả năng áp dụng tiến bộ KHKT để nuôi trồng thủy sản, lúa màu; Sử dụng vốn cho việc tạo công ăn việc làm hợp lý; Có khả năng và trung thực việc hoàn trả vốn; Có khả năng nâng cao thu nhập cho cộng đồng; Quản lý tốt nguồn nước giếng tưới màu (# 191 ha); Sáng kiến ‘mượn đất trồng màu mùa khô’ được nông dân ủng hộ và nhân ra từng bước; Có khả năng trồng rau sạch, dưa hấu; Sức tiêu thụ rau sạch mạnh, tư thương đến tận nơi mua, thu nhập tiền lời cao (2vụ/năm) ; Một số người có uy tín và khả năng tổ chức tổ hợp tác để cung cấp rau sạch trong và ngoài Tỉnh; Nhiều hộ cải thiện và nâng cao mức sống gia đình (Bình quân đầu người # > 300,000đ) Đã có qui hoạch vùng sản xuất và có khả năng xuất bán nông sản ra ngoài huyện. Nhiều đất canh tác, địa tôm, trồng rau sạch; Hoàn thiện thủy lợi đáp ứng nhu cầu của dân; Có đủ phân hữu cơ cho việc trồng trọt.</p>	<p style="text-align: center;">C.3.2.2 - Mặt Yếu</p> <p>Hộ nghèo còn cao; Thanh niên đi làm ăn xa, Tết mới về thăm nhà; Sản xuất lúa màu manh múngh nhỏ lẻ; Không khả năng kiểm soát chất lượng giống tôm; Gia đình xài tiền nhiều nên thâm vào vốn sản xuất; Không có vốn để thực hiện các kỹ thuật đã được cán bộ phòng nông nghiệp tập huấn; Thiếu vốn đầu tư cho sản xuất lớn, qui mô; Vòng xoay vốn mượn lớn (4 người/ vòng vay 1 nên 7 người phải chờ vòng vay 2, 3); Sử dụng vốn không đúng mục đích; Thực hiện quy trình lấy quyết định cho vay vốn không theo quy định mà theo bắt thăm may rủi; Người nghèo thiếu đất, không kinh nghiệm, cũng không kỹ thuật canh tác; Phát hiện được đối tượng hưởng lợi không phải là người cộng đồng hoặc thuộc thành phần khá, trung bình nhưng không dám khiếu nại; Có trường hợp gia đình nghèo nhưng chưa được phát hiện để hỗ trợ vốn trồng dưa, lúa; Mô hình xe xơ dừa bị khựng lại, máy để bụi bám; Còn vướng nợ của Development Program at the Developmental Area No 6 (# 800,000\$/đối tượng vay) Một số nữ thanh niên học nghề uốn tóc nhưng không hành nghề; Một số dân không sản xuất theo quy hoạch chung; Tổ chức tiếp thị thương mại hàng hóa yếu kém; Thiếu tài liệu về chăn nuôi; Vẫn còn kênh mương chưa thông thoáng; Điện lưới quốc gia chưa phục vụ rộng khắp; Đường giao thông còn lầy lội vào mùa mưa; Cơ sở hạ tầng phục vụ cho nuôi trồng còn yếu kém; Môi trường vật chất không vệ sinh vì chăn nuôi bò.</p>
<p style="text-align: center;">C.3.2.3 - Thời Cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Có chính sách chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ➢ Đã có qui hoạch vùng sản xuất; ➢ Có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương; ➢ Đa số cán bộ phòng nông nghiệp trẻ; ➢ Cán bộ phòng nông nghiệp có trình độ đại học và được tập huấn thường xuyên; 	<p style="text-align: center;">C.3.2.4 - Không Thuận Lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thời tiết không ổn định gây ảnh hưởng đến sản xuất, nuôi thủy sản; ➢ Dịch bệnh (vàng bùn-LXL, LMLM, rầy, sâu, dịch cúm gia cầm) thường xuyên xảy ra. ➢ Giá cả thị trường biến động gây bất lợi cho việc sản xuất (đầu vào cao, đầu ra thấp); ➢ Cán bộ phòng nông nghiệp cập nhật thông tin còn hạn chế;

C.3.2.3 - Thời Cơ (tt)	C.3.2.4 - Không Thuận Lợi (tt)
<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cán bộ phòng nông nghiệp nắm được các tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành; ➢ AAV hỗ trợ tập huấn, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với Tỉnh khác; ➢ DA6 hỗ trợ tập huấn, mô hình, vốn, nâng cao năng lực cán bộ, tổ chức; ➢ Sự hỗ trợ của một số dự án khác: CIDA (làm đường đất), IFAD (tập huấn cây trồng, vật nuôi), Chương Trình 135, 134 (hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo); ➢ Có hỗ trợ và tư vấn của ĐH Cần Thơ về quy hoạch; ➢ Được xí nghiệp tuyển dụng lao động trẻ của ấp; ➢ AAV ủng hộ mô hình ‘mượn đất trồng màu mùa khô’ và hỗ trợ xây giếng nước ngầm; ➢ Được hỗ trợ của các nguồn vốn phát triển khác; ➢ Có cơ hội phát triển nghề nghiệp phi nông nghiệp như công nhân nhà máy, may gia công. 	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Khả năng truyền đạt, thông tin của cán bộ phòng nông nghiệp còn hạn chế; ➢ Điều kiện làm việc của cán bộ phòng nông nghiệp chưa đạt yêu cầu; ➢ Biên chế ngành nông nghiệp còn thiếu; ➢ AAV rút khỏi CTPT DA6; ➢ Các hoạt động thuộc CTPT DA6, có liên quan đến sinh kế chưa tập trung cho người ở cộng đồng; ➢ VP.XGNĐ huyện không tiếp tục ủng hộ chị em trong việc sản xuất dây dứa nữa vì một số chị em còn nợ tiền vay mua máy và xơ dứa. ➢ Cơ sở bán và thu mua dây dứa không thu mua dây nữa (?); ➢ Việc làm tại địa phương không phù hợp với trình độ, năng lực của một số ít người dân.

C.3.3. Các Mặt Mạnh- Yếu- Thời Cơ- Không Thuận Lợi của Mạng Hoạt Động Quyền Giáo Dục

Các Mặt Mạnh - Yếu Được Người Dân Nhận Thức và Các Thời Cơ - Không Thuận Lợi Được Người Dân Nhận Diện

C.3.3.1 - Mặt Mạnh	C.3.3.2 - Mặt Yếu
<p>Cha mẹ quan tâm đến việc học của con cái; Mẹ biết dạy con cái học hành; Sau khi được tập huấn về kỹ năng sống, các em thực hành có hiệu quả phương pháp “đôi bạn cùng tiến”; Nhu cầu được học tập của trẻ em gái cao; Các em gái có nhu cầu hiểu biết về những nội dung liên quan đến sức khỏe sinh sản; Các em khám phá được những phẩm chất của bản thân và thừa nhận những hành vi xấu cần thay đổi; Tất cả các em đều có ước mơ theo đuổi nghề nghiệp phục vụ dân, về một cộng đồng tươi đẹp, trù phú; Giáo viên nắm vững và có kinh nghiệm thực hành giáo dục kỹ năng sống; Các em bảo trợ trẻ đóng góp tích cực việc gây quỹ cho CTPT DA6; Sách giáo khoa được bảo quản tốt để tiếp tục cho học sinh nghèo mượn; Các BGH-TTH nhiệt tình làm việc vì lợi ích của học sinh dù các em không còn thuộc phạm vi trách nhiệm và quản lý của trường nữa; Các BGH đề cao quyền lợi của học sinh tham gia BTT.</p>	<p>Trình độ dân trí thấp; Số hộ nghèo cao, chiếm 24.5%; Đời sống kinh tế gia đình khó khăn; Cha mẹ học sinh không tin rằng con học cao lên mới tìm được việc làm; Số học sinh bỏ học, nhất là cấp 2, đang gia tăng; Giáo viên thuộc lực lượng giáo dục thường xuyên và được biệt phái về làm việc với Trung Tâm Học Tập Cộng Đồng thiếu kiến thức và kỹ năng làm việc với cộng đồng; Đường giao thông đất lầy lội vào mùa mưa; Học sinh không có phương tiện đi học trường cấp 2.</p>

C.3.3.3 - Thời Cơ	C.3.3.4 - Không Thuận Lợi
<ul style="list-style-type: none"> ➢ Nhiều chính sách được triển khai nhằm nâng cao năng lực cán bộ ngành giáo dục; ➢ AAV hỗ trợ tích cực cho CTPT DA6 như đã thỏa thuận; ➢ AAV đổi mới phương pháp làm việc trong đó có phương pháp dựa trên quyền; ➢ Trẻ em là nhóm mục tiêu của CTPT DA6; ➢ Ngành giáo dục ủng hộ và cung cấp nhiều cán bộ, giáo viên cộng tác và phối hợp trong CTPT DA6; ➢ Ngành giáo dục có quan tâm đến chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; ➢ Ngành giáo dục có chủ trương và thực hiện việc chỉ đạo điềm, mô hình để các đơn vị tham quan học tập; ➢ Ngành giáo dục có tổ chức thi giáo viên giỏi hàng năm; ➢ Bộ GD-ĐT đã ra quyết định thành lập Trung Tâm Học Tập Cộng Đồng ở cấp xã; ➢ Bộ GD-ĐT đang có kế hoạch ngăn ngừa bỏ học; ➢ Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội đang trình dự án thiết chế nghề công tác xã hội đồng thời từng bước đào tạo nhân viên xã hội trung cấp và cung cấp cho các cộng đồng phường xã trong cả nước. 	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Giá cả thị trường biến động mạnh theo chiều hướng bất lợi cho người dân; ➢ Chương trình học nặng nề, không đáp ứng đúng nhu cầu của học sinh; ➢ Việc làm trong xã hội và cả trong ngành giáo dục thiếu, không đáp ứng nhu cầu việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp; ➢ Các kỹ năng cần có của nhiều cán bộ ngành giáo dục còn hạn chế; ➢ Một số cán bộ chuyên trách trong trường học chưa được tập huấn về nghiệp vụ; ➢ Trên 50% cán bộ quản lý ngành giáo dục huyện chưa được đào tạo về quản lý; ➢ Cán bộ ngành giáo dục chưa được bồi dưỡng về phương pháp phát triển cộng đồng; ➢ Cập nhật thông tin theo ngành dọc giáo dục còn hạn chế; ➢ Điều kiện an ninh cho các em nữ nhiều lúc chưa đảm bảo; ➢ Công nghệ thông tin còn hạn chế.

C.3.4. Các Mặt Mạnh- Yếu- Thời Cơ- Không Thuận Lợi của Mạng Hoạt Động Quyền Phụ Nữ vs HIV/ AIDS

Các Mặt Mạnh - Yếu Được Người Dân Nhận Thức và Các Thời Cơ - Không Thuận Lợi Được Người Dân Nhận Diện

C.3.4.1 - Mặt Mạnh	C.3.4.2 - Mặt Yếu
<p>Nữ học viên lớp học reflect tự tin hơn; Nữ học viên lớp học reflect tự lực chăm sóc sức khỏe của họ; Nữ học viên lớp học reflect được nâng cao hiểu biết về sức khỏe cộng đồng; Học viên các lớp reflect nữ chiếm đa số; Nhu cầu được học tập của phụ nữ và trẻ em gái cao; Các nữ thành viên CLB-PTCĐ thể hiện thái độ đoàn kết, tương trợ trong việc trực tiếp giúp đỡ người bị nhiễm HIV/ AIDS ; Có nhóm nữ thành viên CLB-PTCĐ phản ánh- dù chỉ phản ánh kín đáo, thái độ làm việc thiếu quan tâm của một điều phối viên xã;</p>	<p>Xài tiền nhiều nên thường thâm vào vốn sản xuất; Phụ nữ không đặt ưu tiên nâng cao năng lực cho bản thân; Có trẻ em gái kết hôn sớm để trả nợ cho gia đình; Đối tượng đi làm ăn xa là nữ chiếm tỉ lệ lớn Việc tham gia ý kiến của PN còn hạn chế Việc ưu tiên cho nam trong gia đình của cộng đồng vẫn còn.</p>

C.3.4.3 - Thời Cơ	C.3.4.4 - Không Thuận Lợi
<ul style="list-style-type: none"> ➢ Cái nhìn của xã hội đối với phụ nữ đã có chuyển biến tích cực; ➢ Phương tiện thông tin đại chúng cũng có nhiều chương trình nói về bình đẳng giới; ➢ Đối tượng của lớp reflect ưu tiên cho phụ nữ; ➢ Nhiều chế độ chính sách giáo dục ưu tiên phụ nữ; ➢ Cơ cấu chính quyền cũng chú ý đến tỉ lệ CB nữ ➢ 68% CB, GV ngành giáo dục là nữ; ➢ Một số nhà máy tại Tỉnh Trà Vinh rất cần tuyển dụng công nhân nữ; ➢ Hội phụ nữ huyện rất tích cực với những hoạt động liên quan đến bình đẳng giới; ➢ CB Hội phụ nữ được nâng cao năng lực nhiều khi làm việc với người dân ở lĩnh vực bình đẳng giới; ➢ AAV tiếp tục hỗ trợ khâu truyền thông về quyền phụ nữ và HIV/AIDS thuộc CTPT DA6. 	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Quan niệm về tôn giáo cũng ảnh hưởng đến giáo dục nữ giới; ➢ Điều kiện an ninh cho trẻ nữ chưa đảm bảo; ➢ Việc quy hoạch cán bộ nữ, tỉ lệ nữ chưa cao; ➢ Nữ cán bộ quản lý chiếm tỉ lệ thấp; ➢ Số giáo viên nữ giảm dần theo bậc học cao hơn; ➢ Phương pháp truyền thông một chiều với nhóm lớn không hiệu quả; ➢ Thông tin liên quan về bình đẳng hay khoảng cách giới không đến được với người dân một cách thường xuyên và đều đặn; ➢ Thông tin liên quan đến sức khỏe không đến được với người dân kịp thời; ➢ Phòng y tế huyện không còn điều động được cán bộ Trung tâm Phòng Dịch tham gia CTPT DA6 vì TT này không còn thuộc quản lý của Phòng Y tế nữa.

C.3.5. Các Mặt Mạnh- Yếu- Thời Cơ- Không Thuận Lợi của Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực CB-NV Huyện, Xã, Ấp

Các Mặt Mạnh - Yếu Được Người Dân Nhận Thức và Các Thời Cơ - Không Thuận Lợi Được Người Dân Nhận Diện

C.3.5.1- Mặt Mạnh	C.3.5.2- Mặt Yếu
<p>Các thành viên trong BQLDA-H nắm vững chủ trương XĐGN và có sáng kiến mở rộng cộng tác với các tổ chức phi chính phủ vì lợi ích của người dân;</p> <p>Các thành viên trong BQLDA-H nhận thức rõ quan hệ đối tác giữa họ với Action Aid Vietnam cũng như vai trò hỗ trợ của Action Aid Vietnam trong việc giúp giảm nghèo;</p> <p>BQLDA-H ủng hộ phương pháp tiếp cận dựa trên quyền của Action Aid Vietnam để phát triển;</p> <p>Các thành viên trong BQLDA-H rất ủng hộ CTPT-H.CN và nhiệt tình cử cán bộ phối hợp hoạt động;</p> <p>Đa số các cán bộ này nhiệt tình, cầu tiến, và có năng lực tiếp cận với người dân;</p> <p>Các BQLDA-X nắm rõ hơn vai trò, nhiệm vụ và tầm nhìn của đối tác ACTION AID VIETNAM ;</p> <p>Các BQLDA tin tưởng vào uy tín, hoạt động hỗ trợ người nghèo của ACTION AID VIETNAM ;</p> <p>Một TTHTCĐ cấp xã vừa được thành lập theo Quyết Định của Bộ GD-ĐT, có kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động. Chức năng của TT này trong khi làm việc với người dân là rất phù hợp cho sự vận hành của các tiến trình phát triển để giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân;</p> <p>Ngành giáo dục huyện vừa biệt phái giáo viên làm việc ở các TTHTCĐ xã với chức vụ Phó giám đốc;</p>	<p>Đa số các ngành thành viên trong BQLDA-H chưa đổi mới phương pháp truyền thông nên chi tiêu cho khâu này không hợp lý dù ít hơn khi so sánh với các công trình khác;</p> <p>Chủ tịch UBND xã hay Trưởng BQLDA-X kiêm nhiệm nhiều chức vụ, công việc rất bận rộn;</p> <p>Ban PTA lấy quyết định cho vay vốn theo may rủi;</p> <p>Thiếu theo dõi / giám sát sau tập huấn, truyền thông để kịp thời củng cố;</p> <p>TT Y Tế Dự Phòng không còn trực thuộc Phòng Y tế huyện nên Phòng không thể điều động cán bộ của TT này tiếp tục phối hợp với CTPT-H.CN;</p> <p>Cơ cấu hành chính thiếu linh hoạt, trên xuống - dưới lên theo từng cấp;</p> <p>Truyền thông trong hai hệ thống lồng ghép với nhau - hệ thống phát triển với đặc trưng cùng tham gia và hệ thống hành chính trên xuống- dưới lên, không thuận lợi cho hoạt động phát triển;</p> <p>Cung cấp kiến thức quản lý dự án/ CTPT và lượng giá có sự tham gia chưa kịp thời nên phải lồng ghép và thực hành nhảy bước;</p> <p>Chưa sử dụng các tiến trình phát triển, tăng quyền lực, tham gia và nhóm nhỏ một cách ý thức;</p> <p>Cán bộ xã, huyện tham gia CT PT DA6 thường chuyển đổi công tác khác;</p>

<p style="text-align: center;">C.3.5.1- Mặt Mạnh (tt)</p> <p>CB-NV các ngành thành viên và VP-XDGN có nhiều nỗ lực thực hiện quản lý tài chính CTPT-H.CN như đã được tập huấn;</p> <p>Đa số CB-NV của VP-XDGN có năng lực làm việc và tiếp cận với người dân theo các phương pháp & kỹ thuật tiếp cận mới để hỗ trợ phát triển;</p> <p>CB-NV VP-XDGN tạo được bầu khí cởi mở khi làm việc chung với các nhóm người khác;</p> <p>CB-NV VP-XDGN xây dựng được tình tương thân tương trợ với nhau;</p> <p>Một số cộng tác viên trong vai trò Giám Sát Viên thể hiện năng lực tốt khi làm việc chung với các nhóm người dân theo phương pháp và kỹ thuật khoa học để hỗ trợ dân phát triển.</p>	<p style="text-align: center;">C.3.5.2- Mặt Yếu (tt)</p> <p>Đa số CB-NV trong BQLDA-X chưa thể hiện kỹ năng tham gia trong hội họp để thảo luận và lấy quyết định chung liên quan đến toàn bộ các mảng hoạt động thuộc CTPT-H.CN;</p> <p>CB-NV VP-XDGN có khuynh hướng thiên về phương pháp tiếp cận đáp ứng nhu cầu trước mắt;</p> <p>Có hộ trung bình, khá vẫn được xét duyệt cho vay, ngược lại có hộ nghèo nhưng chưa phát hiện và tạo cơ hội để hỗ trợ hộ này kịp thời;</p> <p>CB VP. XĐGN chưa linh hoạt trong phân công việc, lĩnh vực làm việc giữa họ với nhau khiến cộng tác viên phải đợi chờ người này mới làm việc được vì những CB-NV khác trong văn phòng không biết công việc của người đồng nghiệp kia;</p> <p>Có CB VP-XDGN chưa giải quyết kịp thời mâu thuẫn với CLB-PTCĐ trong việc xây dựng mô hình ANLT;</p> <p>Có CB VP-XDGN thiếu kiểm soát những cảm xúc bất lợi khi làm việc tại cộng đồng ấp;</p> <p>Một số HDV chưa đủ năng lực để đảm đương vai trò hướng dẫn nhất là khi người dân đã nâng cấp các lớp học reflect trở thành CLB-PTCĐ.</p>
<p style="text-align: center;">C.3.5.3 - Thời Cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Bộ GD-ĐT ra Quyết định thành lập TTHTCĐ và cho biệt phái giáo viên từ phòng giáo dục huyện về làm việc chung với Chủ Tịch các UBND xã; ➢ Bộ LĐTB-XH xúc tiến dự án “ Mã số nghề Công tác xã hội” và đưa ra mục tiêu đào tạo lực lượng NVXH trung cấp để làm việc phát triển ở cấp xã; ➢ Một số tổ chức khác cũng có dự án hỗ trợ người dân trên cùng địa bàn xã thuộc DA6: CIDA, IFAD ➢ AAV có ý định hỗ trợ tiếp CTPT DA6 thêm 5 năm; ➢ AAV xem trọng và tạo cơ hội tốt nhất cho việc nâng cao năng lực của CB-NV CTPT DA6 và tăng quyền của người dân thông qua các cuộc đánh giá nhu cầu hay giám sát & lượng giá có sự tham gia; ➢ Cơ chế AAV linh hoạt nhờ nỗ lực ứng dụng phương pháp có sự tham gia; ➢ Người dân hưởng lợi chưa xây dựng tầm nhìn của chính cộng đồng họ; ➢ Phân bổ kế hoạch tài chính của AAV rõ ràng và nhiều nỗ lực minh bạch hóa và hợp lý hóa tài chính ở các CTPT DA; 	<p style="text-align: center;">C.3.5.4 - Không Thuận Lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Bộ phận chuyên gia của AAV chưa tạo được tác động tích cực đối với CTPT DA6, nhất là về các phương pháp làm việc để phát triển; ➢ AAV chấp nhận lồng ghép kế hoạch và kế cả phương pháp tiến hành hoạt động của CTPT DA6 vào kế hoạch của từng đơn vị đối tác; ➢ Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của CBV chưa được cụ thể hóa hợp pháp trong các bản thỏa thuận hợp tác giữa AAV và chính quyền địa phương; ➢ CBV của AAV thay đổi nhiều lần; ➢ Các CB AAV không tiến hành bàn giao nghiêm túc việc thực hiện, giám sát CTPT DA6 cho những CBV tiếp nhận CTPT DA6 dở dang; ➢ CBV không lưu giữ được những hồ sơ quan trọng có liên quan đến tiến trình phát triển của DA6; ➢ Các CBV cũ không chú trọng việc xây dựng kế hoạch phát triển có sự tham gia, gồm chi báo kinh tế xã hội cụ thể để nâng cao chất lượng PTCT đều đặn phù hợp với nhịp sống của người dân; ➢ CBV chưa đủ thời gian để làm việc mạng lưới với các tổ chức phi chính phủ đang hoạt động trên cùng địa bàn xã;

<p style="text-align: center;">C.3.5.3 - Thời Cơ (tt)</p> <ul style="list-style-type: none">➤ CBV được quyền linh hoạt thực hiện kế hoạch tài chính của CTPT DA6,;➤ CBV có thiện chí, năng lực chuyên môn ngành CTXH-PTCĐ và kinh nghiệm nhiều năm hoạt động với người nghèo vùng nông thôn.	<p style="text-align: center;">C.3.5.4 - Không Thuận Lợi (tt)</p> <ul style="list-style-type: none">➤ CBV đề xảy ra vấn đề truyền thông không đáng có thể ảnh hưởng không thuận lợi đến mối quan hệ cá nhân với CB VP. XĐGN.
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phụ Lục 6 :

Mong Đợi Của Người Dân

D.3.1 Mảng Hoạt Động Reflect/ CLB-PTCĐ

Mở thêm lớp xóa mù chữ cho những xã cũ và 11 xã khác: vận động nam giới đi học để xóa mù chữ; hỗ trợ áo mưa; đặc biệt là kính lão cho người cao tuổi;

Củng cố CLB-PTCĐ: tăng cường kỹ năng tuyên truyền/ truyền thông nhóm nhỏ, tập huấn về sức khỏe sinh sản, truyền thông nhóm nhỏ HIV và các bệnh XH, tăng phụ cấp cho HDV, tăng kỹ năng truyền thông của HDV- GV, tăng cường tài liệu tham khảo;

Mở thêm CLB-PTCĐ sinh hoạt hàng tuần: tuyên dụng / điều động một HDV cho CLB, đào tạo HDV mới có sự hợp tác của HDV cũ;

Đánh giá nhu cầu của thanh thiếu niên bỏ học, chuẩn bị ứng phó với vấn đề trẻ bỏ học;

D.3.2 Mảng Hoạt Động ANLT

Truyền thông bình đẳng giới cho đối tượng nam nông dân;

Củng cố mô hình: nghiên cứu thêm mô hình hai vụ lúa & tôm sú, cung cấp đều đặn thông tin về mô hình xơ dừa, mở rộng sản xuất cho người nghèo không đất; nhân điển hình “Mượn đất trồng màu mùa khô”, và tăng đồng vốn chăn nuôi; buôn bán nhỏ, trồng màu, hỗ trợ màng phủ; Xây dựng mô hình mới: tham quan mô hình phát triển kinh tế; mô hình hợp tác xã kiểu mới đa mục đích (cung cấp rau an toàn) với cổ phần # 200.000\$ và nguồn vốn 40.000.000\$); các mô hình trồng bắp, dệt thảm len, nuôi cá;

Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp (máy nổ, tiêu thủ công, điện tử, may gia công).

Xây dựng và trang thiết bị: đường đan nông thôn, làm giếng, kéo điện trồng màu, nạo vét kinh, đầu tư máy cày, tuốt lúa (thay thế lực lượng lao động đi làm ăn xa), hỗ trợ máy móc lập nghiệp;

Chuyên giao kỹ thuật: giống màu, lúa, đực gia súc, thuốc ngừa gia súc, nuôi trồng thủy sản

D.3.3 Mảng Hoạt Động Quyền Giáo Dục

Củng cố công trình cũ: Phát triển môi trường học tập, cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn QG, sân trường, bàn ghế học sinh đúng qui cách để đảm bảo theo phương pháp mới, hỗ trợ thiết bị, dụng cụ học tập cho lớp mẫu giáo, hỗ trợ học sinh nghèo đến lớp (học bổng, gạo, tiếp tục cấp tập năm 2008-2009), kỹ năng sống, nhân rộng phong trào ĐBCT, truyền thông nhóm nhỏ HIV và các bệnh XH

Sinh hoạt hè (SKSS), câu lạc bộ vui chơi giải trí cho trẻ em và thanh thiếu niên;

Từng bước chuyển giao một số hoạt động cho trường tự phát huy (VD., xây dựng ...)

Xây dựng 3 phòng học ở điểm Sóc Chàm;

Chuyên đề ‘Kỹ năng sống’ cho CMHS;

Chuẩn bị ứng phó với VĐ trẻ bỏ học.

D.3.4 Mảng Hoạt Động Bình Đẳng Giới VS HIV/ AIDS

Truyền thông bình đẳng giới cho đối tượng nam nông dân;

Truyền thông nhóm nhỏ HIV và các bệnh xã hội.

D.3.5 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực

Lên kế hoạch phát triển đặc biệt người Khmer tiếp thu tiếng Việt chậm

Cung cấp thông tin quản lý tài chính của chính quyền địa phương, nguồn thông tin về tuyển dụng lao động của các công ty trong Huyện, Tỉnh,

Người nghèo có việc làm thiết thực

Chăm sóc trẻ mồ côi, khuyết tật dựa trên cộng đồng;

Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, nước sạch (Trà Kim)

Phụ Lục 7 :**Các Lựa Chọn Mang Tính Chiến Lược Cho Giai Đoạn 2008- 2013****C.4.1. Mảng Hoạt Động CLB- PTCD**

<p>C.4.1.1- Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ</p> <p>Tổ chức học tập về quyền trẻ em và thực hành trong gia đình: giúp con nuôi dưỡng ước mơ, phát huy phẩm chất, đổi mới hành vi không thích hợp; Đề xướng và tham gia đánh giá nhu cầu tạo việc làm phi nông nghiệp trong cộng đồng ấp; Hình thành Bản Tin CLB-PTCD: Chia sẻ kinh nghiệm nuôi dạy con cái, thông tin việc làm phi nông nghiệp; tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên tại địa phương ; Đánh giá nhu cầu học xóa mù chữ của một số phụ nữ, thanh niên trong ấp và đề xuất việc mở lớp nếu học viên có nhu cầu và khả năng tham gia lớp (ước muốn đi học, thời gian, sắp xếp công việc/ phân công lao động trong gia đình) Tranh thủ sự hỗ trợ của BQLDA xã và VP.XĐGN tập trung nguồn lực nhiều hơn cho hoạt động tự quản CLB-PTCD, chẳng hạn được tập huấn về phương pháp năng động nhóm, hợp pháp hóa CLB-PTCD . .v. .v. . hoặc sinh hoạt đều đặn và có theo dõi thực hành về các chủ đề giới và phát triển, phòng chống HIV/ AIDS; Cùng với TTHTCD tổ chức chuyên đề gây quỹ và tích cực thực hành gây quỹ của CLB-PTCD.</p>	<p>C.4.1.3- Biện Pháp Thời Cơ- Mặt Yếu</p> <p>Phối hợp với TTHTCD tổ chức các lớp học nâng cao, luyện viết, hay chuyên đề về quản lý kinh tế gia đình, phụ nữ vượt qua buồn khổ, Đề xuất chính quyền các cấp cùng nhân dân, trong đó có sự đóng góp của học viên Reflect gắn đèn đường đến lớp Phản hồi với Điều phối viên những cảm nhận của học viên để giúp người này thay đổi tốt hơn, cũng có thể phản ánh trực tiếp với BQLDA xã và VP.XĐGN về thái độ làm việc của người này; Các HDV cần thẳng thắn trình bày và phối hợp với BQLDA xã và VP.XĐGN để cùng khách quan xem xét và có biện pháp phù hợp cho việc giải quyết những khó khăn của họ; Nâng cao trách nhiệm của học viên đối với việc học và lợi ích của chính họ; Liên kết với mảng ANLT thuộc CTPTCD giới thiệu học viên có nhu cầu làm việc, tăng thu nhập.</p>
<p>C.4.1.2- Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi</p> <p>Củng cố năng lực cho Ban chủ nhiệm: học và thực hành phương pháp năng động nhóm, truyền thông nhóm nhỏ, xây dựng kế hoạch hoạt động năm của CLB có sự tham gia của các thành viên, trong đó có một số chủ đề sát với thực tế như quản lý kinh tế gia đình, phụ nữ vượt qua buồn khổ, xây dựng gia đình hạnh phúc, phát huy những phẩm chất/ giá trị thời “bão giá”; Kiện toàn tổ chức CLB: hoàn tất thủ tục hành chánh, pháp lý của CLB, danh sách thành viên CLB, qui chế hoạt động, đóng sinh hoạt phí, lưu trữ hồ sơ liên quan, tổ chức hoạt động của CLB; Sử dụng hợp lý thông tin cuộc đánh giá cho việc tổ chức công việc làm phi nông nghiệp cho thành viên; Ủng hộ việc học phương pháp phát triển cộng đồng của các cán bộ phòng giáo dục và chuẩn bị kế hoạch hợp tác trong tương lai; Thực hành cắt chai tóc giúp đỡ bà con nghèo trong ấp; Chủ động củng cố hoạt động xe xơ dừa tăng thu nhập: cử BCN trực tiếp giao dịch với bạn hàng cung cấp xơ dừa và thu mua sản phẩm dây, bảo dưỡng máy xe dừa, hoàn trả vốn vay đúng hạn; Tìm thêm những việc làm khác: may gia công các loại khăn bịt mũi, chống bụi</p>	<p>C.4.1.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi</p> <p>Giảm các lớp học xóa mù chữ và CLB-PTCD; Sát nhập các lớp học và CLB-PTCD này vào TTHTCD; Giải thể các CLB-PTCD.</p>

C.4.2 Mảng Hoạt Động ANLT/ Vốn Mượn-Thực Hành Mô Hình

<p>C.4.2.1 - Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ</p> <p>Viết đề cương thành lập tổ hợp sản xuất-thu mua- cung cấp rau an toàn trên cơ sở áp dụng kinh nghiệm của mô hình cung cấp rau an toàn ở huyện Bình Chánh và tranh thủ sự hỗ trợ của AAV hay các tổ chức phi chính phủ khác như IFAD;</p> <p>Đẩy mạnh công trình “mượn đất trồng màu mùa khô”, trong đó tiếp tục đề xuất CTPT DA6 hỗ trợ ngân sách để bù đắp cho chủ đất trên cơ sở cả hai, nông dân và chủ đất đều có lợi;</p> <p>Thiết lập bản tin CTPT DA6 ở các trụ sở ấp: thông tin với người dân việc tuyển dụng lao động của một số nhà máy, xí nghiệp trong phạm vi Tỉnh Trà Vinh, giá cả thị trường;</p> <p>Đánh giá nhu cầu có sự tham gia của người dân 1/ việc làm phi nông nghiệp, 2/ tổ hợp tác cung cấp rau an toàn đồng thời xây dựng kế hoạch hành động phát triển kinh tế xã hội.</p>	<p>C.4.2.3 - Biện Pháp Thời Cơ- Mặt Yếu</p> <p>Phối hợp với phòng nông nghiệp để được tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn về giống ;</p> <p>Đề xuất một số ban ngành đoàn thể huyện thống nhất và phân bổ trách nhiệm hỗ trợ người nghèo;</p> <p>Phối hợp với CB phòng nông nghiệp đánh giá nhu cầu “triển khai mô hình” của người nghèo, không đất, không kỹ thuật, không vốn và có biện pháp hỗ trợ hợp lý;</p> <p>Phối hợp với những hộ giàu, khá: tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm, gửi người nghèo đào tạo tại chỗ dưới hình thức làm thí công để lấy kinh nghiệm trồng màu;</p> <p>Nâng cao ý thức người dân về cuộc sống khó khăn của con cái khi làm ăn xa để có biện pháp tích cực giúp em trở về quê</p> <p>Tiếp cận với một số công ty, nhà máy ở Trà Vinh để giới thiệu việc làm cho thanh niên muốn trở về ấp, xã sống;</p> <p>Phối hợp với BQLDA xã và CBCT để nắm lại kỹ thuật lấy quyết định có sự tham gia và đổi mới tập quán này</p> <p>Phối hợp với các tổ chức/ CT CiDa (làm đường đất), IFAD (tập huấn cây trồng, vật nuôi), CT135 tìm thêm nguồn lực cho CĐ;</p> <p>Phối hợp với CTPT-H.CN tìm thêm nguồn lực cho việc chăm sóc vệ sinh môi trường</p>
<p>C.4.2.2 - Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi</p> <p>Sử dụng tối đa phân bón hữu cơ thay thế dần phân bón hóa học;</p> <p>Sử dụng cơ chế ngành thú y;</p> <p>Củng cố quan hệ vững chắc với cán bộ phòng nông nghiệp;</p> <p>Theo công việc làm sẵn có trong gia đình hay cộng đồng (sản xuất nông sản) nhưng biến đổi loại nông sản sao cho phù hợp năng lực, tay nghề sản xuất;</p> <p>Rà soát và cho điều chỉnh đối tượng hưởng lợi từ mảng hoạt động này: 1/ lên danh sách hộ nghèo của các ấp, đặc biệt quan tâm các hộ gặp rủi ro và từ trước tới nay chưa từng có cơ hội tham gia CT, 2/ lên danh sách những hộ đã thoát nghèo, xếp hạng theo kinh tế-xã hội có sự tham gia và có kế hoạch tham mưu với BQLDA huyện để có biện pháp thích hợp;</p> <p>Chủ động cùng CB VP.XĐGN giải quyết vấn đề “thất bại của việc xe xơ dừa”, gồm mối quan hệ cán bộ- dân;</p> <p>Đề nghị BQLDA huyện cho củng cố bộ máy nhân sự VP.XĐGN huyện: mỗi CB-NV cần nắm vững nhiệm vụ của các CB-NV khác trong VP và sẵn sàng choàng thêm việc khi có CB-NV nghỉ đột xuất, kịp thời giải quyết vướng mắc trong mối quan hệ với người dân.</p>	<p>C.4.2.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi</p> <p>Không trồng một số cây màu dễ bị ngập úng như đậu phộng ;</p> <p>Không dùng phân bón hóa học;</p> <p>Trồng màu ít lại;</p> <p>AAV rút theo thỏa thuận (2010)</p>

C.4.3 Mảng Hoạt Động Quyền Giáo Dục

<p>C.4.3.1 - Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ Phối hợp chặt chẽ hơn trong nội bộ BQLDA xã để hỗ trợ tạo việc làm và tăng thu nhập để giảm nghèo cho cha mẹ học sinh tham gia BTT; Phát triển truyền thông hai chiều giữa nhà trường với các PTA, giữa cha mẹ học sinh với các BQLDA xã; Thực hiện các bảng biểu giám sát hoạt động, tài chính, thành quả .v. .v. . và công khai với cha mẹ học sinh BTT tại trường và các trụ sở ấp; Tăng cường hoạt động nghiên cứu gia đình và tư vấn gia đình ngăn ngừa, giải quyết việc bỏ học của con cái; Phối hợp với ngành giáo dục Huyện cùng tranh thủ nguồn ngân sách của nhà nước về nâng cao năng lực cho đội ngũ CB-GV để tổ chức các khóa tập huấn theo phương pháp giáo dục người lớn/ học dựa vào kinh nghiệm như quản lý dự án/ chương trình phát triển, năng động nhóm, phát triển cộng đồng, tham vấn công tác xã hội, tự nhận thức & phát triển bản thân . . v. .v. . cho lực lượng CB quản lý và giáo viên, nhất là những vị Phó giám đốc các TTHTCD; Xây dựng chế độ khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, tập thể BGH đã đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của toàn huyện, của ngành giáo dục huyện, của cộng đồng dân cư bốn xã tham gia CTPT DA6; Tổ chức làm việc nhóm nhỏ cho học sinh BTT vào dịp hè: sử dụng phương pháp năng động nhóm/ tiến trình nhóm, tuyên dụng và tập huấn thanh niên trẻ, soạn thảo nội dung các chủ đề logic để đáp ứng nhu cầu nâng cao kiến thức, thực hành kỹ năng sống, quyền trẻ em, sức khỏe sinh sản và mở rộng mối quan hệ của trẻ; Đánh giá nhu cầu xóa mù chữ của các cộng đồng và lên kế hoạch phát triển lớp reflect với những chỉ báo phát triển kinh tế xã hội cụ thể.</p>	<p>C.4.3.3 - Biện Pháp Thời Cơ- Yếu Phối hợp/ Làm việc mạng lưới với ngành giáo dục về Quyền Trẻ Em, học sinh bỏ học; Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, tổ chức giáo dục trong và ngoài nước về việc cải tổ chương trình giáo dục ở cấp vi mô; Phối hợp với một số tổ chức NGOs (UNICEF, Radda Barnen, World Vision) đang làm việc với hoặc hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (nghèo, bỏ học, bị lạm dụng tình dục)</p>
<p>C.4.3.2 - Biện Pháp Mạnh- Không thuận lợi Cùng cố truyền thông hai chiều: giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, giữa học sinh với cha mẹ các em; Cùng cố chương trình học bổng: nắm tình hình cụ thể/ đánh giá nhu cầu có sự tham gia của gia đình trẻ có nguy cơ hay đã bỏ học, xây dựng kế hoạch toàn diện để giải quyết, viết và bảo vệ dự án, thực hiện, giám sát, lượng giá giữa kỳ, lượng giá kết thúc; Truyền thông hai chiều về quản lý ngân sách gia đình, tận dụng nguồn lương thực tự nhiên, phát huy giá trị phù hợp trong các buổi họp phụ huynh hàng năm; Chăm sóc sức khỏe của học sinh: trẻ bị cận thị, thể ngời bàn học không đúng; Tăng quyền lực của Hội Phụ Huynh để họ tham gia góp ý hay đề xuất việc cải tổ chương trình học; Cùng cố nội dung bồi dưỡng hè cho giáo viên: Tâm lý lứa tuổi, tham vấn học đường, quyền trẻ em . . .v. .v. .</p>	<p>C.4.3.4 - Biện Pháp Yếu- Không thuận lợi Sát nhập từng mảng hoạt động cho các ban ngành, đoàn thể có chức năng liên quan cấp huyện để cùng tiếp tục theo dõi/ quản lý; Kết thúc CTPT-H.CN vào năm 2010 như đã thỏa thuận.</p>

C.4.4 Mảng Hoạt Động Quyền Phụ Nữ vs HIV/ AIDS

<p>C.4.4.1 - Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ Tổ chức tập huấn về sức khỏe sinh sản cho các bà mẹ có con tuổi vị thành niên; Tổ chức làm việc nhóm nhỏ với trẻ em gái là học sinh BTT vào dịp hè trên những chủ đề: sức khỏe sinh sản, tâm lý lứa tuổi vị thành niên, hướng nghiệp (những nghề mới: công tác xã hội và PTCD, thiết kế đồ họa, ngân hàng, kiến trúc). .v . .v . . ; Phát huy trách nhiệm của các CLB-PTCD để tham vấn trẻ vị thành niên, đặc biệt trẻ gái; Tổ chức CLB Truyền hình: thảo luận những vở cải lương, kịch trên truyền hình có nội dung liên quan đến quyền phụ nữ/ bình đẳng giới và phòng chống HIV/ AIDS đồng thời tích cực ứng dụng vào thực tế có theo dõi ; Tổ chức các cuộc thi đua có thưởng: hạnh phúc gia đình, ứng xử, ca múa kịch và hài có liên quan bình đẳng giới hay khoảng cách giới và phòng chống HIV/ AIDS Thực hiện đều đặn Bản Tin Bình Đẳng Giới và phòng chống HIV/ AIDS và niêm yết ở trụ sở BND áp: nêu gương những gia đình hạnh phúc, phân công lao động bình đẳng, chồng và con trai chia sẻ việc nhà với vợ và mẹ, chị em gái, những đưa con hiếu thảo (bao gồm cả người Khmer). . , thông tin về việc làm của phụ nữ và trẻ em gái trong phạm vi tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>C.4.4.3 - Biện Pháp Thời Cơ- Mặt Yếu Nâng cao nhận thức cho tất cả các nhóm phụ nữ về tăng quyền lực, bao gồm những chỉ báo cụ thể; Phối hợp với CLB-PTCD hay TTHTCD hay Tổ PN tổ chức tập huấn nhóm nhỏ về Quản Lý kinh tế gia đình; Phối hợp với các CLB-PTCD hay TTHTCD hay Tổ PN để tổ chức tham vấn thường xuyên cho trẻ vị thành niên; Phối hợp với Tổ PN áp để phát hiện một số vi phạm về quyền trẻ em (cha mẹ đánh chưởi con trẻ, ép con lấy chồng. . .); Phối hợp với CLB nông dân, Hội ND áp, cha mẹ học sinh BTT sinh hoạt theo chủ đề: Phân công lao động trong gia đình, công bằng với con cái, quyền trẻ em, nguy cơ từ một cuộc sống xa quê, nhất là đối với nữ thanh niên. . . Liên kết với nhà máy tuyển dụng công nhân là thanh nữ trong áp đang làm ăn xa;</p>
<p>C.4.4.2 - Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi Tìm những công việc làm ở một số Cty nhà máy tại Tỉnh Trà Vinh để tạo cơ hội cho các em quay trở về; Cấp học bổng cho một số em theo học nghề mới, đặc biệt trẻ gái và người Khmer: CTXH & PTCD; Theo dõi việc phụ nữ tự lực khám phụ khoa; Tiếp tục hỗ trợ cho bệnh nhân nhiễm HIV hợp lý</p>	<p>C.4.4.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi Các hoạt động liên quan bình đẳng giới bị cắt giảm; Sát nhập vào hoạt động của Hội PN; Cuộc sống của phụ nữ và trẻ em phát triển không theo định hướng có lợi cho họ; Sát nhập hai mảng hoạt động Giới và HIV.</p>

C.4.5 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực

<p>C.4.5.1 - Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ Đẩy mạnh các tiến trình phát triển, tham gia và tăng quyền lực của người dân trong toàn bộ CTPT DA6; Đẩy mạnh việc quản lý CTPT DA6 có sự tham gia bao gồm các bước 1/ đánh giá nhu cầu (xem chiến lược mạnh-thời cơ kể trên của từng mảng hoạt động), 2/ xây dựng kế hoạch tập trung vào những chỉ báo phát triển kinh tế xã hội năm năm 2008-2013, 3/ thực hiện công khai tài chánh, những tồn tại cần khắc phục, 4/ giám sát việc thực hiện các bản tin, biểu bảng giám sát, công khai tài chánh, chỉ báo phát triển KTXH và trao quyền giám sát cho người dân ở áp, và 5/ lượng giá hằng năm, lượng giá cuối kỳ;</p>	<p>C.4.5.3 - Biện Pháp Thời Cơ - Mặt Yếu Liên kết với một số chương trình/ dự án phát triển- có sử dụng một số phương pháp phát triển, trong và ngoài nước để tham quan và ứng dụng vào thực tế hoạt động của CTPT; Phối hợp chặt chẽ hơn với CBV để học tập cách làm phát triển; Dựa vào nguồn lực từ CBV, chuyên gia AAV để nắm lại từ đầu tiến trình phát triển của CTPT-H.CN; Liên kết với các áp và thăm gia đình để rà soát đối tượng hưởng lợi hoặc bổ sung hoặc điều chỉnh cắt giảm cho hợp lý;</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

C.4.5 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực (tt)	
<p style="text-align: center;">C.4.5.1 - Biện Pháp Mạnh- Thời Cơ</p> <p>Tranh thủ sự hỗ trợ của AAV để đầu tư các nguồn lực tốt nhất cho việc xây dựng và phát triển bền vững TTHTCĐ: có thể tiếp nhận nguồn nhân lực chuyên trách là các Giám Sát Viên, chuyển các hoạt động tập huấn tăng quyền lực của người dân về cấp xã, tổ chức những nhóm nhỏ nông cốt trong dân (nhóm trẻ em BBT, nhóm thanh niên, các lớp học reflect mới, và CLB- PTCD, cấp học bổng dài hạn cho thanh niên vốn là trẻ em tham gia BTT học đại học hay trung cấp công tác xã hội & phát triển cộng đồng;</p> <p>Khuyến khích những sáng kiến mới của người dân, chẳng hạn đề xuất tổ hợp tác rau an toàn, tạo việc làm phi nông nghiệp, tuyển dụng và đào tạo thanh niên địa phương làm việc với học sinh BTT vào dịp hè . . v .v . đồng thời sử dụng triệt để chu trình quản lý có sự tham gia và đưa ra quyết định đầu tư hợp lý các công trình này;</p> <p>Mở rộng tiếp cận và sử dụng nguồn lực thêm vào, hoặc thông qua AAV hoặc NGOs hiện có trên địa bàn huyện, cho việc nâng cao năng lực của các CB đầu ngành, CB chuyên trách của đơn vị đang phối hợp trong CTPT DA6, các BQLDA xã, BGH, TTHTCĐ, Tăng quyền lực của các chủ nhiệm CLB-PTCD để họ tự quản CLB-PTCD có sự tham gia của người dân cộng đồng ấp;</p> <p>Chuẩn bị kế hoạch chuyển giao CTPT DA6 và tự lực phát triển các cộng đồng</p>	<p style="text-align: center;">C.4.5.3 - Biện Pháp Thời Cơ - Mặt Yếu</p> <p>Liên kết với BCN CLB hoặc PTA để truyền thông hai chiều những nội dung liên quan đến CTPT kịp thời; Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của AAV;</p> <p>Dựa vào vai trò tham mưu của các điều phối viên và hồ sơ lưu trữ để nắm toàn bộ CTPT huyện, xã trước khi nhận nhiệm vụ.</p>
<p style="text-align: center;">C.4.5.2 - Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi</p> <p>Củng cố các phương pháp tiếp cận của AAV và cho thể hiện đúng mực qua những chỉ báo phát triển KTXH được xây dựng ở từng mảng hoạt động;</p> <p>Tiếp tục học tập việc quản lý chương trình phát triển của AAV: hòa nhập vào hệ thống phát triển, đổi mới những phương pháp truyền thống không còn phù hợp, đổi mới những tập quán không phù hợp, củng cố mối quan hệ hợp tác với AAV nói riêng và các NGOs khác nói chung, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, và cả tin tưởng nữa;</p> <p>Củng cố các mối quan hệ với CB-NV của AAV, nhất là CBV. Người này thật sự có năng lực, luôn chia sẻ trách nhiệm quản lý CTPT có sự tham gia để CT đạt hiệu quả tốt nhất;</p>	<p style="text-align: center;">C.4.5.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi</p> <p>Tinh giản số HDV;</p> <p>Sát nhập vào hoạt động của ngành GD huyện;</p> <p>Sát nhập các mảng hoạt động của CTPT vào các TTHTCĐ xã;</p> <p>Đóng cửa CTPT-H.CN</p> <p>Giải thể VP. XĐGN;</p> <p>AAV rút như đã thỏa thuận (2010)</p>

C.4.5 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực (tt)

<p>C.4.5.2 - Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi</p> <p>Nhận thức tầm quan trọng của việc lưu giữ hồ sơ và chủ động quản lý tốt, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến tiến trình quản lý phát triển; Thiết lập database cho VP. XĐGN; Cùng cố năng lực quản lý CLB của các ban chủ nhiệm để tự lực quản lý CLB không có HDV. Cùng cố các phương pháp tiếp cận của AAV và cho thể hiện đúng mực qua những chỉ báo phát triển KTXH được xây dựng ở từng mảng hoạt động; Tiếp tục học tập việc quản lý chương trình phát triển của AAV: hòa nhập vào hệ thống phát triển, đổi mới những phương pháp truyền thống không còn phù hợp, đổi mới những tập quán không phù hợp, cùng cố mối quan hệ hợp tác với AAV nói riêng và các NGOs khác nói chung, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, và cà tin tưởng nữa; Cùng cố các mối quan hệ với CB-NV của AAV, nhất là CBV. Người này thật sự có năng lực, luôn chia sẻ trách nhiệm quản lý CTPT có sự tham gia để CT đạt hiệu quả tốt nhất; Cùng cố hệ thống tổ chức của CTPT: Truyền thông hai chiều giữa người dân với bất cứ cấp quản lý nào trong CTPT, tinh gọn hai mảng hoạt động Y tế- HIV và Giới thành một, họp định kỳ trong các BQLDA huyện xã để lấy quyết định chung về thành quả thực hiện đã đạt được cũng như kế hoạch tới của CT (tập trung hơn vào các chỉ báo phát triển KTXH vì kế hoạch và thực hiện tài chánh đã tốt rồi); Nhận thức tầm quan trọng của việc lưu giữ hồ sơ và chủ động quản lý tốt, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến tiến trình quản lý phát triển; Thiết lập database cho VP. XĐGN; Cùng cố năng lực quản lý CLB của các ban chủ nhiệm để tự lực quản lý CLB không có HDV. Cùng cố các phương pháp tiếp cận của AAV và cho thể hiện đúng mực qua những chỉ báo phát triển KTXH được xây dựng ở từng mảng hoạt động; Tiếp tục học tập việc quản lý chương trình phát triển của AAV: hòa nhập vào hệ thống phát triển, đổi mới những phương pháp truyền thống không còn phù hợp, đổi mới những tập quán không phù hợp, cùng cố mối quan hệ hợp tác với AAV nói riêng và các NGOs khác nói chung, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, và cà tin tưởng nữa; Cùng cố các mối quan hệ với CB-NV của AAV, nhất là CBV. Người này thật sự có năng lực, luôn chia sẻ trách nhiệm quản lý CTPT có sự tham gia để CT đạt hiệu quả tốt nhất;</p>	<p>C.4.5.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------

C.4.5 Mảng Hoạt Động Nâng Cao Năng Lực (tt)	
<p>C.4.5.2 - Biện Pháp Mạnh- Không Thuận Lợi</p> <p>Củng cố hệ thống tổ chức của CTPT: Truyền thông hai chiều giữa người dân với bất cứ cấp quản lý nào trong CTPT, tinh gọn hai mảng hoạt động Y tế- HIV và Giới</p> <p>Củng cố hệ thống tổ chức của CTPT: Truyền thông hai chiều giữa người dân với bất cứ cấp quản lý nào trong CTPT, tinh gọn hai mảng hoạt động Y tế- HIV và Giới thành một, họp định kỳ trong các BQLDA huyện xã để lấy quyết định chung về thành quả thực hiện đã đạt được cũng như kế hoạch tới của CT (tập trung hơn vào các chỉ báo phát triển KTXH vì kế hoạch và thực hiện tài chính đã tốt rồi);</p> <p>Nhận thức tầm quan trọng của việc lưu giữ hồ sơ và chủ động quản lý tốt, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến tiến trình quản lý phát triển;</p> <p>Thiết lập database cho VP. XĐGN;</p> <p>Củng cố năng lực quản lý CLB của các ban chủ nhiệm để tự lực quản lý CLB không có HDV.</p>	<p>C.4.5.4 - Biện Pháp Yếu- Không Thuận Lợi</p>

HÌNH ẢNH



Gia Đình Hạnh Phúc



Ước Mơ và Hy Vọng



Phụ Nữ và Tăng Gia Sản Xuất Nông Nghiệp



Phụ Nữ và Gia Tăng Sản Xuất Phi Nông Nghiệp



Phụ Nữ Được Tăng Quyền Lực Khi Tham Gia Vào Sinh Hoạt Cộng Đồng



Phụ Nữ và Vị Thế Được Nâng Cao Trong Cộng Đồng



Nhóm Đánh Giá Thăm Gia Đình Người Dân, có Sử Dụng Công Cụ PRA



Ban Quản Lý Dự Án Cấp Xã “Động Não” Trước Khi Thảo Luận Kế Hoạch Dự Án

